

KienlongBank



KẾT NỐI GIÁ TRỊ



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2024

Signature Not Verified

Ký bởi: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN KIẾN LONG
Ký ngày: 18/4/2025 21:42:39





Kujikawa
Vun Minh

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

NHNN

Ngân hàng Nhà nước

ĐHĐCĐ

Đại hội Đồng cổ đông

HĐQT

Hội đồng quản trị

BKS

Ban Kiểm soát

BĐH

Ban Điều hành

TGD

Tổng Giám đốc

KBA

Công ty TNHH Một thành viên Quản lý nợ và Khai thác tài sản - Ngân hàng TMCP Kiên Long

TMCP

Thương mại Cổ phần

ĐVKD

Đơn vị kinh doanh

CBNV

Cán bộ nhân viên

CTV

Cộng tác viên

GDV

Giao dịch viên

ASXH

An sinh xã hội

QTRR

Quản trị rủi ro

RR

Rủi ro

QLRRTD

Quản lý rủi ro tín dụng

MỤC LỤC

01. LỜI NGỎ & THÔNGIỆP

❖ Lời ngỏ	08
❖ Thông điệp Chủ tịch HĐQT	10

02. SẮC MÀU 29 NĂM KIENLONGBANK

❖ Hành trình 29 năm Kiến tạo giá trị	16	❖ Cơ cấu quản trị	24
❖ Công ty con, công ty trực thuộc	18	❖ Cơ cấu cổ đông	32
❖ Sứ mệnh kết nối vươn xa	20	❖ Sự kiện tiêu biểu	34
❖ Những dấu mốc quan trọng	22	❖ Giải thưởng & thành tựu 2024	36

03. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG MỘT NĂM KHỞI SẮC, VƯƠN TẦM

❖ Chuyển đổi mô hình quản trị, hướng tới đáp ứng tiêu chuẩn phát triển bền vững	40
❖ Đổi mới mô hình quản trị nhân sự	45
❖ Công nghệ - “Át chủ bài” Tối ưu hóa trải nghiệm khách hàng	48
❖ Đẩy mạnh phát triển các sản phẩm dịch vụ số	50
❖ Xây dựng một ngân hàng vì cộng đồng	56
❖ Đẩy mạnh cải tiến chất lượng dịch vụ và nâng cao trải nghiệm khách hàng	58
❖ Báo cáo phát triển bền vững	60

04. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG

❖ Báo cáo của HĐQT	74
❖ Báo cáo của BKS	78
❖ Báo cáo của BDH	84

05. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ KIỂM TOÁN

❖ Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất đã kiểm toán	94
---	----

06. MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

❖ Mạng lưới hoạt động	170
-----------------------	-----

01.

LỜI NGỎ & THÔNG ĐIỆP

Kỷ nguyên Vươn mình

Năm 2024 có ý nghĩa đặc biệt quan trọng quyết định thành công của chiến lược chuyển đổi Số vì mục tiêu phụng sự khách hàng (2021-2025), tạo nền tảng quan trọng hướng tới định vị về một Ngân hàng Số hiện đại, toàn diện vào năm 2025. Linh hoạt và bám sát những biến động của nền kinh tế, kiên trì với lộ trình chuyển đổi mạnh mẽ cùng ba trụ cột, động lực chính: Công nghệ - Quản trị - Con người, KienlongBank đã đạt được nhiều thành tựu đáng tự hào, nâng tầm vị thế và để lại nhiều dấu ấn trong ngành.

Được xác định là năm bứt phá để về đích cho hành trình 2021-2025, KienlongBank đã chuẩn bị đủ nguồn lực cần thiết **“tạo thế, tạo đà, tạo lực”** để chạm đến mục tiêu đã đề ra. Bước sang năm 2025, giữ vững phương châm **“Lấy khách hàng làm trung tâm”**, bằng việc quyết liệt trong từng hành động, khai thác triệt để các lợi thế cạnh tranh, tận dụng tối đa cơ hội cũng như không ngừng đổi mới, nâng cao phương pháp quản trị điều hành, KienlongBank tự tin bước vào kỷ nguyên vươn mình đón nhận những vận hội mới.

Kính gửi Quý Khách hàng, Quý Cổ đông, Quý Đối tác cùng toàn thể hơn 5.000 CBNV, CTV KienlongBank,

Năm 2024 đã chính thức khép lại cùng những dấu ấn số mới trong hành trình phát triển của Ngân hàng TMCP Kiên Long (KienlongBank). Trong một thế giới luôn vận động không ngừng, nơi những cơn gió đổi thay của kinh tế toàn cầu, công nghệ tiên phong và kỳ vọng ngày càng cao từ xã hội đan xen, KienlongBank vẫn kiên định vươn mình, nỗ lực khẳng định vị thế, kiến tạo một hệ sinh thái tài chính thông minh, bền vững.

Dưới đường lối đúng đắn của Chính phủ, sự chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước, ngành ngân hàng nói chung cũng đã vượt qua được những khó khăn, thách thức trong việc hỗ trợ tăng trưởng kinh tế, đảm bảo hoạt động an toàn, bền vững, đưa GDP nền kinh tế cả năm vượt 7%.

Bám sát theo định hướng, chỉ đạo của NHNN, cùng định hướng đúng đắn và quyết liệt từ Ban Lãnh đạo, với sự trưởng thành và lớn mạnh, với khí thế và động lực mới cùng sự nỗ lực và quyết liệt của cả một hệ thống hơn 5.000 CBNV, CTV, KienlongBank đã ghi dấu nhiều thành tựu đáng tự hào, xuất sắc hoàn thành vượt nhiều chỉ tiêu kế hoạch năm.

Lần đầu tiên lợi nhuận trước thuế ngân hàng vượt mốc 1.100 tỷ đồng, hoàn thành 139% kế hoạch đề ra. Tổng tài sản Ngân hàng đạt 92.176 tỷ đồng, tổng huy động vốn đạt 82.906 tỷ đồng, dư nợ tín dụng đạt 61.431 tỷ đồng, tăng mạnh so với năm liền kề. Tỷ lệ nợ xấu đạt 1,52%, thấp hơn tỷ lệ nợ xấu được ĐHĐCD thông qua, đảm bảo tuân thủ yêu cầu của NHNN.

Không chỉ hoàn thành xuất sắc các kế hoạch kinh doanh, duy trì hiệu quả hoạt động ổn định, năm 2024 cũng là năm KienlongBank thực hiện chuyển đổi mạnh mẽ trên cả ba trụ cột chính gồm Công nghệ - Quản trị - Con người. Giữ vững tinh thần tự chủ công nghệ, làm chủ các công nghệ chiến lược, công nghệ lõi là hướng đi đầy thách thức nhưng đã tạo ra hàng loạt dấu ấn số tại KienlongBank.

Bên cạnh đó Ngân hàng tập trung ứng dụng tối đa các thành tựu của công nghệ AI và Big Data để siêu cá nhân hóa trải nghiệm khách hàng, giảm thiểu chi phí vận hành; thúc đẩy mô hình Open Banking và kết nối Open API với các bên thứ ba để tạo ra một kỷ nguyên thanh toán, quản lý tài chính với những bước tiến “vượt ngoài mong đợi” cho khách hàng.

Năng lực quản trị rủi ro đặc biệt được chú trọng tại KienlongBank. Với việc xây dựng hoàn chỉnh các phương pháp đánh giá rủi ro toàn diện và kịch bản phòng vệ theo chuẩn mực quốc tế thông qua việc hoàn thành hai dự án Basel III & ESG đã cho thấy sự nỗ lực và quyết tâm cao độ của Ban Lãnh đạo Ngân hàng trong việc nâng cao năng lực quản trị rủi ro và khả năng chống chịu trước những biến động khó lường.

Song song với việc chuyển đổi toàn diện, Ngân hàng cũng đầu tư vào con người, hướng đến sự đổi mới, xem đây là chìa khóa để chuyển đổi thành công và bền vững. tăng cường bồi dưỡng hướng tới tự lực nguồn nhân sự chất lượng cao, đầu tư vào các chương trình đào tạo chuyên sâu về công nghệ và quản lý số hóa, tạo nhiều cơ hội để thế hệ nhân sự 4.0 thử sức với những công nghệ mới, từ đó kiến tạo những nhân tài đóng góp vào sự phát triển của Ngân hàng

Những dấu mốc đạt được chính là thành quả của quá trình “Kiên tâm - Vững tin - Đồng hành” được Hội đồng Quản trị chèo lái đưa KienlongBank phát triển tầm cao; chuẩn bị một nền tảng vững vàng cho những mục tiêu dài hạn trong tương lai. KienlongBank tự tin bước vào một kỷ nguyên mới, bắt kịp xu hướng của nền kinh tế số với những công nghệ hiện đại; đa dạng sản phẩm và dịch vụ tiện ích, qua đó góp phần thúc đẩy hoạt động tăng trưởng bền vững của Ngân hàng.

Thông điệp
từ Chủ tịch Hội đồng Quản trị

ÔNG TRẦN NGỌC MINH - CHỦ TỊCH HĐQT

Vững bước vào kỷ nguyên mới: Kỷ nguyên vươn mình

Khi ánh bình minh của năm 2025 đang ló dạng, KienlongBank đứng trước ngưỡng cửa của một kỷ nguyên mới – kỷ nguyên vươn mình của đất nước với cơ đồ, tiềm lực lớn. Kỷ nguyên mới không chỉ là sự tiếp nối của chuyển đổi số, mà là một bước nhảy vọt về trí tuệ nhân tạo AI. Viết tiếp chiến lược chuyển đổi mạnh mẽ trong giai đoạn 2021 - 2025, Hội đồng quản trị và Ban điều hành KienlongBank đã hoạch định chiến lược phát triển hướng tới việc tiên phong và vươn mình thành ngân hàng AI trong giai đoạn mới 2025 - 2030.

Dựa trên những nghiên cứu, đánh giá kỹ lưỡng về vấn đề kiểm soát an toàn thông tin, quản trị rủi ro liên quan đến AI, đồng thời xác định rõ ưu tiên triển khai, KienlongBank đã xây dựng một chiến lược AI thống nhất, đồng bộ trên toàn hệ thống. Đây sẽ là một cuộc cách mạng thực sự trong cách KienlongBank định nghĩa sâu hơn về các dịch vụ tài chính và cách thức giao tiếp với khách hàng.

Với tâm thế chủ động trong kỷ nguyên mới, tại KienlongBank, ngân hàng AI không chỉ là khái niệm mà đã trở thành chiến lược và đã được ứng dụng vào thực tiễn vận hành. Ngân hàng đã xây dựng và tích hợp GenAI vào trải nghiệm khách hàng thông qua mô hình Kiloba AI với các sản phẩm, nghiệp vụ & quản trị như AI - Trợ lý ảo, AI - Thực hiện nghiệp vụ, AI - Điều phối quản lý.

Trong tương lai, Kiloba AI sẽ được tích hợp với các công nghệ khác như blockchain hay Internet vạn vật (IoT) để mở rộng vai trò, từ quản lý vận hành thông minh đến dự báo xu hướng kinh tế vĩ mô theo thời gian thực. Đây không chỉ là một công cụ, mà là “bộ não số” giúp ngân hàng vượt qua những giới hạn của hiện tại, nâng cao hiệu quả vận hành và quản lý.

Với sự đồng hành của quý cổ đông, sự tin cậy của khách hàng, sự hỗ trợ của đối tác, và sự tận hiến của đội ngũ nhân viên, KienlongBank tin tưởng rằng mỗi bước đi trong kỷ nguyên mới sẽ là một lời khẳng định cho khát vọng vươn mình và sứ mệnh trường tồn.

Chào đón cột mốc 30 năm rực rỡ (27/10/1995 – 27/10/2025), KienlongBank bước vào “Kỷ nguyên vươn mình” với khát vọng đổi mới mãnh liệt, kiến tạo giá trị vượt trội cho khách hàng, nhà đầu tư và cộng đồng. Vững vàng khẳng định vị thế trên bản đồ tài chính, ngân hàng sẵn sàng góp sức mạnh mẽ cho sự thịnh vượng của đất nước.

Trân trọng,

CHỦ TỊCH HĐQT

TRẦN NGỌC MINH

02.

SẮC MÀU 29 NĂM KIENLONGBANK

HÀNH TRÌNH 29 NĂM KIẾN TẠO GIÁ TRỊ

Hành trình 29 năm Kết nối giá trị, KienlongBank đã xây dựng một nền tảng vững chắc, tạo đòn bẩy quan trọng cho những bước chuyển mình đột phá, mạnh mẽ vươn tầm trong kỷ nguyên số hóa. Một Ngân hàng số hiện đại - toàn diện là cách để KienlongBank tiến gần hơn với khách hàng của mình. Công nghệ lõi tiên tiến cùng đội ngũ nhân sự chất lượng cao chính là những vũ khí lợi hại để KienlongBank mang tới những trải nghiệm cá nhân hoàn hảo, phục vụ tối đa nhu cầu của khách hàng và tự tin hội nhập xu thế phát triển của xã hội.

CHƯƠNG 2
SẮC MÀU 29 NĂM KIENLONGBANK



Ngày 27/10/1995, Ngân hàng Kiên Long chính thức đi vào hoạt động:

- **Giấy phép thành lập:** Số 0056/NH-GP ngày 18/09/1995 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- **Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:** Đăng ký lần đầu ngày 10 tháng 10 năm 1995, đăng ký thay đổi lần thứ 42, ngày 24 tháng 07 năm 2024.

Tên đầy đủ

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kiên Long

Tên giao dịch quốc tế

Kien Long Commercial Joint Stock Bank

Tên gọi tắt

KienlongBank

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH kiểm toán & Dịch vụ Tin học
Moore AISC (Moore AISC)

Chủ tịch HĐQT

Ông Trần Ngọc Minh

Quyền Tổng Giám đốc

Ông Trần Hồng Minh

Mã giao dịch Swift

KLBKVNXX

Mã số thuế

1700197787

Website: www.kienlongbank.com

01
HỘI SỞ

02
VPĐD

134
CN/PGD

HOẠT ĐỘNG CHÍNH



Huy động vốn ngắn, trung và dài hạn theo các hình thức tiền gửi tiết kiệm, tiền gửi thanh toán, chứng chỉ tiền gửi.



Cấp tín dụng dưới hình thức cho vay, bảo lãnh, bao thanh toán, chiết khấu, tái chiết khấu giấy tờ có giá.



Cung ứng các phương tiện thanh toán, cung ứng dịch vụ thanh toán, kinh doanh ngoại hối và thực hiện dịch vụ ngân hàng khác.

CÔNG TY CON CÔNG TY TRỰC THUỘC

Tên tiếng Việt:

Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản – Ngân hàng TMCP Kiên Long

Tên tiếng Anh:

KienlongBank Asset Management Company

Tên viết tắt:

Công ty Quản lý nợ và Khai thác tài sản – Ngân hàng Kiên Long

Trụ sở chính:

Tầng 6, Số 40-42-44 Phạm Hồng Thái, P. Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, T. Kiên Giang

Điện thoại:

(0297) 386 9950

Email:

kba@kienlongbank.com

Mã số thuế:

1701452905

Vốn điều lệ:

500 tỷ đồng

LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG



Cung cấp dịch vụ tư vấn giá tài sản bảo đảm cho khách hàng vay tại KienlongBank.



Cho thuê văn phòng, nhà xưởng, kho hàng phục vụ khách hàng vay thế chấp tài sản bảo đảm là hàng hóa tại KienlongBank và các đối tượng khách hàng khác.



Thực hiện bán các tài sản thuộc sở hữu của Ngân hàng và các tài sản xử lý nợ của ngân hàng.

HOẠT ĐỘNG NỔI BẬT NĂM 2024

- Điều chỉnh các văn bản chính sách để phù hợp đòi hỏi tình hình phát triển mới.
- Tăng cường đối thoại với các ĐVKD, các Khu vực kinh doanh để giải quyết các vướng mắc, bất cập trong hoạt động tác nghiệp.
- Cải tổ cơ cấu bộ máy theo hướng tinh giản, gọn nhẹ, nâng cao năng suất lao động rõ rệt. Trong năm 2024 tình giảm được 30% số lao động trên hệ thống Công ty.
- Trở thành đơn vị tiên phong áp dụng chữ ký số trên toàn hệ thống, nâng cao tính bảo mật và hiệu quả trong công việc.

- Thành lập bộ phận Kiểm soát sau, giúp tăng cường công tác kiểm soát và quản lý rủi ro, bộ phận Bán tài sản để chuyên môn hóa công tác bán và cho thuê tài sản.
- Chính thức đưa hoạt động giao dịch chứng chỉ tiền gửi vào triển khai, góp phần mở rộng các sản phẩm tài chính.
- Xây dựng phát triển các kênh thông tin phục vụ công tác bán, cho thuê tài sản.
- Tiếp tục cung cấp dịch vụ định giá tài sản bảo đảm cho toàn hệ thống, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao từ các ĐVKD.

ĐỊNH HƯỚNG, MỤC TIÊU HOẠT ĐỘNG NĂM 2025

- Xây dựng Công ty KBA đa nhiệm, hoạt động hiệu quả hơn trên cơ sở thực hiện tái cấu trúc, sử dụng hợp lý các nguồn lực; Nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, chuyển đổi ưu tiên các sản phẩm số.
- Công ty tiếp tục triển khai nhiều công việc lớn khác như hoàn thiện hệ thống, xây dựng cơ sở dữ liệu, triển khai các hoạt động kiểm soát, đưa ra các sản phẩm mới vào thị trường, đẩy mạnh mô hình 2 bước, đẩy mạnh hoạt động cho thuê tài sản, nâng hạn mức chứng chỉ tiền gửi lên 250 tỷ.

- Đồng hành hợp tác cùng đơn vị kinh doanh song song với việc nâng cao công tác quản trị hệ thống, quản trị rủi ro, áp dụng các giải pháp để tối ưu thời gian cung cấp dịch vụ, tuân thủ các cam kết với ĐVKD.
- Chuyển đổi số toàn diện, đưa các sản phẩm số trải nghiệm mới cho khách hàng trên nền tảng hoàn thiện cơ sở dữ liệu lớn
- Mở rộng, phát triển các mạng dịch vụ mới như vận hành khai thác tòa nhà, trụ sở ngân hàng, công tác bán tài sản, ...

SỨ MỆNH KẾT NỐI VƯƠN XA

CHƯƠNG 2
SẮC MÀU 29 NĂM KIENLONGBANK



TẦM NHÌN

Trở thành thương hiệu Xanh và phát triển bền vững trong ngành ngân hàng Việt Nam.



SỨ MỆNH

Cung cấp dịch vụ ngân hàng chuyên nghiệp, luôn mang lại giá trị gia tăng đối với Khách hàng, Cổ đông; chia sẻ giá trị Xanh và tiên phong tham gia các chương trình, hoạt động Xanh vì lợi ích phát triển cộng đồng tại Việt Nam.



GIÁ TRỊ CỐT LÕI

- ❖ **Tâm:** Khách hàng là trung tâm, phục vụ bằng sự chân thành, tận tâm và trách nhiệm, KienlongBank luôn nỗ lực để đa dạng sản phẩm, nâng tầm dịch vụ nhằm đáp ứng nhu cầu của mọi Khách hàng.
- ❖ **Tín:** KienlongBank tuân thủ các cam kết, đáp ứng các chuẩn mực đạo đức, tạo dựng sự tin cậy vững bền nơi Khách hàng, Cổ đông, Đối tác và toàn thể cộng đồng.
- ❖ **Kiên:** Kiên định với định hướng phát triển bền vững; Kiên cường theo đuổi mục tiêu; liên tục kiến tạo giá trị, không ngừng đổi mới và nâng cao giá trị thương hiệu.
- ❖ **Xanh:** KienlongBank xây dựng môi trường làm việc tích cực, sáng tạo, hỗ trợ tối đa cho sự phát triển; đẩy mạnh các sản phẩm tín dụng Xanh; đồng hành cùng sự hưng thịnh của Khách hàng, Cổ đông, Đối tác; đóng góp tích cực trong việc xây dựng môi trường, mang lại nhiều giá trị cho cộng đồng.

NHỮNG DẤU MỐC QUAN TRỌNG

CHƯƠNG 2
SẮC MÀU 29 NĂM KIENLONGBANK

- ❖ Ngày 27/10/1995, KienlongBank được thành lập với tên gọi Ngân hàng TMCP Nông thôn Kiên Long.
- ❖ Vốn điều lệ 1,2 tỷ đồng.

1995

- ❖ KienlongBank chuyển đổi mô hình từ Ngân hàng Nông thôn thành Ngân hàng Đô thị và đổi tên thành Ngân hàng TMCP Kiên Long.
- ❖ Được Thủ tướng Chính phủ Nước CHXHCN Việt Nam trao tặng Bằng khen vì đã có thành tích xuất sắc từ năm 2001 đến năm 2005.

2006

- ❖ Đưa vào hoạt động website mới: www.kienlongbank.com. Gia nhập Hệ thống Visa quốc tế.
- ❖ Đạt Chứng nhận 77/1.000 Doanh nghiệp nộp thuế thu nhập doanh nghiệp lớn nhất năm 2013.
- ❖ Đạt Chứng nhận 55/500 Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam năm 2013 do Việt Nam Report cấp.

2014

- ❖ Nâng cấp Hệ thống Thẻ với công nghệ tiên tiến của Tập đoàn Sungard tại Mỹ, hoạt động trên phạm vi toàn cầu.
- ❖ Triển khai nộp thuế điện tử, thanh toán trực tuyến.

2015

- ❖ Phát hành thẻ tín dụng quốc tế KienlongBank Visa.
- ❖ Hoàn thành Trung tâm dữ liệu và nâng cấp hệ thống Core thẻ.

2016

- ❖ Cổ phiếu KienlongBank (Mã chứng khoán KLB) chính thức giao dịch trên sàn UPCoM.
- ❖ Ký kết hợp đồng hợp tác với tổ chức Thẻ quốc tế JCB.

2017

- ❖ Tăng vốn điều lệ lên 3.236,96 tỷ đồng.
- ❖ Phát hành thẻ tín dụng quốc tế KienlongBank JCB.
- ❖ Ký kết thỏa thuận hợp tác tư vấn triển khai Thông tư 13/2018/TT-NHNN và Thông tư 41/2016/TT-NHNN với KPMG.

2018

2024

- ❖ Hoàn thành triển khai đồng bộ cả 2 dự án Basel III & ESG.
- ❖ Xuất sắc nhận giải thưởng từ Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam.
- ❖ Được vinh danh “Top 10 Ngân hàng Sáng tạo và Kinh doanh hiệu quả” 2024.
- ❖ Top 100 doanh nghiệp tư nhân nộp ngân sách lớn nhất Việt Nam.
- ❖ Được vinh danh “Nơi làm việc tốt nhất & Ngân hàng có Dịch vụ khách hàng tốt nhất Việt Nam 2024”.

2023

- ❖ Nâng cấp, chuyển đổi thành công hệ thống Core Banking.
- ❖ Ra mắt bộ MyShop & Paybox, được vinh danh giải thưởng Sao Khuê 2023.
- ❖ Tích hợp nhiều tiện ích vào ứng dụng KienlongBank Plus như thanh toán học phí, thu phí VETC, ePin, nickname, ...
- ❖ Top 10 nơi làm việc tốt nhất ngành ngân hàng.

2022

- ❖ Nâng cấp, chuyển đổi hệ thống core Thẻ Smart Vista.
- ❖ Hoàn thiện hệ thống quản trị theo chuẩn quốc tế Basel II.
- ❖ Được vinh danh trong Top 500 Doanh nghiệp có lợi nhuận tốt nhất Việt Nam.
- ❖ Ứng dụng KienlongBank Plus lọt Top các sản phẩm, dịch vụ, giải pháp chuyển đổi số tiêu biểu tại Vietnam Digital Awards 2022.

2021

- ❖ Tăng vốn điều lệ lên 3.652,81 tỷ đồng.
- ❖ Kỷ niệm 26 năm thành lập và ra mắt Logo, Bộ nhận diện thương hiệu mới.
- ❖ Lần đầu tiên đưa vào hoạt động hệ thống máy giao dịch tự động thế hệ mới STM.
- ❖ Ra mắt ứng dụng Mobile Banking mới - KienlongBank Plus.

2020

- ❖ Tiếp tục đứng trong bảng xếp hạng Top VNR500, Top FAST500 và Top PROFIT500.
- ❖ Được vinh danh “Ngân hàng tiêu biểu vì cộng đồng”.
- ❖ Đạt giải thưởng Ngân hàng dẫn đầu về phát hành thẻ tín dụng JCB.
- ❖ Nâng cấp thẻ từ lên thẻ chip VCCS với Napas.

2019

- ❖ Phát hành thẻ ghi nợ quốc tế KienlongBank JCB/ Visa.
- ❖ Top 100 công ty đại chúng lớn nhất Việt Nam (Ngân hàng thứ 22) do Forbes Việt Nam bình chọn.
- ❖ Top 500 doanh nghiệp có lợi nhuận tốt nhất Việt Nam (PROFIT 500) 3 năm liền: 2017, 2018 và 2019.

NHỮNG NHÀ LÃNH ĐẠO KHƠI NGUỒN ĐAM MÊ - KẾT NỐI SỨC MẠNH

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông Trần Ngọc Minh
Chủ tịch HĐQT

Trình độ chuyên môn:

Thạc sĩ kinh tế - Học viện Ngân hàng.

Quá trình công tác:

- Ông Trần Ngọc Minh có gần 20 năm công tác tại các Ngân hàng, Tập đoàn lớn tại Việt Nam và nắm giữ nhiều chức vụ, vị trí quan trọng: Phó Giám đốc Chi nhánh, Trưởng phòng Thẩm định Hội sở, Giám đốc Nguồn vốn, Trưởng Ban Tài chính, Phó Tổng Giám đốc phụ trách Tài chính.
- Ông gia nhập và đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc KienlongBank từ tháng 01/2021 - tháng 10/2021. Ông giữ Quyền Tổng Giám đốc KienlongBank từ tháng 10/2021 - tháng 12/2021 và chính thức đảm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc từ ngày 09/12/2021.
- Ông giữ chức vụ Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc KienlongBank từ ngày 28/12/2021 - tháng 04/2023, sau đó nắm giữ vai trò Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc KienlongBank từ ngày 27/04/2023 đến hết ngày 08/07/2024.
- Ông được bầu là Chủ tịch HĐQT KienlongBank từ ngày 09/07/2024.



Ông Lê Khắc Gia Bảo
Thành viên HĐQT

Trình độ chuyên môn:

Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh - Trường Southern California University (SCUPS). Cử nhân Kinh tế - Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh. Chứng chỉ Kiểm toán viên Bộ Tài chính.

Quá trình công tác:

- Ông Lê Khắc Gia Bảo có nhiều năm làm việc trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng và đảm nhiệm nhiều vị trí, chức vụ quan trọng. Ông từng là Kiểm toán viên tại Công ty kiểm toán Deloitte Việt Nam, từng đảm nhiệm chức vụ Trưởng phòng Kiểm toán - Kiểm soát tuân thủ Miền Nam Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank).
- Ông tham gia KienlongBank từ tháng 03/2013. Ông từng giữ các chức vụ như Trưởng Ban Kiểm soát; Chủ tịch HĐQT; thành viên HĐQT. Sau đó Ông đảm nhiệm chức vụ Trưởng Ban Kiểm soát KienlongBank từ tháng 01/2022 - tháng 04/2023.
- Ông được bầu là Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2023 - 2027 từ ngày 27/04/2023.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh
Phó Chủ tịch HĐQT

Trình độ chuyên môn:

Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh - Delaware State University, Cử nhân Kinh tế - Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Cử nhân Ngoại ngữ - Trường Đại học Ngoại Ngữ.

Quá trình công tác:

- Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính. Bà từng giữ vị trí Trưởng ban Tài chính Tập đoàn Geleximco, Thành viên HĐQT Công ty CP Đầu tư tổng hợp Hà Nội, Chủ tịch HĐQT công ty quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán An Bình. Bà đảm nhiệm nhiều vị trí, chức vụ quan trọng là Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc; Phó Tổng Giám đốc trong các công ty, Tập đoàn BĐS lớn tại Việt Nam.
- Bà đảm nhiệm chức vụ Thành viên độc lập HĐQT Ngân hàng TMCP Kiên Long (KienlongBank) từ ngày 28/12/2021 - 27/04/2023.
- Bà được bầu là Thành viên HĐQT KienlongBank nhiệm kỳ 2023 - 2027 từ ngày 26/04/2024.
- Bà được bầu làm Phó Chủ tịch HĐQT KienlongBank từ ngày 09/07/2024.



Bà Nguyễn Thị Thanh Hường
Thành viên HĐQT

Trình độ chuyên môn:

Thạc sĩ Kinh tế chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng - Trường Đại học Paris Dauphine - Pháp.

Quá trình công tác:

- Bà Nguyễn Thị Thanh Hường có hơn 27 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng. Bà đảm nhiệm nhiều vị trí, chức vụ quan trọng tại các ngân hàng lớn: Quyền Tổng Giám đốc tại Ngân hàng TMCP Bảo Việt (BAOVIETBank); Giám đốc Vùng tại Ngân hàng TMCP Quốc tế (VIB); Giám đốc Chi nhánh tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (VietinBank)...
- Bà gia nhập KienlongBank và đảm nhiệm chức vụ Cố vấn Chủ tịch HĐQT từ năm 2021. Bà đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc KienlongBank từ ngày 05/01/2023 đến 22/09/2023.
- Bà được bầu là Thành viên HĐQT từ ngày 27/04/2023

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông Bùi Thanh Hải
Thành viên HĐQT

Trình độ chuyên môn:

Cử nhân Luật - Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh. Thè thẩm định viên về giá của Bộ Tài chính.

Quá trình công tác:

- Ông Bùi Thanh Hải từng nắm giữ các vị trí Giám đốc, Thành viên HĐQT tại các doanh nghiệp trong nước.
- Từ tháng 04/2013 - tháng 04/2019, Ông là thành viên HĐQT Kienlong-Bank. Từ tháng 02/2018 - tháng 05/2023, Ông đảm nhiệm chức vụ Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản KienlongBank.
- Ông được bầu là Thành viên HĐQT từ ngày 28/12/2021.



Bà Nguyễn Thủy Nguyên
Thành viên độc lập HĐQT

Trình độ chuyên môn:

Cử nhân Kinh tế - Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

Quá trình công tác:

- Bà Nguyễn Thủy Nguyên có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng. Bà từng đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank); Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB).
- Bà cũng giữ nhiều chức vụ quan trọng như: Phó Tổng Giám đốc phụ trách Tài chính và Kế toán; Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính tại các tập đoàn, tổ chức kinh tế lớn.
- Bà được bầu là Thành viên HĐQT KienlongBank từ ngày 27/04/2023.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông Nguyễn Cao Cường
Thành viên HĐQT

Trình độ chuyên môn:

Cử nhân Kinh tế - Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.

Quá trình công tác:

- Ông Nguyễn Cao Cường từng đảm nhiệm chức vụ Giám đốc Kiểm tra Miền Nam tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank).
- Từ tháng 08/2015, Ông giữ chức vụ Trưởng Kiểm toán nội bộ KienlongBank, đảm nhiệm chức vụ Trưởng Ban Kiểm soát từ ngày 26/04/2018 và giữ chức vụ Thành viên Ban Kiểm soát từ ngày 01/01/2022.
- Ông được bầu là Thành viên HĐQT từ ngày 27/04/2023.



Ông Kim Minh Tuấn
Thành viên độc lập HĐQT

Trình độ chuyên môn:

Thạc sỹ Kinh tế Tài chính - Ngân hàng, Học viện tài chính; Cử nhân Tiếng Anh, Trường Đại học Ngoại Ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội; Cử nhân Tài chính - Tín dụng, Trường Đại học Tài chính - Kế toán Hà Nội.

Quá trình công tác:

- Ông Kim Minh Tuấn có gần 20 năm công tác và nắm giữ nhiều chức vụ quan trọng tại các Tổ chức, Ngân hàng lớn tại Việt Nam như: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Quản lý nguồn nhân lực; Phó Giám đốc Khối Tài chính kiêm Trưởng phòng Thống kê và Quản lý tài sản Nợ - Có...
- Ông được bầu làm Thành viên độc lập HĐQT KienlongBank từ ngày 26/10/2024.



Ông Nguyễn Chí Hiếu
Thành viên độc lập HĐQT

Trình độ chuyên môn:

Thạc sỹ Tài chính và Quản trị, Đại học Exeter, Vương quốc Anh. Cử nhân kinh tế, Học viện Ngân hàng.

Quá trình công tác:

- Ông Nguyễn Chí Hiếu có hơn 15 năm công tác tại các Tổ chức kiểm toán quốc tế, Tổ chức tín dụng & Ngân hàng lớn tại Việt Nam như Vietcombank, Vietcredit, Timo... và nắm giữ nhiều chức vụ quan trọng: Phó Giám đốc phụ trách tài chính; Giám đốc vận hành; Giám đốc mảng Ngân hàng số; Giám đốc đối tác chiến lược...
- Ông được bầu làm Thành viên độc lập HĐQT KienlongBank từ ngày 26/10/2024.

BAN KIỂM SOÁT



Bà Đỗ Thị Tuyết Trinh
Trưởng Ban Kiểm soát

Trình độ chuyên môn:

Cử nhân Kinh tế - Trường Đại học Kinh tế Quốc dân. Chứng chỉ Kiểm toán nội bộ Quốc tế (CPIA).

Quá trình công tác:

- Bà Đỗ Thị Tuyết Trinh có hơn 20 năm làm việc trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng và đảm nhiệm nhiều vị trí, chức vụ quan trọng tại các Ngân hàng lớn như Phó Trưởng Phòng Kế hoạch và QLBN Ngân hàng Bưu điện Liên Việt (LPBank), Trưởng Bộ phận Kiểm toán nội bộ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank), Trưởng Phòng Kiểm tra Kiểm soát nội bộ của Ngân hàng TM TNHH MTV Dầu Khí Toàn Cầu (GPBank), Trưởng Phòng Kiểm toán nội bộ Công ty Cổ phần Tập đoàn Vàng bạc đá quý Doji.
- Bà gia nhập KienlongBank và giữ vị trí Thành viên Ban Kiểm soát từ tháng 12/2021 - tháng 04/2023.
- Bà được bầu giữ vị trí Trưởng Ban Kiểm soát KienlongBank nhiệm kỳ 2023 - 2027 từ ngày 27/04/2023.



Ông Đặng Minh Quân
Thành viên Ban Kiểm soát

Trình độ chuyên môn:

Thạc sĩ Kinh tế - Trường Đại học Cần Thơ, Cử nhân Kế toán - Kiểm toán - Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, Cử nhân Luật học - Trường Đại học Huế, Cử nhân Sư phạm ngoại ngữ - Trường Đại học Huế.

Quá trình công tác:

- Ông Đặng Minh Quân có 20 năm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng. Trong đó, giai đoạn từ 2003 - 2014, Ông đảm nhận các chức vụ quan trọng tại Sở Tài Chính Cà Mau như Thanh tra viên cấp 1, Giám định viên Tài chính - Kế toán, Phó trưởng Phòng Ngân sách.
- Ông tham gia KienlongBank từ tháng 04/2014 đến nay và nắm giữ chức vụ Thành viên Ban Kiểm soát.
- Ông được bầu là Thành viên Ban Kiểm soát KienlongBank nhiệm kỳ 2023 - 2027 từ ngày 27/04/2023.

BAN KIỂM SOÁT



Bà Hoàng Thị Phụng
Thành viên Ban Kiểm soát

Trình độ chuyên môn:

Cử nhân Kế toán - Học viện Tài chính.

Quá trình công tác:

- Bà Hoàng Thị Phụng có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng. Bà từng công tác tại Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam (Eximbank), Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank), Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank). Bà gia nhập KienlongBank từ tháng 3/2022 và giữ vị trí Phó Giám đốc Phòng Kiểm soát Nội bộ.
- Bà được bầu là Thành viên Ban Kiểm soát KienlongBank nhiệm kỳ 2023 - 2027 từ ngày 26/04/2024.



Bà Nguyễn Thị Khánh Phương
Thành viên Ban Kiểm soát

Trình độ chuyên môn:

Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Đại học Kinh tế quốc dân.

Quá trình công tác:

- Bà Nguyễn Thị Khánh Phương có hơn 20 năm công tác và nắm giữ nhiều chức vụ quan trọng trong các Tổng công ty, Ngân hàng lớn tại Việt Nam như Trưởng phòng Giám sát từ xa, Khối Kiểm toán nội bộ tại VPBank, Trưởng Ban kiểm soát tại Tổng công ty LICOGI - CTCP; Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ tại G Group...
- Bà được bầu làm Thành viên BKS KienlongBank nhiệm kỳ 2023 - 2027 từ ngày 26/10/2024.

Trình độ chuyên môn:

Cử nhân Quản trị kinh doanh, Đại học Thương mại.

Quá trình công tác:

- Ông Đào Ngọc Hải có hơn 17 năm kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực tài chính ngân hàng và đã đảm nhận nhiều vị trí khác nhau tại VPBank. Tại đây, ông từng là Chuyên viên phòng Nguồn vốn, Trưởng bộ phận Hỗ trợ Nghiệp vụ Liên ngân hàng và Thanh toán, Trưởng bộ phận Nghiệp vụ Kinh doanh Ngoại tệ Liên ngân hàng, và Kiểm toán viên cao cấp.
- Ông Hải gia nhập KienlongBank từ tháng 10/2022 và được bổ nhiệm vào vị trí Phó trưởng Kiểm toán Nội bộ từ tháng 09/2023. Vào ngày 26/10/2024, ông chính thức được bầu làm Thành viên Ban Kiểm soát KienlongBank cho nhiệm kỳ 2023 - 2027.
- Ông được bầu làm Thành viên BKS KienlongBank nhiệm kỳ 2023 - 2027 từ ngày 26/10/2024.



Ông Đào Ngọc Hải
Thành viên Ban Kiểm soát

BAN ĐIỀU HÀNH



Ông Trần Hồng Minh
Quyền Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn:

Cử nhân Kinh tế Đầu tư - Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

Quá trình công tác:

- Ông Trần Hồng Minh có gần 18 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng, từng giữ nhiều vị trí quan trọng tại các ngân hàng lớn như: Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt (LPBank), Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank)...
- Trước khi được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc KienlongBank, ông Minh giữ chức vụ Giám đốc Trung tâm Khách hàng chiến lược phía Bắc từ tháng 03/2021 - tháng 11/2022.
- Ông đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc KienlongBank từ ngày 26/11/2022 đến ngày 08/7/2024.
- Ông được bổ nhiệm Quyền Tổng Giám đốc KienlongBank từ ngày 09/7/2024.



Ông Trần Văn Thái Bình
Phó Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn:

Cử nhân Kinh tế - Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.

Quá trình công tác:

- Ông Trần Văn Thái Bình đã có 25 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng, từng đảm nhận nhiều vị trí quan trọng như Giám đốc phòng Khách hàng doanh nghiệp KienlongBank từ tháng 04/2015, Trợ lý Tổng Giám đốc KienlongBank từ tháng 04/2019, Giám đốc Khu vực 4 và Khu vực 8 kiêm Trợ lý Tổng Giám đốc KienlongBank từ tháng 06/2020.
- Kể từ tháng 05/2022, Ông chính thức đảm nhiệm vị trí Phó Tổng Giám đốc KienlongBank.



Ông Nguyễn Hoàng An
Phó Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn:

Cử nhân Ngân hàng - Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh.

Quá trình công tác:

- Ông Nguyễn Hoàng An từng là Giám đốc Phòng Giao dịch, Giám đốc Chi nhánh, Trợ lý Chủ tịch HĐQT, Phó Tổng Giám đốc KienlongBank kiêm Giám đốc Chi nhánh, Giám đốc Khu vực 1.
- Ông đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc KienlongBank từ tháng 10/2016 đến nay.

BAN ĐIỀU HÀNH



Ông Nguyễn Văn Minh
Phó Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn:

Cử nhân Điện tử - Viễn thông - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên - Đại học Quốc gia Hà Nội.

Quá trình công tác:

- Ông Nguyễn Văn Minh có gần 30 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực Công nghệ thông tin, đóng vai trò chủ chốt trong các dự án xây dựng và triển khai các hệ thống công nghệ cốt lõi tại các tổ chức, cơ quan nhà nước, các doanh nghiệp trong và ngoài nước. Chức vụ đảm nhiệm gần nhất là Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH SSF Investment.
- Ông đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Trung tâm Công nghệ thông tin KienlongBank từ ngày 07/01/2021 - ngày 30/05/2021.
- Ông đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc KienlongBank từ ngày 31/05/2021 đến nay.



Ông Đỗ Văn Bắc
Phó Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn:

Cử nhân Tài chính - Ngân hàng - Học viện Ngân hàng.

Quá trình công tác:

- Ông Đỗ Văn Bắc có nhiều năm kinh nghiệm về tín dụng, dịch vụ Khách hàng, từng đảm nhiệm các vị trí: Phó Giám đốc kinh doanh Chi nhánh, Trợ lý Phó Tổng Giám đốc, Phó Giám đốc Phụ trách Khách hàng cá nhân Hội sở, Giám đốc Khách hàng doanh nghiệp Hội sở.
- Ông gia nhập KienlongBank từ tháng 09/2021 và chính thức đảm nhiệm vị trí Phó Tổng Giám đốc từ 22/09/2023.



Bà Nguyễn Thị Hồng Vân
Phó Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn:

Cử nhân Kinh tế quốc tế - Học viện Ngoại giao - Bộ Ngoại Giao.

Quá trình công tác:

- Bà Nguyễn Thị Hồng Vân có hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng. Bà từng đảm nhiệm nhiều vị trí, chức vụ quan trọng tại các Ngân hàng, Công ty chứng khoán, Tập đoàn lớn.
- Bà gia nhập Ngân hàng TMCP Kiên Long (KienlongBank) và giữ vị trí Trợ lý Tổng Giám đốc từ tháng 12/2021 đến nay.
- Bà chính thức đảm nhiệm vị trí Phó Tổng Giám đốc KienlongBank từ 03/01/2025.

Dấu ấn Sự kiện

TIÊU BIỂU 2024



Bà Vũ Đặng Xuân Vinh
Kế toán trưởng

Trình độ chuyên môn:

Thạc sĩ Kinh tế, Tài chính - Ngân hàng - Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh.

Quá trình công tác:

- Bà Vũ Đặng Xuân Vinh có gần 19 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng. Bà từng đảm nhiệm nhiều vị trí, chức vụ quan trọng như: Phó Giám đốc Kế toán Tài chính, Giám đốc Phòng MIS, Phó Giám đốc Khối quản trị và thương hiệu tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn (SCB). Bà giữ chức vụ Giám đốc Kế toán tài chính tại KienlongBank từ tháng 10/2020 đến nay.
- Bà chính thức đảm nhiệm chức vụ Kế toán trưởng KienlongBank từ ngày 01/11/2023.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Cơ cấu cổ đông Ngân hàng TMCP Kiên Long tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024

STT	Cơ cấu cổ đông	Số lượng cổ đông (cổ đông)	Số lượng phần sở hữu (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Trong nước	1,858	363,140,352	99.41
	Tổ chức	13	52,387,754	14.34
	Cá nhân	1,844	306,952,598	84.03
	Cổ phiếu quỹ	1	3,800,000	1.04
2	Nước ngoài	5	2,141,526	0,59
	Tổ chức	1	2,139,700	0,59
	Cá nhân	4	1,826	0,00
	Tổng cộng	1,863	365,281,878	100

SỰ KIỆN TIÊU BIỂU

Tổ chức thành công 2 phiên họp ĐHĐCĐ thường niên và bất thường năm 2024



KienlongBank đã tổ chức thành công 2 phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường năm 2024. Sau thành công của các phiên họp, ông Trần Ngọc Minh được bầu giữ chức Chủ tịch HĐQT KienlongBank nhiệm kỳ 2023 – 2027. HĐQT cũng giao nhiệm vụ cho ông Trần Hồng Minh - Phó Tổng Giám đốc giữ chức vụ Quyền Tổng Giám đốc KienlongBank.

Ra mắt thương hiệu Ngân hàng số X-Digi

Năm 2024, thương hiệu ngân hàng số X-Digi được ra mắt như một lời khẳng định về tư duy đột phá - đổi mới của KienlongBank. Với mục tiêu nhân rộng mô hình X-Digi Booth trên toàn quốc, KienlongBank đang cam kết mang lại một trải nghiệm hoàn toàn mới- nơi công nghệ không chỉ phục vụ con người, mà còn thấu hiểu từng nhu cầu của khách hàng.



Dẫn đầu trong nền tảng thanh toán số với sản phẩm MyShop - Paybox



Cùng với X-Digi, bộ giải pháp MyShop-Paybox đã có hơn 100.000 cửa hàng sử dụng chỉ một thời gian ngắn sau khi ra mắt. Song song với đó, bộ giải pháp này cũng tiếp tục tạo nên dấu ấn đặc biệt trong năm 2024 với sự hình thành của nhiều tuyến phố không dùng tiền mặt, đồng hành cùng sự kiện Phở Số Hà Thành năm 2024.

Hoàn thành xuất sắc các mục tiêu Kinh doanh năm 2024

Năm 2024, tổng tài sản của KienlongBank đạt 92.176 tỷ đồng, tăng 5.204 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước. Tổng huy động vốn đạt 82.906 tỷ đồng, tăng 6.963 tỷ đồng; dư nợ tín dụng đạt 61.431 tỷ đồng, tăng 8.852 tỷ đồng so với năm liền kề. Lũy kế trong năm 2024 tổng lợi nhuận trước thuế vượt mốc 1.100 tỷ đồng, hoàn thành 139% kế hoạch toàn năm đã được đề ra.



Đồng hành phát triển kinh tế tại Đồng bằng sông Cửu Long



KienlongBank đã ra mắt 2 gói sản phẩm cho vay đặc thù dành riêng cho Hội viên Hội Phụ nữ và Cho vay trồng lúa tại Đồng bằng sông Cửu Long. Đến thời điểm hiện tại, KienlongBank đã kết nối đồng hành với 500 Tổ Hội Phụ nữ và Hội Nông dân các địa phương, hỗ trợ thiết thực, giúp khách hàng dễ dàng tiếp cận nguồn vốn để sản xuất, phát triển kinh doanh.

Tiên phong triển khai đồng bộ 2 dự án Basel III và ESG



Việc “về đích” cùng lúc hai dự án trọng điểm này không chỉ là thành công trong việc tuân thủ định hướng chiến lược dài hạn của KienlongBank, mà còn khẳng định quyết tâm cao độ của Ban Lãnh đạo Ngân hàng trong việc tập trung nguồn lực để nâng cao năng lực quản trị, phát triển bền vững và gia tăng giá trị cho xã hội, phát triển vì lợi ích cộng đồng.

“Sẵn lòng chia sẻ” - Đồng hành cùng cộng đồng, xã hội

Năm 2024, tiếp tục hành trình “sẵn lòng chia sẻ”, KienlongBank đã và đang chung tay cùng Chính phủ trong việc đồng hành, trợ lực phát triển nền kinh tế. Hàng ngàn phần quà, căn nhà mới được trao tặng cho bà con có hoàn cảnh khó khăn, miễn giảm lãi suất đối với cá nhân, doanh nghiệp chịu ảnh hưởng bởi cơn bão Yagi.



Bùng nổ tinh thần “Kết nối giá trị”



Với tinh thần “Kết nối giá trị” của nhiều thế hệ đang cùng nhau đồng hành kiến tạo, xây dựng KienlongBank phát triển bền vững, Ngân hàng tự hào khi có 5.000 CBNV, CTV đã lựa chọn đồng hành và phát triển sự nghiệp. Năm 2024, nhiều hoạt động văn hoá liên tục được đổi mới tạo sự hào hứng, gắn kết tinh thần từ Hội sở tới 134 đơn vị kinh doanh.

Gặt hái nhiều giải thưởng danh giá

Năm 2024, Ngân hàng được vinh danh trong Top 10 Ngân hàng Sáng tạo và Kinh doanh hiệu quả; vị thế Top 100 doanh nghiệp tư nhân đóng thuế lớn nhất Việt Nam. Song song đó ngân hàng cũng vinh dự đón nhận nhiều giải thưởng như: “Nơi làm việc tốt nhất Việt Nam năm 2024” ; “Ngân hàng có dịch vụ khách hàng tốt nhất Việt Nam 2024” do World Economic Magazine bình chọn.



Ra mắt nhiều tính năng, sản phẩm mới trên Ngân hàng số



Với lợi thế về công nghệ cùng định hướng chuyển đổi Số mạnh mẽ, Ngân hàng đã ra mắt hàng loạt sản phẩm, tính năng mới đa tiện ích được tích hợp ngay trên KienlongBank Plus: sản phẩm tiết kiệm tích tiểu thành đại, đổi mã pin thẻ trực tuyến, mở khoản vay trực tuyến ...

GIẢI THƯỞNG & THÀNH TỰU NỘI BẬT 2024



Nơi làm việc tốt nhất Việt Nam 2024

Tiếp nối tự hào sau khi được Viet Research vinh danh là một trong 10 Nơi làm việc tốt nhất Việt Nam năm 2023 - Ngành Ngân hàng, KienlongBank một lần nữa thuộc top những "Nơi làm việc tốt nhất Việt Nam năm 2024" do World Economic Magazine bình chọn.



Ngân hàng có Dịch vụ khách hàng tốt nhất Việt Nam 2024

KienlongBank cũng vinh dự góp mặt trong hạng mục "Ngân hàng có dịch vụ khách hàng tốt nhất Việt Nam 2024". Đây là thành quả cho hành trình cung cấp những dịch vụ tận tâm, đưa đến những trải nghiệm xứng tầm được cá nhân hoá hoàn hảo cho từng khách hàng



Top 10 Doanh nghiệp Sáng tạo và Kinh doanh hiệu quả Việt Nam năm 2024

Thông qua việc đáp ứng đa dạng nhu cầu của nhiều phân khúc khách hàng đã giúp KienlongBank bắt tốc mạnh mẽ, tạo dựng sự khác biệt và chính thức được vinh danh "Top 10 Doanh nghiệp Sáng tạo và Kinh doanh hiệu quả Việt Nam năm 2024 - VIE 10 - Ngành Ngân hàng" năm thứ 2.



Doanh nghiệp có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất - FAST 500

Với những bứt phá ngoạn mục trong hoạt động kinh doanh, KienlongBank tiếp tục được xướng tên trong bảng xếp hạng FAST 500. Đây là giải thưởng nhằm tôn vinh các doanh nghiệp có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất với hiệu quả sản xuất kinh doanh ổn định, bền vững dựa trên tiêu chí chính là tốc độ tăng trưởng kép về doanh thu.



Giải thưởng từ Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam

Trong khuôn khổ các cuộc thi chào mừng Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam (VNBA) 30 năm, KienlongBank xuất sắc được vinh danh Top 10 đơn vị tham gia tích cực nhất cuộc thi "Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp ngành Ngân hàng".



Top 100 doanh nghiệp tư nhân nộp ngân sách lớn nhất Việt Nam

Kiên định với mục tiêu dài hạn, bên cạnh việc duy trì tốc độ tăng trưởng cùng chiến lược phát triển bền vững, KienlongBank cũng đã có đóng góp đáng kể vào ngân sách nhà nước, vinh dự góp mặt trong Top 100 doanh nghiệp tư nhân nộp ngân sách lớn nhất Việt Nam.

03.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG MỘT NĂM KHỞI SẮC

Với định hướng quyết liệt của Ban Lãnh đạo cùng sự nỗ lực không ngừng nghỉ của tập thể hơn 5.000 CBNV, CTV, KienlongBank tiếp tục đạt được nhiều thành tựu trên cả ba trụ cột chính: Chuyển đổi về công nghệ; Chuyển đổi về quản trị; Chuyển đổi về con người. Các chỉ số tài chính quan trọng trong năm đều phản ánh kết quả tăng trưởng ổn định, cho thấy sự cân bằng giữa hoạt động kinh doanh cũng như mục tiêu phát triển bền vững.

CHUYỂN ĐỔI MÔ HÌNH QUẢN TRỊ HƯỚNG TỚI ĐÁP ỨNG TIÊU CHUẨN PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



Để giữ vững sự phát triển ổn định và dễ dàng thích ứng với những sự thay đổi trong kỷ nguyên số, KienlongBank đã sớm ứng dụng mô hình quản trị hiện đại vào hệ thống quản lý, điều hành của Ngân hàng theo các phương pháp và cách tiếp cận tiên tiến, linh hoạt.

Mô hình quản trị tập trung

Trong năm 2024, KienlongBank đã đặt trọng tâm vào việc củng cố nền tảng quản trị ngân hàng, một bước đi chiến lược nhằm đáp ứng các yêu cầu ngày càng khắt khe của thị trường tài chính và kỳ vọng của khách hàng. Một trong những điểm nhấn quan trọng là việc hoàn thiện cơ cấu tổ chức theo mô hình quản trị tập trung, gắn liền với chiến lược số hóa nền tảng ngân hàng. Mô hình này không chỉ giúp ngân hàng vận hành hiệu quả hơn mà còn hướng tới mục tiêu trở thành một ngân hàng bán lẻ đa năng, an toàn và bền vững.

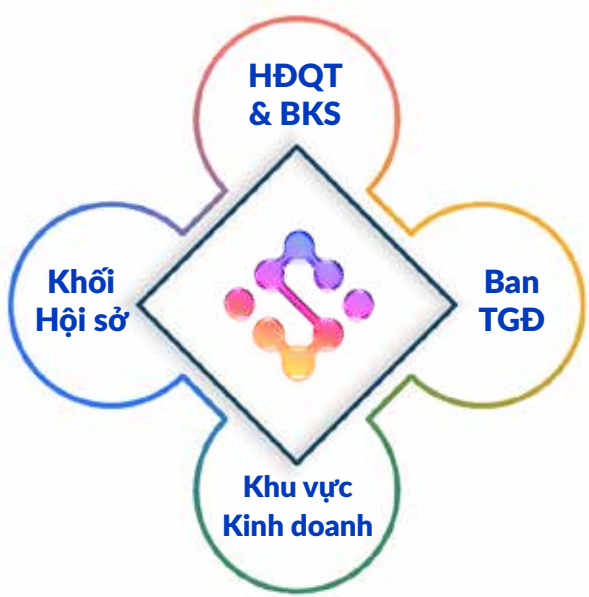
Tổ chức và nền tảng quản trị của KienlongBank không ngừng được kiện toàn, củng cố, đầu tư phát triển. Trong đó, năng lực quản trị rủi ro đặc biệt được chú trọng và có thể xem như một trong những nhiệm vụ “sống còn” tại KienlongBank, với việc xây dựng hoàn chỉnh các phương pháp đánh giá rủi ro toàn diện và kịch bản phòng vệ theo chuẩn mực quốc tế với sự đồng hành của các đơn vị tư vấn hàng đầu.

Trong năm 2024, KienlongBank đã bắt đầu triển khai dự án Basel III cùng với định hướng tăng cường tích hợp các tiêu chí ESG (môi trường – xã hội – quản trị) vào hoạt động để phát triển bền vững. Trước đó, ngân hàng cũng đã công bố hoàn thành Basel II trên cả 3 trụ cột, với các giới hạn, tỷ lệ đảm bảo an toàn hoạt động được duy trì theo đúng quy định của NHNN.

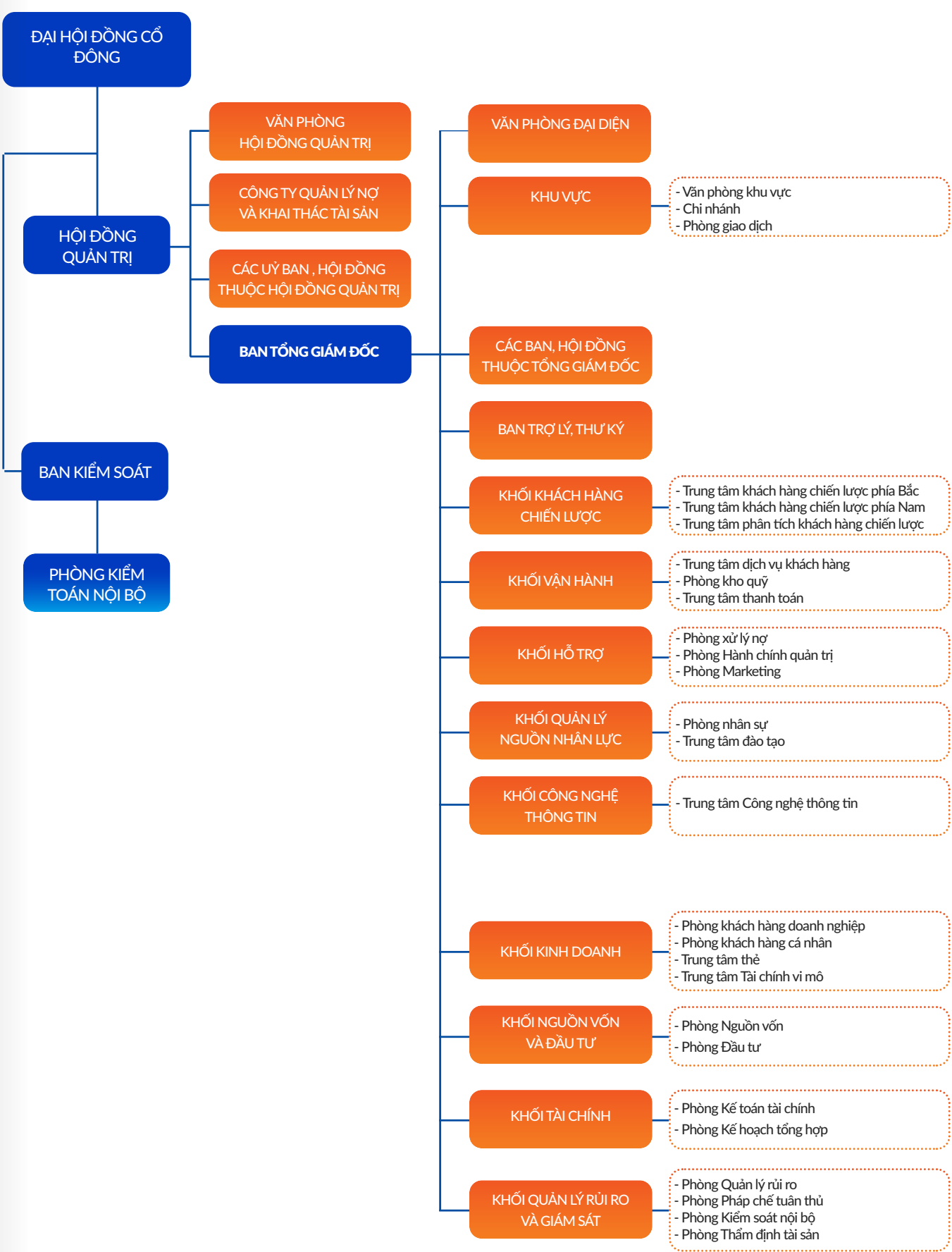
Quản trị chi phí tập trung hiệu quả

Năm 2024, KienlongBank đã đẩy mạnh việc nâng cao hiệu suất quản trị, thực hiện phân bổ chi phí hoạt động từ Hội sở tới từng ĐVKD theo từng sản phẩm, dịch vụ nội bộ. Ngân hàng cũng đã triển khai thí điểm mô hình Trung tâm quản trị chi phí tập trung.

Kết quả là ngân sách sẽ được theo dõi và thực hiện chi theo đề xuất của đơn vị HO theo kế hoạch hoạt động. Ngân hàng cũng thường xuyên đo lường hiệu quả triển khai sản phẩm/chính sách/chương trình làm cơ sở đánh giá KPI cho việc sử dụng ngân sách. Song song với đó, Ngân hàng cũng đã thường xuyên phát động các chuyên đề sáng kiến tiết kiệm chi phí, nâng cao năng suất công việc trên toàn hệ thống, từ đó góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách chung.



Sơ đồ tổ chức

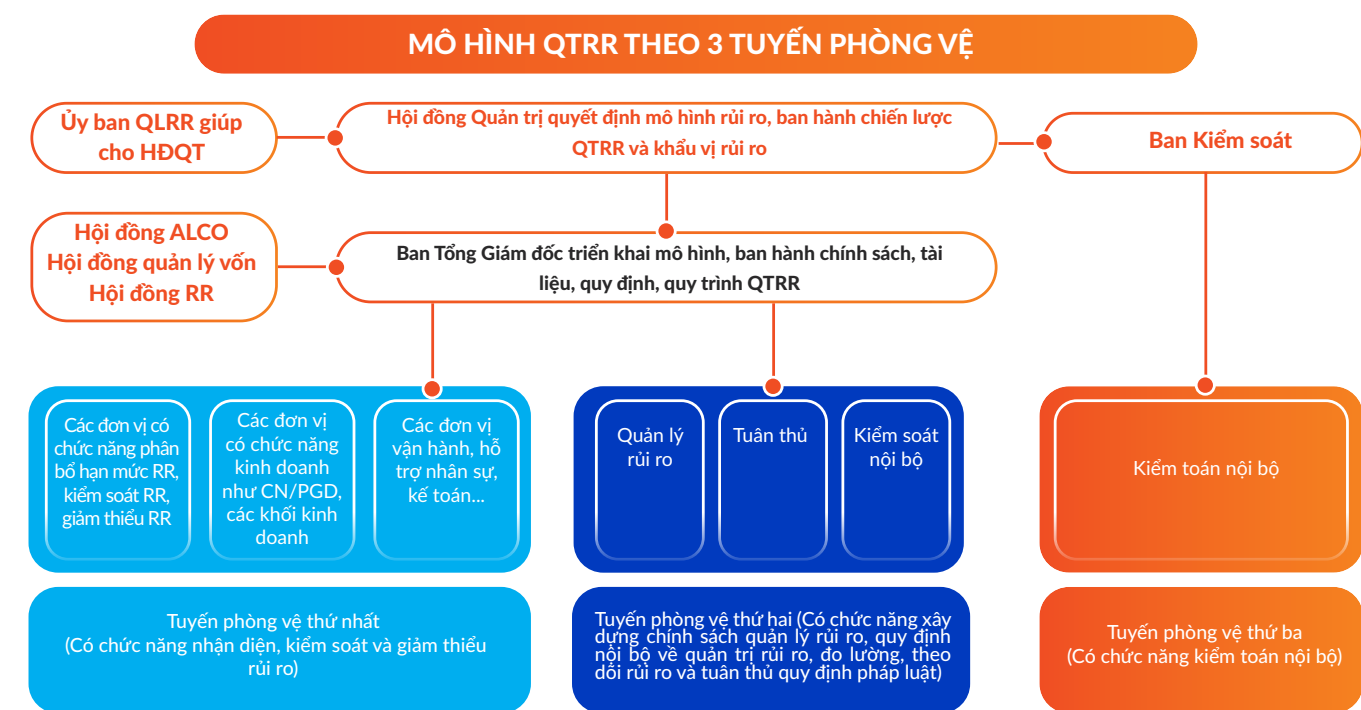


Nâng tầm hiệu quả quản trị rủi ro

Không ngừng hoàn thiện, sẵn sàng thích ứng với sự thay đổi của thị trường và các yêu cầu ngày càng cao từ cơ quan quản lý, KienlongBank tiếp tục khẳng định sự phát triển ổn định, bền vững với chiến lược quản trị rủi ro hiệu quả, toàn diện.

Năm 2024, KienlongBank đã chủ động rà soát, cập nhật khẩu vị rủi ro, đảm bảo phù hợp với định hướng kinh doanh và tình hình của thị trường, đồng thời đáp ứng các quy định mới do NHNN ban hành. Song song với đó, KienlongBank cũng nghiên cứu xây dựng vai trò rủi ro tích hợp, từng bước thí điểm và phát triển khung chiến lược quản lý rủi ro với mục tiêu tối ưu hóa công tác kiểm soát và nhận diện rủi ro một cách chủ động hơn.

Không chỉ dừng lại ở việc tuân thủ các giới hạn, tỷ lệ an toàn theo quy định, Ngân hàng còn thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ chặt chẽ, giúp phát hiện sớm và đưa ra biện pháp ứng phó kịp thời khi các chỉ số rủi ro chạm ngưỡng cảnh báo. Việc chủ động điều chỉnh và thử nghiệm những phương thức quản trị mới là bước đi chiến lược, thể hiện cam kết của KienlongBank trong việc nâng cao hiệu quả vận hành và đảm bảo tăng trưởng bền vững trong giai đoạn mới.



Dựa trên bản chất của từng hoạt động trọng yếu, KienlongBank xác định các loại rủi ro phát sinh, đảm bảo tuân thủ yêu cầu của NHNN. Bao gồm:

Rủi ro tín dụng

QLRRTD tại KienlongBank được thực hiện theo các yêu cầu của chiến lược quản lý rủi ro trên cơ sở tuân thủ quy định của pháp luật nhằm đảm bảo quản lý được các rủi ro phát sinh trong hoạt động tín dụng. Theo đó, khung QLRRTD của KienlongBank được định hướng thông qua cơ cấu tổ chức, các chính sách, quy trình, mô hình lượng hoá rủi ro tín dụng, hạn mức và báo cáo rủi ro tín dụng. Cụ thể:

QLRRTD tại KienlongBank được tổ chức theo mô hình “3 tuyến bảo vệ” tương ứng với quy mô và phù hợp với chiến lược hoạt động kinh doanh của ngân hàng nhằm giám sát, vận hành QLRRTD hiệu quả, tạo nên văn hóa ý thức và kiểm soát rủi ro trong cả hệ thống.

Hệ thống văn bản QLRRTD được xây dựng trên cơ sở đáp ứng các nguyên tắc tổ chức và cấu trúc quản trị rủi ro đồng thời được rà soát thường xuyên, điều chỉnh kịp thời nhằm bảo đảm tính thích hợp, đầy đủ và tuân thủ quy định của pháp luật. Hệ thống văn bản QLRRTD bao gồm các cấp độ văn bản sau đây: Chiến lược QLRRTD, Chính sách về QLRRTD, các quy định và quy trình về QLRRTD.

Xây dựng, hoàn thiện mô hình lượng hoá rủi ro tín dụng theo Basel III, từng bước đưa vào ứng dụng trong các chính sách QLRRTD và hoạt động điều hành kinh doanh.

Thực hiện chiến lược quản lý rủi ro, hạn mức rủi ro tín dụng đảm bảo tuân thủ quy định của NHNN và pháp luật có liên quan. Chiến lược này nhằm đảm bảo tỷ lệ nợ xấu được đo lường, theo dõi, kiểm soát chặt chẽ và báo cáo kịp thời, tuân thủ các giới hạn được đặt ra cũng như có các biện pháp xử lý, ngăn ngừa cần thiết. Đồng thời với đó, Ngân hàng cũng có thể đảm bảo các văn bản điều chỉnh hoạt động tín dụng luôn được rà soát đảm bảo phù hợp với thực tiễn hoạt động của Ngân hàng.

KienlongBank thực hiện báo cáo thông tin kịp thời, đầy đủ về trạng thái RRTD, về hiệu quả các biện pháp kiểm soát RRTD. Ngoài ra, KienlongBank luôn chú trọng việc nâng cao chất lượng, tính kịp thời và chủ động trong công tác quản lý danh mục tín dụng thông qua việc tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào việc triển khai hệ thống báo cáo tự động.

KienlongBank đã thiết lập và duy trì hệ thống thông tin quản lý để nhận dạng, đo lường, đánh giá và theo dõi một cách kịp thời, chính xác, thường xuyên, toàn diện các trạng thái, mức độ rủi ro, tình hình tuân thủ các quy định của pháp luật và các quy định nội bộ của KienlongBank và đảm bảo HĐQT, Ban kiểm soát và Ban điều hành được báo cáo kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin quan trọng về rủi ro không phù hợp với chiến lược quản lý rủi ro, chiến lược kinh doanh của KienlongBank.

Rủi ro thị trường

Chiến lược quản lý rủi ro thị trường được xây dựng phù hợp với chiến lược kinh doanh, chiến lược quản trị rủi ro của KienlongBank theo từng thời kỳ và thực hiện theo nguyên tắc tập trung tại Hội sở.

Hạn mức rủi ro thị trường được xây dựng trên cơ sở chính sách quản lý rủi ro thị trường trong từng thời kỳ thể hiện loại rủi ro, cấu trúc rủi ro và các giới hạn rủi ro mà KienlongBank kiểm soát và giám sát. Hạn mức rủi ro thị trường được thiết lập tương ứng với từng sản phẩm, từng yếu tố rủi ro thị trường hoặc danh mục kinh doanh và từng cấp kinh doanh, phù hợp với tình hình thị trường từng thời kỳ. Hạn mức rủi ro thị trường được rà soát thường xuyên và định kỳ tối thiểu 1 năm/lần, đảm bảo phù hợp với điều kiện thị trường và tình hình hoạt động kinh doanh của KienlongBank.

KienlongBank đã quy định cụ thể các nguyên tắc phân loại sổ và thực hiện phân tách các giao dịch thuộc sổ kinh doanh, ban hành đầy đủ các hạn mức rủi ro thị trường để quản lý, thực hiện đo lường các trạng thái sổ kinh doanh theo các nguyên tắc thị trường phù hợp.

KienlongBank thực hiện việc đo lường rủi ro được thực hiện bằng các phương pháp, mô hình, kỹ thuật theo nguyên tắc thị trường. Việc theo dõi, kiểm soát rủi ro thị trường được thực hiện kịp thời, chính xác theo ngày và tổng hợp hàng tháng nhằm đảm bảo phát hiện sớm các nguy cơ vi phạm để có biện pháp xử lý phù hợp, kịp thời.

Rủi ro hoạt động

KienlongBank xây dựng chiến lược rủi ro hoạt động nhằm định hướng, thúc đẩy, đảm bảo hoạt động kinh doanh phát triển bền vững, hiệu quả, hạn chế tối đa rủi ro xảy ra trên cơ sở cân bằng giữa lợi nhuận và rủi ro đồng thời đáp ứng yêu cầu của NNHN.

Chiến lược quản lý rủi ro hoạt động được thực hiện theo nguyên tắc quản lý rủi ro hoạt động, mua bảo hiểm rủi ro hoạt động, sử dụng hoạt động thuê ngoài, xây dựng các kịch bản khắc phục trong tình huống sự cố nghiêm trọng do rủi ro hoạt động xảy ra.

KienlongBank thực hiện việc nhận dạng, đo lường, theo dõi và kiểm soát rủi ro hoạt động thông qua việc sử dụng các phát hiện của kiểm toán nội bộ và kiểm toán độc lập; thu thập và phân tích dữ liệu tổn thất nội bộ và bên ngoài để xác định tổn thất nội bộ và của toàn hệ thống; xây dựng và triển khai chỉ số rủi ro hoạt động chính (KRI) để đánh giá, theo dõi các rủi ro tiềm ẩn nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của KienlongBank.

Ngoài ra, KienlongBank đang có kế hoạch từng bước triển khai thêm một số công cụ đo lường rủi ro hoạt động như:

+ Tự đánh giá kiểm soát rủi ro hoạt động để xác định hiệu quả của hoạt động kiểm soát đối với rủi ro hoạt động trước và sau khi kiểm soát.

+ Phân tích kịch bản để xác định nguồn phát sinh rủi ro hoạt động và các yêu cầu kiểm soát, giảm thiểu rủi ro hoạt động trong các kịch bản và sự kiện có thể xảy ra.

Rủi ro thanh khoản

Chiến lược quản lý rủi ro thanh khoản luôn phù hợp với mục tiêu, chiến lược kinh doanh, chính sách quản lý rủi ro toàn hàng mà KienlongBank đã ban hành, đảm bảo tuân thủ quy định của NHNN, Luật các Tổ chức tín dụng và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Chiến lược quản lý rủi ro thanh khoản được thực hiện cho toàn hệ thống, bao gồm cả nội bảng và ngoại bảng, và thực hiện đối với đồng Việt Nam, ngoại tệ.

KienlongBank kiểm soát rủi ro thanh khoản tuân thủ các hạn mức rủi ro thanh khoản theo quy định của NHNN và quy định nội bộ của KienlongBank, đảm bảo cảnh báo sớm các rủi ro thanh khoản và có các biện pháp xử lý kịp thời.

Việc đo lường, theo dõi, giám sát rủi ro thanh khoản được thực hiện hàng ngày, thực hiện kiểm tra sức chịu đựng theo phương pháp phân tích kịch bản tối thiểu 06 tháng/lần. Trong năm 2024, KienlongBank đã bổ sung đo lường, theo dõi, phân tích tỷ lệ dự trữ thanh khoản (LCR) và tỷ lệ nguồn vốn ổn định ròng (NSFR) theo quy định chuẩn mực Basel III, đồng thời các chính sách huy động vốn luôn đảm bảo linh hoạt, phù hợp diễn biến thị trường và tình hình thanh khoản của Ngân hàng.

Rủi ro tập trung

KienlongBank thiết lập khung quản trị rủi ro tập trung đầy đủ, bao gồm mô hình, cơ cấu tổ chức quản trị, hệ thống văn bản chính sách, quy trình, hạn mức toàn diện nhằm nhận diện, đo lường, giám sát và báo cáo rủi ro đảm bảo tuân thủ các quy định của NHNN cũng như quy định nội bộ của KienlongBank.

Trong công tác quản lý rủi ro tập trung đối với hoạt động cấp tín dụng, KienlongBank chủ trương đa dạng hoá danh mục cấp tín dụng theo các nguyên tắc sau:

Đảm bảo thiết lập các giới hạn, hạn mức tập trung tín dụng theo sản phẩm, khách hàng và ngành lĩnh vực kinh tế, loại tài sản bảo đảm.

Đảm bảo xác định và ban hành các tiêu chí xác định người có liên quan của khách hàng, thực hiện các nội dung khai báo thông tin đầy đủ đối với người có liên quan của khách hàng, xác định các tỷ lệ và nguyên tắc quản lý nhằm đảm bảo các giới hạn an toàn trong việc cấp tín dụng đối với một khách hàng và người có liên quan tuân thủ quy định của NHNN, quy định của pháp luật và các trường hợp tiềm ẩn rủi ro.

Xác định mức độ đa dạng và mức độ tương tác giữa các chỉ tiêu theo dõi trong danh mục tín dụng nhằm kiểm soát rủi ro trong hoạt động tín dụng và làm cơ sở cho việc thiết lập kế hoạch kinh doanh.

Rủi ro tập trung tự doanh được đo lường định kỳ trên cơ sở đánh giá mức độ tác động đối với tỷ trọng số dư/doanh số và thu nhập của từng hoạt động giao dịch tự doanh có rủi ro tập trung, có đề xuất các biện pháp đa dạng hoá danh mục, giảm thiểu rủi ro tập trung (nếu cần).

Quản lý rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng

Việc kiểm soát và giảm thiểu rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng được thực hiện định kỳ, đảm bảo tuân thủ quy định quản lý của NHNN và hạn mức được phê duyệt.

Điều chỉnh bổ sung kịp thời các phương pháp đo lường và hạn mức cảnh báo trong các trường hợp có sự thay đổi về môi trường và điều kiện có thể làm ảnh hưởng đến tính phù hợp của các phương pháp, hạn mức này.

ĐỔI MỚI MÔ HÌNH QUẢN TRỊ NHÂN SỰ



Trong chiến dịch chuyển đổi, phát triển năng lực với 03 trụ cột quan trọng: Con người - Chất lượng dịch vụ & Văn hóa lấy khách hàng làm trọng tâm, KienlongBank đã luôn chú trọng trong việc tạo ra một môi trường làm việc lý tưởng, hiệu quả thông qua việc quản lý hiệu suất thông qua hệ thống KPI, thành lập các Ban dự án, tiên phong triển khai SLA nghiệp vụ nhân sự...

Để hiện thực hóa kế hoạch trên, năm 2024, KienlongBank cũng chủ động bồi dưỡng và tự lực nguồn nhân sự chất lượng cao, tạo nhiều cơ hội để thế hệ nhân sự 4.0 thử sức với những công nghệ mới, từ đó kiến tạo những nhân tài đóng góp vào sự phát triển của Ngân hàng. Nhiều chính sách gia tăng phúc lợi và thu nhập cho cán bộ nhân viên được ban hành, tạo môi trường làm việc lý tưởng để nhân sự có các cơ hội thăng tiến trong công việc.

Ngân hàng cũng khởi động dự án phần mềm và số hóa quy trình nhân sự, ứng dụng công nghệ trong công tác quản lý và giảm thiểu thời gian xử lý. Song song với đó, Ngân hàng triển khai bảo hiểm xã hội tập trung tại một tỉnh thành, giúp đơn giản hóa thủ tục và đảm bảo quyền lợi cho CBNV.

Dựa trên những chính sách nhân sự vượt trội, chế độ đãi ngộ hấp dẫn và môi trường làm việc năng động, trẻ trung, KienlongBank đã được World Economic Magazine vinh danh “Nơi làm việc tốt nhất Việt Nam 2024”.

Công tác nhân sự

Năm 2024, Ngân hàng tiếp tục triển khai nhiều chính sách về nhân sự, thu hút nhân tài, đồng thời nâng cao phúc lợi, tạo điều kiện để người lao động yên tâm công tác, phát triển sự nghiệp. Ra mắt thành công website Tuyển dụng mới: <https://tuyendung.kienlongbank.com/> - một phiên bản hiện đại hơn, chuyên nghiệp hơn, KienlongBank trao cơ hội việc làm đến hàng ngàn ứng viên tiềm năng trên toàn quốc, đặc biệt thu hút nguồn nhân lực Gen Z.

Bên cạnh việc các chiến dịch tuyển dụng Cộng tác viên, Thực tập sinh tại Đơn vị kinh doanh, Ngân hàng còn mở rộng tuyển dụng tại các khối Phòng, Ban Hội sở, đặc biệt là Khối Công nghệ nhằm xây dựng nguồn nhân lực kế cận và hỗ trợ các tài năng trẻ được làm việc trong môi trường đầy tính thực tiễn, tích lũy những kinh nghiệm giá trị cho công việc.

Đối với nguồn nhân lực nội bộ, KienlongBank chú trọng hướng tới sự phát triển toàn diện của cán bộ nhân viên với các cơ hội bổ nhiệm cùng lộ trình thăng tiến bài bản, song hành là những chương trình đào tạo chuyên nghiệp dành riêng cho các vị trí quản lý:

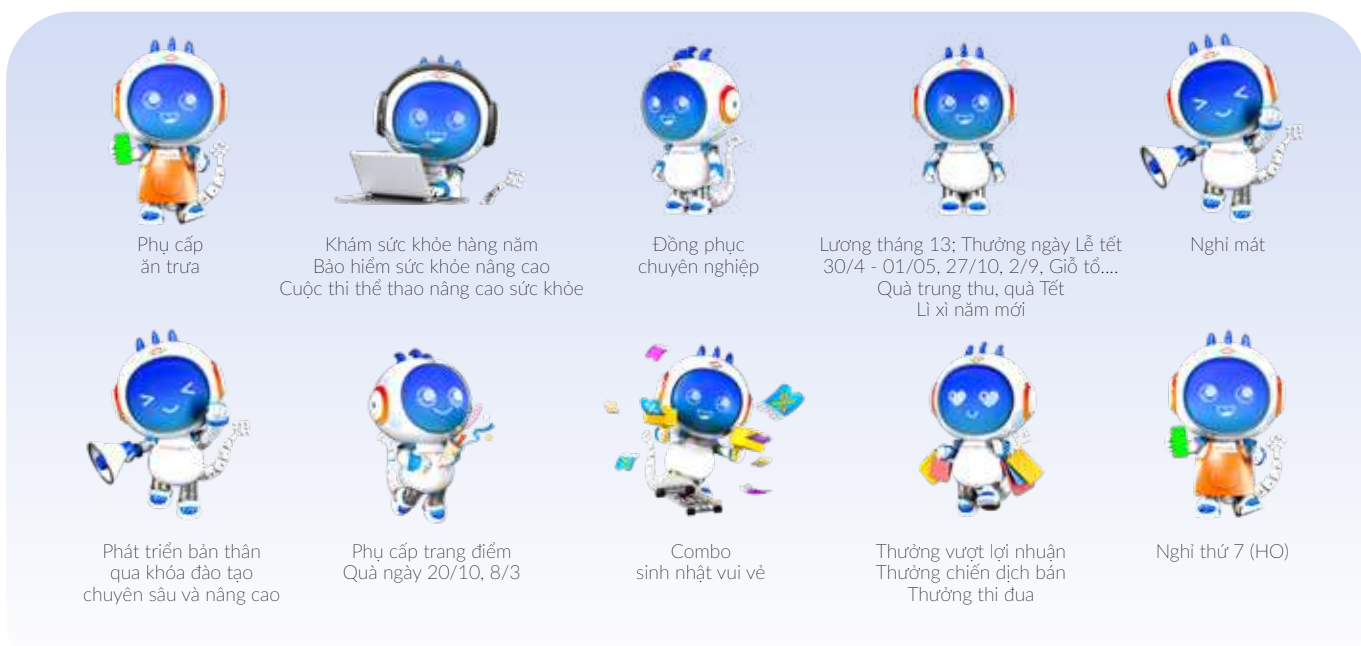


Chế độ phúc lợi

KienlongBank luôn tập trung vào việc xây dựng nền tảng phúc lợi vững chắc, cung cấp các chế độ phúc lợi toàn diện và lương thưởng cạnh tranh với mức thưởng cao nhất lên đến 09 tháng, nhằm khuyến khích và ghi nhận những đóng góp của nhân viên. Công tác xây dựng hệ thống đánh giá KPI mới đối với Cán bộ bán hàng trong toàn hệ thống đã tạo ra sự thay đổi thu nhập đáng kể cho CBNV khi được chi trả theo hiệu suất bán, tạo sự cạnh tranh, nâng cao năng suất lao động, góp phần tích cực vào kết quả vượt kế hoạch lợi nhuận 2024 của Ngân hàng.

Ngân hàng sửa đổi, cập nhật và bổ sung các quy định mới dành cho các vị trí đặc thù để đảm bảo quyền lợi phù hợp với nhu cầu công việc. Đặc biệt, KienlongBank thực hiện nâng lương toàn hàng nhằm động viên tinh thần làm việc của nhân viên và điều chỉnh lương bảo hiểm xã hội theo quy định mới từ tháng 7/2024 giúp đảm bảo quyền lợi lâu dài.

Sẽ chia và thấu hiểu hơn cả, Ngân hàng thể hiện sự quan tâm và hỗ trợ kịp thời khi triển khai chính sách 3 ngày phép đặc biệt (quà tặng từ Ngân hàng và đồng nghiệp) cho CBNV có gia đình chịu ảnh hưởng bởi bão Yagi. Chính sách này đã thể hiện rõ nét tinh thần nhân văn và giàu tình đoàn kết của tất cả thành viên.



Hoạt động văn hóa nội bộ

Các giá trị văn hoá của Ngân hàng luôn được chú trọng phát triển thông qua các hoạt động nội bộ hàng năm: Khai xuân, chương trình Teambuilding, các ngày lễ 8/3 và 20/10 cho CBNV nữ, ngày Lễ Quốc tế thiếu nhi, Tết trung thu, ... hướng đến 1 đại gia đình KienlongBank gắn kết, chung sức đồng lòng. Đặc biệt, sự kiện “Lễ kỷ niệm 29 thành lập KienlongBank – Kết nối giá trị” không chỉ là dấu mốc quan trọng khẳng định vị thế của KienlongBank mà còn là động lực để toàn thể cán bộ nhân viên tiếp tục nỗ lực, sáng tạo, cùng nhau chinh phục những đỉnh cao mới trong hành trình phát triển phía trước.



Đào tạo và phát triển

Năm 2024 đã ghi lại nhiều dấu ấn quan trọng trong công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực với:



Chuỗi “Đào tạo phát triển năng lực”



Đào tạo nội bộ tại Đơn vị được tổ chức:



KienlongBank đã khẳng định vai trò tiên phong trong chuyển đổi số thông qua nền tảng E-learning:



Đây là một minh chứng cho sự đúng đắn của chiến lược, khi mà E-learning trở thành công cụ chủ đạo trong việc nâng cao kỹ năng số cho cán bộ nhân viên và trang bị cho CBNV khả năng thích ứng với đổi mới công nghệ, kiến tạo thêm nhiều cơ hội trong tương lai.

Trong năm 2025, KienlongBank sẽ đưa ra các sáng kiến về nội dung và phương pháp đào tạo nhằm đưa Trí tuệ nhân tạo (AI) tới gần hơn với toàn thể cán bộ nhân viên. Các lớp đào tạo về AI đã được tổ chức cho các Phòng, Ban, Trung tâm tại Hội sở, giúp những cán bộ chủ chốt khám phá sâu hơn về tiềm năng và ứng dụng của AI trong công tác quản lý, vận hành. Đây chính là bước tiến quan trọng trong lộ trình chuyển đổi số của KienlongBank.

Quản trị rủi ro nhân sự

Với mục tiêu tập trung triển khai các giải pháp quản trị rủi ro trong công tác nhân sự, KienlongBank đã sửa đổi, bổ sung và ban hành mới hơn 20 văn bản, chính sách nhân sự kịp thời, phù hợp, đáp ứng yêu cầu của Ngân hàng và đảm bảo luôn tuân thủ các quy định của pháp luật. Bên cạnh đó, Ngân hàng cũng nâng cao kiến thức, tạo dựng nền tảng tốt cho cán bộ nhân viên qua các chương trình đào tạo liên quan đến chuyên môn pháp lý, rủi ro. Đồng thời, qua các công tác đánh giá triển khai ESG tại Ngân hàng, KienlongBank đã phần lớn đảm bảo tuân theo các tiêu chuẩn bền vững quốc tế về Con người (nhân lực) và Văn hóa.

Nguồn nhân lực bền vững đóng vai trò quan trọng trong việc đổi mới, cải tiến công nghệ, gia tăng hiệu quả vận hành và phát triển các sản phẩm dịch vụ tài chính, từ đó củng cố vị thế của KienlongBank trên thị trường. Với tầm nhìn xa và chiến lược đúng đắn, KienlongBank “Kết nối giá trị” giữa Ngân hàng và cán bộ nhân viên, cùng nhau vươn cao, vươn xa trong “Kỷ nguyên vươn mình – Hành trình kiến tạo”.

CÔNG NGHỆ - “ÁT CHỦ BÀI” TỐI ƯU HÓA TRẢI NGHIỆM KHÁCH HÀNG

Thành tựu về công nghệ trong năm 2024

Ngân hàng số là một trong những bước tiến lớn nhất trong việc cải thiện CX. Các ứng dụng di động và nền tảng trực tuyến cho phép khách hàng thực hiện hầu hết các giao dịch mà không cần đến chi nhánh. Chuyển khoản, thanh toán hóa đơn, quản lý tài khoản, hoặc thậm chí mở tài khoản mới chỉ cần vài thao tác trên điện thoại thông minh.



4/1/2024

Triển khai tính năng E - PIN cho sản phẩm thẻ KienlongBank



17/6/2024

Triển khai sản phẩm tích tiểu thành đại



19/1/2024

Triển khai đăng ký Tài khoản số đẹp



18/6/2024

Triển khai phương thức xác thực, sinh trắc học theo Quyết định 2345/QĐ-NHNN giai đoạn 1



6/2/2024

Triển khai tiện ích Lì xì - tặng quà



30/6/2024

Go live LOS



1/3/2024

Triển khai VAMS chữ ký số



1/7/2024

Triển khai phương thức xác thực sinh trắc học theo Quyết định 2345/QĐ-NHNN giai đoạn 2



15/5/2024

Triển khai tiếp nhận và xử lý yêu cầu nghiệp vụ của Trung tâm thẻ - CCS



Định hướng chiến lược trong tương lai

Trong lộ trình tiếp theo, KienlongBank sẽ tập trung ứng dụng tối đa các thành tựu của công nghệ AI và Big Data để siêu cá nhân hoá trải nghiệm khách hàng, giảm thiểu chi phí vận hành. Cùng với đó là thúc đẩy mô hình Open Banking và kết nối Open API với các bên thứ ba, đặc biệt trong các lĩnh vực fintech, tài chính, công nghệ... để từ đó tạo ra một kỷ nguyên thanh toán, quản lý tài chính với những bước tiến “vượt ngoài mong đợi” cho khách hàng.

TIỆN ÍCH

Chuyển tiền	Danh bạ tài khoản	AI Chatbot	Dịch vụ SMS Banking	Rút tiền bằng QR code
Tin tức/ Thông báo	Theme App	Sao kê tài khoản	Tra soát giao dịch	
QR code	LOYALTY	Dịch vụ tài khoản/ eKYC	Nạp tiền điện thoại	

SẢN PHẨM TÀI CHÍNH

Tiết kiệm truyền thống	MYSHOP	Thẻ ảo	Vay trả góp
Tiết kiệm tích tiểu thành đại	Tài khoản số đẹp	Nickname	Vay thấu chi online
Tiết kiệm mục tiêu như ý	Lì xì	Vay cầm cố stk	Sản phẩm đầu tư

THANH TOÁN

Viết QR	Thanh toán song phương KBNN	Sàn giao dịch	Thanh toán thuế eTax mobile	Tap to Phone
Thanh toán hoá đơn	Zalo pay	Dịch vụ vận chuyển	Softpos/Smart pos	Sàn thương mại điện tử
Vnpay QR	Samsung pay	VETC/ ePASS	Apple pay	

ĐẨY MẠNH PHÁT TRIỂN CÁC SẢN PHẨM, DỊCH VỤ SỐ

Tối ưu các sản phẩm, dịch vụ truyền thống

Với sứ mệnh “Là ngân hàng của mọi nhà, mang lại niềm tin và giá trị cho khách hàng, cổ đông, đối tác và cộng đồng”, KienlongBank luôn đặt khách hàng làm trung tâm trong mọi hoạt động. Ngân hàng không ngừng cải tiến quy trình, nâng cao chất lượng dịch vụ để đáp ứng kỳ vọng của khách hàng, đồng thời duy trì các giá trị cốt lõi như an toàn, chất lượng và trách nhiệm xã hội.

KienlongBank cung cấp một danh mục sản phẩm tài chính đa dạng, tập trung vào các dịch vụ cốt lõi như:

+ **Tiền gửi - Tiết kiệm:** KienlongBank mang đến nhiều gói tiết kiệm với lãi suất cạnh tranh, phù hợp với nhu cầu tích lũy và sinh lời của khách hàng. Các sản phẩm bao gồm tiền gửi có kỳ hạn, tiết kiệm không kỳ hạn, tiết kiệm tích lũy mục tiêu và tiền gửi thanh toán. Những sản phẩm này được thiết kế linh hoạt, đáp ứng nhu cầu tài chính của nhiều đối tượng khách hàng khác nhau.

+ **Tín dụng - Cho vay:** KienlongBank hỗ trợ khách hàng tiếp cận nguồn vốn thông qua các gói vay đa dạng, từ vay tiêu dùng, vay mua nhà, vay du học đến vay kinh doanh và đầu tư chứng khoán. Các sản phẩm cho vay được xây dựng với mục tiêu phục vụ đời sống, sản xuất kinh doanh và phát triển nông nghiệp, nông thôn, giúp khách hàng giải quyết nhu cầu tài chính một cách hiệu quả.

+ **Dịch vụ thanh toán và chuyển tiền:** Ngân hàng cung cấp các phương tiện thanh toán và dịch vụ chuyển tiền trong nước lẫn quốc tế, đảm bảo giao dịch nhanh chóng, an toàn và tiện lợi. Điều này đặc biệt phù hợp với các doanh nghiệp cần quản lý dòng tiền hiệu quả.

+ **Kinh doanh ngoại hối và đầu tư:** KienlongBank hỗ trợ khách hàng cá nhân và doanh nghiệp tham gia mua bán ngoại tệ, vàng và chứng khoán, đáp ứng nhu cầu đầu tư và quản lý tài sản.



Tăng lợi thế với các sản phẩm, dịch vụ số

Trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, việc phát triển các sản phẩm và dịch vụ số không chỉ là xu hướng mà còn là yếu tố sống còn để doanh nghiệp duy trì sức cạnh tranh và đáp ứng kỳ vọng ngày càng cao của thị trường.

Để đạt được điều này, trong năm 2024, KienlongBank đã và đang tập trung vào bốn trụ cột chính: nâng cấp nền tảng số lõi, số hóa quy trình quản trị, tăng tốc phát triển sản phẩm/dịch vụ số, và xây dựng thương hiệu năng động, sáng tạo.

Nâng cấp nền tảng số lõi

Nền tảng số lõi là xương sống của mọi chiến lược số hóa, bao gồm các hệ thống công nghệ như cơ sở hạ tầng đám mây, cơ sở dữ liệu, và các công cụ phân tích. Tại KienlongBank, Ngân hàng đã tiến hành nâng cấp thành công hệ thống Core Thẻ, Core Bank.

Kết hợp với việc làm chủ các công nghệ lõi, công nghệ chiến lược, KienlongBank có thể dễ dàng trong việc triển khai, mở rộng hoặc chuyển đổi các sản phẩm, dịch vụ truyền thống sang các sản phẩm, dịch vụ số. Mỗi sản phẩm như ứng dụng Mobile Banking thế hệ mới KienlongBank Plus; bộ giải pháp quản lý tài chính cửa hàng MyShop & Paybox; bộ giải pháp quản lý tài chính cho doanh nghiệp KienlongBank Pay; và gần đây nhất là mô hình X-Digi Booth... đã và đang góp phần nâng cao trải nghiệm cũng như gia tăng giá trị cho khách hàng.

Số hóa quy trình, hệ thống quản trị

Số hóa quy trình, hệ thống quản trị giúp KienlongBank tối ưu hóa vận hành, giảm thiểu lãng phí thời gian và nguồn lực. Ngân hàng đã đưa vào sử dụng các giải pháp để quản lý tài nguyên, công việc một cách hiệu quả như Planner; ứng dụng các bảng điều khiển (dashboard) và công cụ phân tích thời gian thực để lãnh đạo nắm bắt thông tin nhanh chóng, từ đó đưa ra quyết định chính xác hơn; số hóa các quy trình số hóa giúp theo dõi tiến độ công việc rõ ràng, giảm thiểu sai sót và nâng cao trách nhiệm giải trình.

Phát triển thương hiệu năng động, sáng tạo

Phát triển một thương hiệu năng động, sáng tạo đòi hỏi sự kết hợp giữa chiến lược công nghệ hiện đại, nội dung đột phá và tương tác đa chiều để không chỉ nổi bật trong thị trường số mà còn xây dựng lòng tin và sự trung thành từ người tiêu dùng. Trong bối cảnh đó, KienlongBank đã:

+ Tạo ra nhiều điểm “chạm” với khách hàng thông qua chiến lược đa kênh (omnichannel). Mỗi kênh cần được tối ưu hóa để mang lại trải nghiệm liền mạch, từ giao diện đến nội dung.

+ Sử dụng công cụ phân tích dữ liệu để hiểu hành vi, sở thích, và lịch sử mua sắm của khách hàng. Từ đó, KienlongBank có thể cung cấp các khuyến nghị sản phẩm hoặc nội dung phù hợp.

+ Xây dựng Chatbot AI và các công cụ hỗ trợ khách hàng trực tuyến giúp phản hồi nhanh chóng trước những nhu cầu của khách hàng.

Tăng tốc phát triển sản phẩm và dịch vụ số hóa

Trong thời đại 4.0, khách hàng mong đợi các sản phẩm và dịch vụ được cá nhân hóa, dễ tiếp cận và liên tục cải tiến. Để đáp ứng, KienlongBank đã:

+ Rút ngắn chu kỳ phát triển sản phẩm thông qua các vòng lặp nhanh, thử nghiệm và cải tiến liên tục với việc áp dụng các phương pháp như Agile hay DevOp.

+ Thiết kế giao diện trực quan, thân thiện trên các nền tảng di động và web để thu hút và giữ chân khách hàng.

+ Đa dạng hóa các danh mục sản phẩm, dịch vụ dựa trên nhu cầu của nhiều nhóm đối tượng khách hàng khác nhau.

Những sản phẩm, dịch vụ số tiêu biểu

Ngân hàng số X-Digi

Với định vị về một ngân hàng hiện đại sẵn sàng vươn ra biển lớn, để thích ứng với “khẩu vị” của đa dạng đối tượng khách hàng trong kỷ nguyên số hoá, mới đây, KienlongBank đã cho ra mắt nền tảng Ngân hàng số thế hệ mới X-Digi. X-Digi của KienlongBank là sự kết hợp của các công nghệ số và trải nghiệm được cá nhân hóa để cung cấp dịch vụ tài chính bằng cách sử dụng các phương tiện trực tuyến và không cần sự can thiệp của nhân viên ngân hàng truyền thống. Toàn bộ quá trình từ quản lý, vận hành, kinh doanh và cung cấp sản phẩm, dịch vụ tới khách hàng đều được tích hợp với các công nghệ số hiện đại như Cloud, AI., Big data... để mang lại dịch vụ ngân hàng hiệu quả, phù hợp, đồng thời đảm bảo tính minh bạch trong mọi giao dịch.

Với X-Digi, khách hàng không cần đến trực tiếp các chi nhánh, phòng giao dịch của KienlongBank mà vẫn có thể dễ dàng tiếp cận và thực hiện các tác vụ từ đơn giản như thanh toán không tiền mặt; rút/chuyển tiền; mở tài khoản; mở thẻ bằng mã QR đến phức tạp hơn như ký hợp đồng vay vốn; tư vấn; thanh toán; kết nối thanh toán trực tiếp với các dịch vụ công trực tuyến như nộp lệ phí trước bạ, đăng ký đóng bảo hiểm... hoặc nhận tư vấn trực tiếp từ nhân viên hỗ trợ 24/7 thông qua tính năng live chat của KienlongBank Support tại bất kỳ thời điểm nào và ở bất cứ đâu thông qua các “điểm chạm” như ứng dụng Mobile Banking KienlongBank Plus hoặc mạng lưới các điểm giao dịch tự động 24/7 X-Digi Booth trên toàn quốc.

Việc ra mắt X-Digi vào thời điểm KienlongBank đang hướng đến dấu mốc 30 năm hình thành & phát triển đã cho thấy sự quyết tâm của Ban Lãnh đạo trong việc hiện thực hoá 4 tuyên ngôn được đưa ra trong Báo cáo phát triển bền vững ESG 2024 gồm: Kiên trì tăng trưởng bền vững; Kiên tâm vì khách hàng; Kiên quyết phát triển đội ngũ chuyên nghiệp và Kiên định trong hoạt động quản trị. Không chỉ nâng tầm trải nghiệm khách hàng thông qua các sản phẩm, dịch vụ số, KienlongBank luôn tập trung nguồn lực để nâng cao năng lực quản trị, phát triển các sản phẩm tài chính bền vững và gia tăng giá trị cho xã hội, cộng đồng.

Không cần đến các chi nhánh vật lý; không giới hạn giờ làm việc; không thủ tục, giấy tờ rườm rà, X-Digi Booth được trang bị đầy đủ các chức năng nghiệp vụ mà một phòng giao dịch cần có. Nhờ sự trợ giúp của những công nghệ tân tiến như eKYC; FaceID; xác thực sinh trắc học... nhưng được tối ưu và đơn giản hóa để phù hợp với nhận thức của mọi tầng lớp khách hàng, đã giúp khách hàng có thể dễ dàng tiếp cận và sử dụng các sản phẩm, dịch vụ tài chính, ngân hàng. Qua đó, X-Digi Booth có khả năng thay thế hoàn toàn cho một phòng giao dịch vật lý truyền thống và không cần có sự tham gia vận hành trực tiếp bởi nhân viên.



Bộ giải pháp quản lý tài chính cửa hàng MyShop & Paybox

Được đánh giá cao tại đề cử sản phẩm giải pháp phần mềm mới tại giải thưởng Sao Khuê 2023, MyShop không đơn thuần chỉ là một giải pháp về quản lý tài chính, vận hành cho các chủ cửa hàng mà là một bộ giải pháp toàn diện giúp chủ cửa hàng với nhiều ưu điểm vượt trội: thúc đẩy thanh toán không tiền mặt; tối ưu chi phí, thời gian; dễ dàng quản lý chuỗi cửa hàng với 1 tài khoản; tích hợp các phần mềm bán hàng và dễ dàng chia sẻ biến động số dư tới nhiều người.

Với MyShop, khách hàng dễ dàng thanh toán QR tại cửa hàng chỉ qua 1 lần chạm. Chủ cửa hàng cũng chỉ cần một thao tác đơn giản để xác thực khoản tiền thanh toán. Với các chuỗi cửa hàng trong cùng một hệ thống, việc áp dụng MyShop sẽ giúp phần doanh thu được ghi nhận riêng theo từng luồng tương ứng với từng cửa hàng, hệ thống sẽ tự động xử lý, thống kê và trích xuất báo cáo. Đặc biệt với thiết bị Paybox, chủ cửa hàng có thể dễ dàng tích hợp với các phần mềm bán hàng, tạo mã QR thanh toán; lưu trữ nhiều mã QR (động và tĩnh); thông báo, cập nhật tức thời biến động số dư tài khoản ngân hàng...

Nằm trong hệ sinh thái đa tiện ích với nhiều giải pháp, dịch vụ được tích hợp sẵn trên App KienlongBank Plus, MyShop đáp ứng những kỳ vọng cao hơn về các sản phẩm, dịch vụ thông minh, hướng tới sự đơn giản, tiết kiệm thời gian và đa tiện ích cho thế hệ “khách hàng 4.0”. Đây cũng là một phần trong chiến lược chuyển đổi số toàn diện của Ngân hàng, xây dựng các sản phẩm được tùy biến để phù hợp với nhu cầu riêng biệt của các nhóm khách hàng mục tiêu.

Xác định chuyển đổi số là mục tiêu chiến lược trong phát triển của Ngân hàng đến năm 2025, KienlongBank đã chuyển mình mạnh mẽ bắt nhịp với công nghệ tài chính 4.0. Năm thứ 4 trong hành trình chuyển đổi số, KienlongBank thay đổi về chất với trọng tâm hướng tới 4 trụ cột phát triển: Khách hàng – Công nghệ & Ngân hàng số - Nguồn nhân lực & Văn hóa doanh nghiệp – Đối tác. Số hóa là động lực và là mục tiêu để KienlongBank phục vụ tối đa nhu cầu khách hàng với sản phẩm được “may đo” mang đến trải nghiệm hoàn hảo. Chiến lược số hóa toàn diện đã từng bước giúp Ngân hàng nâng cao chất lượng dịch vụ, mang tới cho khách hàng nhiều tiện ích, nâng cao giá trị cuộc sống.

Luôn giữ tinh thần đổi mới không ngừng để phục vụ khách hàng, sản phẩm số hóa là động lực chính cho sự tăng trưởng quy mô, hiệu quả của Ngân hàng trong giai đoạn tới. KienlongBank sẽ tiếp tục triển khai các sản phẩm, dịch vụ số được tích hợp trên các nền tảng, ứng dụng công nghệ AI để hỗ trợ, phục vụ tối đa nhu cầu của các khách hàng. Ngân hàng sẽ tích cực hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước để phát triển các sản phẩm gia tăng giá trị trong một điểm chạm cho khách hàng.



KienlongBank Pay



Trải nghiệm NGÂN HÀNG SỐ HIỆN ĐẠI



SỐ ĐẸP NHƯ Ý
RƯỚC LỘC PHÚ QUÝ

QUẢN LÝ TÀI CHÍNH ƯU VIỆT
CỦA CỬA HÀNG

MỘT NGÂN HÀNG VÌ CỘNG ĐỒNG

Trợ lực cùng khách hàng phát triển sản xuất, kinh doanh

Với cam kết đồng hành cùng khách hàng, KienlongBank tiếp tục phát triển thế mạnh của các sản phẩm truyền thống, song song đó, ứng dụng công nghệ số trong vận hành để triển khai nhiều giải pháp linh hoạt và sáng tạo, nhằm mang lại những giá trị thiết thực cho khách hàng, hướng đến sự phát triển bền vững và đạt được những mục tiêu tài chính lâu dài.

Khách hàng cá nhân

Xây dựng các sản phẩm tín dụng đặc thù: Ban hành sửa đổi các sản phẩm cho vay dành cho hội viên Hội phụ nữ, cho vay dành cho khách hàng trồng lúa, tạo điều kiện cho ĐVKD tiếp cận và tăng cường quan hệ với các cấp chính quyền địa phương, hỗ trợ các nhu cầu thiết thực của khách hàng, phát triển kinh tế.

Xây dựng chuỗi các chương trình ưu đãi lãi suất, phí dành cho khách hàng cá nhân: giúp đa dạng hóa các lựa chọn linh hoạt cho khách hàng và đồng hành cùng khách hàng thực hiện các kế hoạch tài chính, nâng cao cuộc sống, mở rộng sản xuất kinh doanh.

KienlongBank xây dựng lại cấu trúc các chính sách sản phẩm: Chuyển từ cơ cấu các sản phẩm độc lập (trong sản phẩm quy định đầy đủ các điều kiện tín dụng) sang cơ cấu liên kết văn bản. Việc cấu trúc lại nhằm giúp đơn giản hóa việc xây dựng hệ thống sản phẩm tín dụng, thuận tiện khi điều chỉnh các chính sách.

Ứng dụng số hóa trong các hoạt động, cải tiến thủ tục cho vay cầm cố sổ tiết kiệm online. Ngoài ra việc điều chỉnh lại phương pháp xử lý khoản vay cầm cố giấy tờ có giá tại quầy giúp giảm 78% số lượng trang giấy in, 61% chữ ký khách hàng, 80% thời gian thực hiện thủ tục cho vay, góp phần giảm chi phí vận hành cho ĐVKD KienlongBank...

Khách hàng doanh nghiệp

Với mong muốn giúp khách hàng có cơ hội trải nghiệm Dịch vụ mở tài khoản chi lương - "SME Salary" với nhiều tiện ích, KienlongBank tung gói siêu miễn phí dành cho cả doanh nghiệp chi lương và người lao động nhận lương. Chương trình đã thu hút sự quan tâm từ khách hàng và ghi nhận những kết quả tích cực: phát triển lượng khách hàng chi lương mới với số tiền chi lương trung bình đạt 8,3 tỷ đồng/ 1141 tài khoản nhận lương.

3.420 ↑ **31%**
Khách hàng mới so với 2023

Thấu hiểu và chia sẻ với khách hàng, hỗ trợ khách hàng có thêm giải pháp tài chính, nâng cao năng lực cạnh tranh, tạo điều kiện và cơ hội cho khách hàng bứt phá trong hoạt động kinh doanh, KienlongBank ra mắt gói tín dụng với lãi suất chỉ từ 6,8%/năm qua chương trình "Ưu đãi cực sốc - Tăng tốc kinh doanh". Gói tín dụng của được thiết kế theo đặc thù ngành, đáp ứng linh hoạt các mục đích vay vốn, giúp khách hàng dễ dàng tiếp cận nguồn tín dụng với mức lãi suất vay ưu đãi, ưu tiên phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh ngành nông nghiệp, lâm sản, thủy sản, doanh nghiệp đầu mối kinh doanh xăng dầu. Sau thời gian phát động, chương trình thu hút được 80 khách hàng tham gia với tổng doanh số giải ngân đạt 660 tỷ đồng.

8,3 tỷ đồng
Số tiền chi lương trung bình

Ở chương trình ưu đãi dành cho khách hàng doanh nghiệp mở tài khoản mới - SME ON-BOARD, KienlongBank đã phát triển được 3.420 khách hàng mới, tăng trưởng 31% so với cùng kỳ năm 2023.

660 tỷ đồng
Tổng số tiền giải ngân

Đồng hành cùng cộng đồng với các chương trình an sinh xã hội

Chương trình "San sẻ yêu thương - Thêm hương ngày Tết" năm thứ 12

Hơn
83.000
phần quà

Tổng giá trị gần
35
tỷ đồng

Hành trình "29 năm - Kết nối giá trị", KienlongBank luôn theo đuổi triết lý kinh doanh gắn liền với trách nhiệm xã hội.

Bên cạnh những nỗ lực mang lại lợi ích và thịnh vượng cho hàng triệu khách hàng, Ngân hàng luôn kiên định với phương châm "Sẵn lòng chia sẻ" cùng giá trị cốt lõi Tâm - Tín - Kiên - Xanh trong những hoạt động hướng đến cộng đồng.

Chương trình "San sẻ yêu thương - Thêm hương ngày Tết" năm thứ 12 đã mang niềm vui xuân đón Tết đến với bà con khắp 28 tỉnh thành trên cả nước. Hơn 8.000 phần quà ý nghĩa với tổng giá trị gần 5 tỷ đồng được trao tặng đến bà con chính là tình cảm, là tấm lòng chia sẻ thân tình của toàn thể cán bộ nhân viên, cộng tác viên KienlongBank.

KienlongBank tài trợ toàn bộ chi phí để xây dựng "Mái ấm vùng cao" cho các gia đình thuộc hộ nghèo đặc biệt khó khăn tại Mường Nhé, tỉnh Điện Biên; trao tặng nhà Đại đoàn kết cho bà con Hòn Đất và U Minh Thượng, Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang. Trong năm qua, KienlongBank đã tài trợ hàng trăm suất học bổng cho học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, giúp các em có điều kiện tiếp tục học tập và theo đuổi ước mơ. Ngân hàng cũng đồng hành cùng các dự án xây dựng trường học, cải thiện cơ sở vật chất giáo dục tại nhiều địa phương.

Y tế cũng là lĩnh vực ưu tiên của KienlongBank trong hoạt động hỗ trợ cộng đồng. KienlongBank trao tặng quà cho các bệnh nhân tại Viện huyết học & Truyền máu TW tại Hà Nội; trao tặng ghế đá - cải tạo khuôn viên tại Trung tâm Y tế Phú Quốc - Kiên Giang. KienlongBank tổ chức nhiều đợt hiến máu với sự tham gia đông đảo của cán bộ nhân viên, cung cấp hàng ngàn đơn vị máu cho các bệnh viện trên cả nước.

KienlongBank ủng hộ

500.000.000 đồng

Tổng số tiền đóng góp CBNV

1,2 tỷ đồng

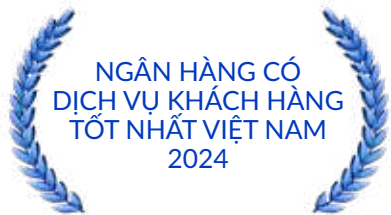
Xây dựng và sửa chữa

15 căn nhà

Chia sẻ những khó khăn, mất mát của đồng bào bị thiệt hại do cơn bão số 3 (Yagi), sau lễ phát động của Công đoàn cơ sở, CBNV, CTV toàn hệ thống KienlongBank đã chung tay, góp sức với số tiền đóng góp: 1.133.621.887 đồng. KienlongBank đã sử dụng số tiền ủng hộ để hỗ trợ kinh phí xây dựng và sửa chữa 7 hộ dân tại Yên Bái, 8 hộ dân tại Lào Cai. Trước đó, KienlongBank cũng đã trích ngân sách hoạt động hàng năm ủng hộ 500 triệu đồng cho đồng bào thông qua Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Ngoài ra, trên toàn hệ thống, các đơn vị kinh doanh, các CBNV KienlongBank chủ động nắm bắt thông tin khách hàng, cộng đồng chịu thiệt hại, chia sẻ, động viên; tích cực tham gia cùng chính quyền địa phương ủng hộ, hỗ trợ cộng đồng khắc phục hậu quả sau bão, ổn định cuộc sống.

ĐẨY MẠNH CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ & NÂNG CAO TRẢI NGHIỆM KHÁCH HÀNG



Năm 2024 đánh dấu nhiều bước tiến quan trọng của KienlongBank trong việc nâng cao chất lượng dịch vụ và tối ưu hóa trải nghiệm khách hàng. Với phương châm “Lấy khách hàng làm trọng tâm”, Ngân hàng đã triển khai hàng loạt cải tiến về quy trình vận hành, hệ thống quản lý chất lượng, cũng như ứng dụng công nghệ hiện đại nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu của khách hàng trong thời đại số.

Cải tiến và xây dựng hệ thống chất lượng dịch vụ nội bộ

Hướng đến tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ theo tiêu chuẩn 5 sao, KienlongBank đã tiến hành khảo sát khách hàng bên ngoài và khảo sát chất lượng dịch vụ nội bộ định kỳ với tần suất 6 tháng một lần. Các ý kiến thu thập được từ khách hàng cũng như từ các CBNV giúp Ngân hàng nhanh chóng phát hiện những vấn đề còn tồn đọng và có phương án cải thiện kịp thời.

Chương trình “Khách hàng bí mật” được triển khai nhằm đánh giá khách quan chất lượng dịch vụ tại các đơn vị. Kết quả từ chương trình này đã giúp KienlongBank thực hiện nhiều cải tiến quan trọng như thống nhất hệ thống niêm yết lãi suất, làm rõ quy định về giao dịch chuyển tiền và phân loại khách hàng vắng lại.

Không chỉ tập trung vào dịch vụ khách hàng, KienlongBank chú trọng nâng cao môi trường làm việc thông qua việc triển khai mô hình 5S trên toàn hệ thống, đồng bộ không gian làm việc theo tiêu chí hiện đại, chuyên nghiệp, đồng thời nâng cao hiệu suất làm việc của CBNV. Bên cạnh đó, KienlongBank cũng chú trọng hoạt động đào tạo chất lượng nội bộ tại tất cả các Đơn vị trên toàn hệ thống, qua đó hỗ trợ CBNV bổ sung thêm nhiều kiến thức, kỹ năng, áp dụng hiệu quả hơn trong thực tế công việc.

Một sáng kiến quan trọng khác là hệ thống cam kết chất lượng dịch vụ (SLA) giữa các phòng ban. Trong năm qua, KienlongBank đã triển khai thử nghiệm SLA tại 12 đơn vị, áp dụng hệ thống quản lý tiến độ xử lý yêu cầu nhanh chóng một cách tự động, góp phần nâng cao hiệu quả vận hành.

Hỗ trợ vận hành và quản lý chất lượng dịch vụ

Về mặt vận hành, một cải tiến quan trọng trong năm 2024 là việc nâng cấp hệ thống camera và triển khai mô hình giao dịch một cửa trên toàn hệ thống từ ngày 10/07/2024. Mô hình này giúp đơn giản hóa quy trình giao dịch, giảm thời gian chờ đợi, đồng thời tối ưu hóa nguồn lực tại các đơn vị kinh doanh.



Ngoài ra, KienlongBank cũng đã xây dựng bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng dịch vụ (CLDV) tại các đơn vị kinh doanh, giúp Ngân hàng xếp hạng dịch vụ một cách minh bạch và tạo động lực thúc đẩy phát triển toàn diện.

Một trong những điểm sáng trong công tác nâng cao chất lượng dịch vụ là chương trình thi đua “Service Excellence Awards 2024”, được tổ chức lần đầu tiên nhằm vinh danh các đơn vị và cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc cải thiện dịch vụ khách hàng. Những chi nhánh có CLDV tốt nhất và những “Đại sứ Dịch vụ” xuất sắc nhất đã được ghi nhận và khen thưởng, tạo động lực phát triển bền vững trong nội bộ Ngân hàng.



Dịch vụ khách hàng 24/7: Nhanh chóng – Hiệu quả – Chuyên nghiệp

Dịch vụ khách hàng 24/7 là một trong những điểm nhấn quan trọng của KienlongBank trong năm 2024. Số lượng yêu cầu hỗ trợ qua kênh này đạt 310.320 lượt, tăng 23% so với năm 2023. Điều này thể hiện sự tin tưởng của khách hàng đối với hệ thống hỗ trợ của KienlongBank.

Không chỉ phản hồi nhanh chóng, Ngân hàng còn chủ động chăm sóc khách hàng thông qua nhiều chương trình thiết thực, tiêu biểu như: Liên hệ với 455 khách hàng cá nhân tắt toán khoản vay trước hạn để tìm hiểu nguyên nhân và hỗ trợ chính sách phù hợp. Hướng dẫn kích hoạt thẻ tín dụng cho 4.186 khách hàng, với tỷ lệ kích hoạt thành công đạt 57,35% vào tháng 8/2024. Hỗ trợ khách hàng thực hiện sinh trắc học, với 2.169 khách hàng hoàn thành, đạt tỷ lệ 72%. Khảo sát trải nghiệm khách hàng tại quầy, với 8.670 khách hàng tham gia từ tháng 7 đến tháng 12/2024.

Song song đó, công tác đào tạo nhân sự cũng được đẩy mạnh. 100% nhân viên chăm sóc khách hàng đã hoàn thành các khóa đào tạo chuyên sâu về kỹ năng giao tiếp qua điện thoại, chăm sóc khách hàng trên Social Media, cũng như sử dụng hệ thống CRM.

Ứng dụng công nghệ để nâng cao trải nghiệm khách hàng

Không chỉ tập trung vào cải thiện chất lượng dịch vụ, KienlongBank còn đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ để tối ưu hóa trải nghiệm khách hàng. Trong năm 2024, ngân hàng đã triển khai 42 đề xuất cải tiến, trong đó 26 đề xuất đã được áp dụng vào thực tế, bao gồm: **Tính năng E-PIN và thẻ điện tử trên app KienlongBank Plus; Hệ thống quét phí SMS tự động; Tính năng tra soát giao dịch trên app KienlongBank Plus.**

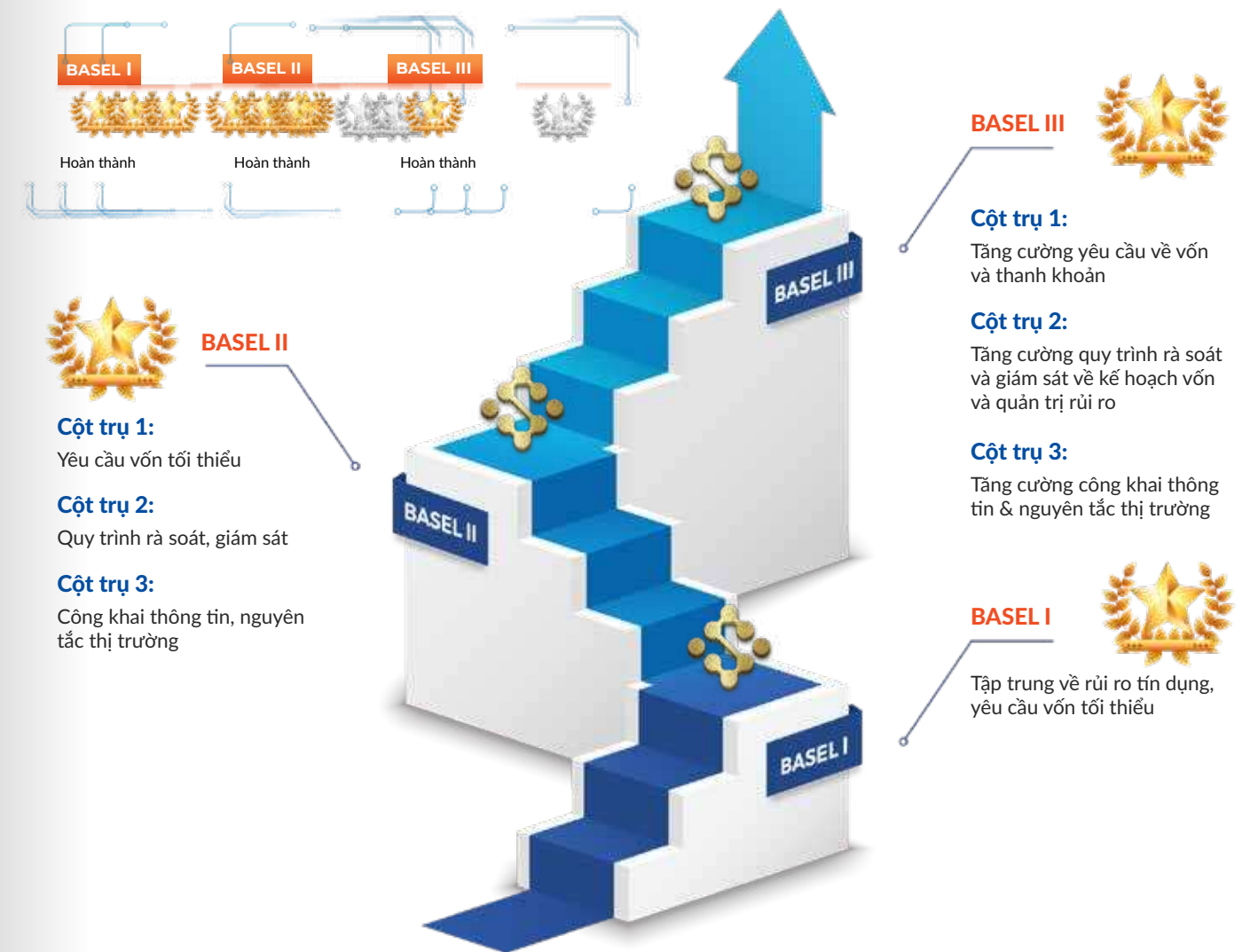
Ngoài ra, ngân hàng cũng đã phát triển chức năng “Hỗ trợ nghiệp vụ Bộ phận Dịch vụ khách hàng tại ĐVKD”, giúp tổng đài tiếp nhận và xử lý các yêu cầu từ các chi nhánh một cách nhanh chóng, hiệu quả.

Năm 2024, KienlongBank đã ghi nhận nhiều điểm nhấn quan trọng trong công tác nâng cao chất lượng dịch vụ và trải nghiệm khách hàng. Với sự kết hợp giữa công nghệ hiện đại, quy trình vận hành tối ưu và đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp, KienlongBank ngày càng khẳng định vị thế của mình mà còn tạo dựng niềm tin vững chắc trong lòng khách hàng.

Báo cáo phát triển bền vững

Năm 2024, với việc triển khai đồng bộ cả hai dự án Basel III & ESG, KienlongBank cho thấy sự nỗ lực và quyết tâm cao độ trong việc nâng cao năng lực quản trị rủi ro và khả năng chống chịu trước những biến động khó lường, đồng thời thúc đẩy Ngân hàng phát triển theo hướng bền vững, đáp ứng các tiêu chuẩn về môi trường, xã hội và quản trị theo thông lệ quốc tế và Việt Nam.

Basel III không chỉ yêu cầu gia tăng vốn mà còn đặt ra các quy định khắt khe hơn về quản trị rủi ro, giúp các ngân hàng tăng độ nhạy với rủi ro và phản ứng linh hoạt hơn trong môi trường kinh tế biến động. Theo đó, KienlongBank xác định không chỉ dừng lại ở quản trị rủi ro thanh khoản mà sẽ còn tiếp tục tập trung nghiên cứu và áp dụng toàn diện các khía cạnh quan trọng khác của Basel III trong năm 2025.



KienlongBank cũng đã công bố Báo cáo phát triển bền vững ESG theo tiêu chuẩn quốc tế với 4 chủ đề lớn để đưa vào vận hành trong điều kiện và môi trường thực tế. Trong đó, báo cáo với **14 chủ đề trọng yếu, 55 tiêu chuẩn GRI được áp dụng và cách tiếp cận dựa trên 4 trụ cột cốt lõi**. Cùng với đó, Ngân hàng cũng đưa ra tuyên ngôn riêng về ESG bao gồm:

- + Kiên trì tăng trưởng bền vững,
- + Kiên tâm vì khách hàng,
- + Kiên quyết phát triển đội ngũ chuyên nghiệp,
- + Kiên định trong hoạt động quản trị.

KIÊN TÂM
Kiến tạo **BỀN VỮNG**

Các chủ đề trọng yếu

KienlongBank từ lâu đã coi trọng và tích hợp các yếu tố phát triển bền vững vào chiến lược vận hành, điều này được thể hiện qua 6 mục tiêu chiến lược đã đề ra. Sau khi xác định các chỉ số trọng yếu và đánh giá mức độ quan trọng của chúng, KienlongBank lập bản đồ và ưu tiên hóa các thách thức mà Ngân hàng đang đối mặt. Điều này dựa trên việc đánh giá tầm quan trọng của 14 vấn đề phi tài chính, so sánh mức độ ảnh hưởng và tầm quan trọng của từng vấn đề đối với Ngân hàng, qua đó giúp phân tích và đáp ứng kỳ vọng của các bên liên quan một cách hiệu quả hơn.

 CÁC CHỦ ĐỀ ESG TRỌNG YẾU	 MỨC ĐỘ ƯU TIÊN	 MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC	 CÁC BÊN LIÊN QUAN QUAN TÂM*	 DẤU ẤN NỔI BẬT 2023-2024
I. KIÊN TRÌ TĂNG TRƯỞNG BỀN VỮNG				
Đóng góp kinh tế	2	Ngân hàng TMCP Kiên Long đặt mục tiêu trở thành một trong những ngân hàng hàng đầu về số hóa và đóng góp tích cực cho nền kinh tế	       	• Lợi nhuận trước thuế đạt 760,528 tỷ đồng, tăng 19% so với cùng kỳ 2023 • Chi nộp ngân sách nhà nước: 170,947 tỷ đồng, góp mặt trong danh sách 100 doanh nghiệp tư nhân nộp thuế nhiều nhất
Tài chính xanh bền vững	1	Ngân hàng cam kết hỗ trợ các dự án thân thiện với môi trường, khuyến khích năng lượng sạch và tái tạo. Các sản phẩm tài chính xanh được thiết kế đặc biệt cho đa dạng các nhóm khách hàng Ngân hàng thực hiện tích hợp các yếu tố ESG trong quản trị rủi ro và quy trình cấp tín dụng nhằm nâng cao tính bền vững và trách nhiệm trong hoạt động kinh doanh.	       	• TOP 10 Ngân hàng hoạt động hiệu quả • TOP 10 mô hình quản lý tài chính xuất sắc • Tỷ lệ dư nợ cho vay sản phẩm nông nghiệp nông thôn đạt 62,98% tổng dư nợ vay của khách hàng cá nhân.
II. KIÊN TÂM VÌ KHÁCH HÀNG				
Chuyển đổi số vì Khách hàng là trọng tâm	3	Ngân hàng đặt khách hàng làm trọng tâm của mọi hoạt động, chú trọng đến việc số hóa dịch vụ và nâng cao trải nghiệm khách hàng. Các sản phẩm tài chính và dịch vụ được thiết kế để đáp ứng nhu cầu của mọi đối tượng khách hàng.	       	• Hoàn thiện việc nâng cấp hệ thống Corebanking, Core thẻ mới. • Triển khai siêu ứng dụng KienlongBank Plus thay thế ứng dụng Mobile Banking cũ.

* Thông tin chi tiết về Các bên liên quan quan tâm xin vui lòng tham chiếu tại Mục “Tương tác với các bên liên quan”

Các chủ đề trọng yếu

 CÁC CHỦ ĐỀ ESG TRỌNG YẾU	 MỨC ĐỘ ƯU TIÊN	 MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC	 CÁC BÊN LIÊN QUAN QUAN TÂM*	 DẤU ẤN NỔI BẬT 2023-2024
II. KIẾN TÂM VÌ KHÁCH HÀNG				
Bảo mật thông tin	3	KienlongBank đặt mục tiêu bảo vệ dữ liệu và quyền riêng tư của khách hàng thông qua các hệ thống và quy định an toàn bảo mật chặt chẽ		- Không phát sinh bất cứ vụ kiện nào liên quan đến bảo mật dữ liệu khách hàng - Không phát sinh bất cứ khoản phạt hoặc chế tài nào từ NHNN về an toàn bảo mật
Đạo đức kinh doanh	3	KienlongBank luôn đặt khách hàng và các bên liên quan lên hàng đầu trong mọi quyết định, bảo đảm tính công bằng và minh bạch trong mọi hoạt động.		- Top 10 cuộc thi “Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp ngành Ngân hàng” 100% cán bộ nhân viên được đào tạo về chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp
Tài chính toàn diện	3	Ngân hàng cam kết thúc đẩy tài chính toàn diện thông qua việc triển khai các sản phẩm và dịch vụ thích hợp cho đa dạng nhóm khách hàng. Đây là một phần của nỗ lực hỗ trợ cộng đồng và phát triển kinh tế bền vững.		KienlongBank triển khai các sản phẩm cho vay đối với khách hàng trồng lúa, cho vay hội liên hiệp phụ nữ.

Các chủ đề trọng yếu

 CÁC CHỦ ĐỀ ESG TRỌNG YẾU	 MỨC ĐỘ ƯU TIÊN	 MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC	 CÁC BÊN LIÊN QUAN QUAN TÂM*	 DẤU ẤN NỔI BẬT 2023-2024
III. KIẾN QUYẾT PHÁT TRIỂN ĐỘI NGŨ CHUYÊN NGHIỆP				
Phát triển và Hòa nhập Nhân sự	2	KienlongBank đặt mục tiêu xây dựng một môi trường làm việc đa dạng, công bằng, và toàn diện, chú trọng đến sự phát triển cá nhân và tạo điều kiện cho nhân viên phát triển nghề nghiệp. Ngân hàng không ngừng cải thiện điều kiện làm việc để thu hút và giữ chân nhân tài.	       	Tỷ lệ nhân viên nữ đạt 51,7%
An toàn, Sức khỏe và Phúc lợi tại nơi làm việc	2	KienlongBank đặt mục tiêu nâng cao chế độ phúc lợi, chăm sóc sức khỏe và an toàn nơi làm việc cho toàn bộ cán bộ nhân viên. Ngân hàng triển khai các chương trình phúc lợi và chăm sóc sức khỏe, đồng thời thiết lập môi trường làm việc an toàn, hỗ trợ tâm lý cho nhân viên.	       	● Top 10 nơi làm việc tốt nhất Việt Nam theo Viet Research ● Không có nhân sự tai nạn, thương tích trong quá trình làm việc ● Thu nhập bình quân của cán bộ nhân viên tăng 14,28% so với năm trước
IV. KIẾN ĐỊNH TRONG HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ				
Quản trị Doanh nghiệp & Văn hóa Rủi ro	2	KienlongBank đặt mục tiêu quản lý toàn diện các loại rủi ro đồng thời tích hợp các yếu tố môi trường, xã hội, và quản trị (ESG) trong quá trình quản lý rủi ro thông qua khung quản trị vững mạnh, đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật và áp dụng các tiêu chuẩn quản lý rủi ro quốc tế.	       	● Triển khai dự án Basel III, nâng cao năng lực quản trị rủi ro ● Tỷ lệ an toàn vốn theo Basel II luôn duy trì trên mức tối thiểu, đến hết tháng 09 năm 2024 đạt 10,04%

Các chủ đề trọng yếu

 CÁC CHỦ ĐỀ ESG TRỌNG YẾU	 MỨC ĐỘ ƯU TIÊN	 MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC	 CÁC BÊN LIÊN QUAN QUAN TÂM*	 DẤU ẤN NỔI BẬT 2023-2024
IV. KIẾN ĐỊNH TRONG HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ				
Tuân thủ Quy định	3	KienlongBank cam kết tuân thủ tất cả các quy định pháp luật và tiêu chuẩn ngành. Ngân hàng thường xuyên rà soát và cập nhật quy trình, hệ thống để bảo đảm tính minh bạch và tuân thủ đầy đủ, từ đó xây dựng lòng tin với khách hàng và các bên liên quan.		Không phát sinh bất cứ sự kiện nào mà Ngân hàng bị xử phạt do không tuân thủ với các quy định pháp luật về phòng chống tội phạm tài chính và bảo vệ môi trường, xã hội
An toàn Thông tin	1	Ngân hàng đặc biệt chú trọng đến mục tiêu bảo vệ quyền riêng tư và thông tin cá nhân của khách hàng. Các biện pháp an ninh, bảo mật thông tin được nâng cao và cập nhật thường xuyên để đảm bảo an toàn cho hệ thống và dữ liệu khách hàng.		- Không có bất cứ sự kiện an toàn thông tin nghiêm trọng nào diễn ra trong kỳ báo cáo 100% cán bộ nhân viên được đào tạo về an ninh mạng
Tác động môi trường	1	KienlongBank luôn tích hợp các yếu tố phát triển bền vững vào chiến lược hoạt động. Ngân hàng tập trung giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường thông qua các chương trình tài chính xanh bền vững và các hoạt động nội bộ để tiết kiệm năng lượng và giảm xả thải hay các hoạt động tuyên truyền cho lối sống xanh.		Tổ chức nhiều chương trình để giảm việc tiêu thụ điện, nước như chương trình tiết kiệm nước “Sống xanh cùng KienLongBank”.

Các chủ đề trọng yếu

 CÁC CHỦ ĐỀ ESG TRỌNG YẾU	 MỨC ĐỘ ƯU TIÊN	 MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC	 CÁC BÊN LIÊN QUAN QUAN TÂM*	 DẤU ẤN NỔI BẬT 2023-2024
IV. KIẾN ĐỊNH TRONG HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ				
Mua sắm bền vững	1	Ngân hàng cam kết thực hiện các chính sách mua sắm nhằm thúc đẩy sự bền vững, ưu tiên lựa chọn các nhà cung cấp có trách nhiệm xã hội và môi trường và khuyến khích việc sử dụng các sản phẩm, dịch vụ thân thiện với môi trường trong các hoạt động mua sắm của mình	       	Triển khai các nguyên tắc lựa chọn nhà cung cấp theo tiêu chí bền vững Không có phát sinh bất cứ vụ vi phạm nào về ESG từ các nhà cung cấp
Trách nhiệm cộng đồng	2	Ngân hàng có định hướng tích cực trong việc tham gia các hoạt động cộng đồng, hỗ trợ các dự án xã hội và nhân đạo, cải thiện đời sống cộng đồng thông qua các chương trình giáo dục, y tế và phát triển kinh tế địa phương.	       	- Vinh danh tại hạng mục “Thương hiệu truyền cảm hứng” Châu Á - Thái Bình Dương - Tổ chức 19 chương trình hỗ trợ cộng đồng địa phương với tổng giá trị hỗ trợ lên đến gần 40 tỷ đồng

04.

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG

Năm 2024 đánh dấu một năm Chính phủ chủ động, linh hoạt trong điều hành chính sách vĩ mô. Tăng trưởng kinh tế cả năm 2024 đạt 7,09% mở ra một bước chuyển mình mới, giai đoạn phát triển kinh tế Việt Nam trong 2025 - 2030, thể hiện tinh thần vươn mình, nỗ lực vượt bậc nhằm đạt được mức tăng trưởng đột phá và phát triển bền vững.

Đối với ngành Ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước đã điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, kịp thời, hiệu quả, góp phần hỗ trợ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Năm 2024, chủ động triển khai các chủ trương, chủ đạo của Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước, Hội đồng quản trị, Ban Điều hành cùng toàn thể cán bộ nhân viên Ngân hàng TMCP Kiên Long (KienlongBank) đã nỗ lực phát huy các ưu thế để hoàn thành các nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) giao, tiếp tục khẳng định giá trị thương hiệu KienlongBank trên thị trường, đồng hành cùng khách hàng, mang tới giá trị tối ưu cho cổ đông.

Căn cứ các kết quả đạt được, HĐQT trân trọng báo cáo ĐHĐCĐ kết quả hoạt động năm 2024 và định hướng hoạt động năm 2025 như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2024.

1. Về kết quả hoạt động của KienlongBank năm 2024.

Kết thúc năm 2024, các chỉ tiêu kết quả kinh doanh của KienlongBank đều đã hoàn thành đạt và vượt kế hoạch được ĐHĐCĐ thông qua, chi tiết như sau:



2. Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị

Kết thúc năm 2024, các chỉ tiêu kết quả kinh doanh của KienlongBank đều đã hoàn thành đạt và vượt kế hoạch được ĐHĐCĐ thông qua, chi tiết như sau:

2.2. Tình hình nhân sự HĐQT

Kể từ đầu năm 2024, các thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2023-2027 (07 thành viên, trong đó có 01 thành viên độc lập) tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ được phân giao theo quy định nội bộ KienlongBank và quy định của pháp luật. Tại phiên họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2024, ĐHĐCĐ đã bầu bổ sung 01 thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2023-2027, số lượng thành viên HĐQT sau khi được bầu tại thời điểm ngày 26/4/2024 là 08 thành viên, trong đó có 01 thành viên độc lập. Tại phiên họp ĐHĐCĐ bất thường năm 2024, ĐHĐCĐ đã miễn nhiệm 01 thành viên HĐQT (theo nguyện vọng cá nhân) và bầu bổ sung 02 thành viên độc lập HĐQT nhiệm kỳ 2023-2027. Sau ĐHĐCĐ bất thường năm 2024, Hội đồng quản trị hiện tại của KienlongBank gồm 09 thành viên, cụ thể như sau:

Họ và tên		Chức vụ trong HĐQT
Ông	Trần Ngọc Minh	Chủ tịch
Bà	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Phó Chủ tịch
Bà	Nguyễn Thị Thanh Hường	Thành viên
Ông	Bùi Thanh Hải	Thành viên
Ông	Lê Khắc Gia Bảo	Thành viên
Ông	Nguyễn Cao Cường	Thành viên
Bà	Nguyễn Thủy Nguyên	Thành viên độc lập
Ông	Kim Minh Tuấn	Thành viên độc lập
Ông	Nguyễn Chí Hiếu	Thành viên độc lập

2.2. Hoạt động của HĐQT

HĐQT hoạt động theo đúng Quy chế Tổ chức và hoạt động của HĐQT được ĐHĐCĐ thông qua; phân công nhiệm vụ đối với các thành viên phù hợp với khả năng, năng lực cá nhân nhằm phát huy tối đa thế mạnh của từng thành viên, đảm bảo bao quát các hoạt động quản trị ngân hàng theo quy định của pháp luật và các thông lệ tốt về quản trị doanh nghiệp. Trong năm 2024, HĐQT đã tổ chức 50 phiên họp (bao gồm các phiên họp định kỳ, đột xuất và lấy ý kiến bằng văn bản, qua email) nhằm xem xét, quyết định các công việc thuộc thẩm quyền của HĐQT. Các thành viên HĐQT thực thi nhiệm vụ theo đúng trách nhiệm được phân công và đóng góp hết sức mình vì sự phát triển của KienlongBank. Chi tiết kết quả các phiên họp và Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị đều đã được thể hiện tại các Báo cáo quản trị định kỳ và công bố thông tin theo quy định hiện hành.

Tất cả cuộc họp của HĐQT KienlongBank (bao gồm cả hoạt động lấy ý kiến qua email) đều được thông báo đến Ban Kiểm soát Ngân hàng và có sự tham dự, đóng góp ý kiến của Trưởng Ban Kiểm soát.

Tính đến hết năm 2024, Hội đồng quản trị KienlongBank nhiệm kỳ 2023 - 2027 có 03 thành viên độc lập của Hội đồng quản trị. Trong năm 2024, thành viên độc lập tham dự đầy đủ các phiên họp định kỳ và đột xuất của HĐQT, thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của cổ đông và Ngân hàng. Thành viên độc lập HĐQT là Chủ tịch Ủy ban quản lý rủi ro, triển khai các nhiệm vụ của Ủy ban Quản lý rủi ro theo đúng quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của Ủy ban Quản lý rủi ro. Ngoài ra, thành viên độc lập HĐQT cũng là thành viên của Ủy ban Nhân sự, Hội đồng xử lý rủi ro, trong quá trình hoạt động đã tham gia sâu sát mọi hoạt động của các đơn vị này, đưa ra các ý kiến/biểu quyết một cách độc lập, khách quan và tuân thủ quy định của pháp luật.

2.3. Hoạt động của các Ủy ban – Hội đồng trực thuộc

- Ủy ban Nhân sự: Với chức năng tham mưu, giúp việc cho HĐQT trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT về công tác nhân sự, trong năm 2024 UBNS thông qua các phiên họp đã tham mưu, giúp việc cho HĐQT trong công tác kiện toàn nhân sự cấp cao như: Tham mưu về thủ tục, hồ sơ bầu bổ sung thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2023 - 2027; Tham mưu HĐQT phân công công việc của thành viên HĐQT; Bố trí nhân sự cấp cao; Kiện toàn các vị trí chức danh quản lý tại các Khối, đơn vị thuộc thẩm quyền.

- Ủy ban Quản lý rủi ro: Ủy ban Quản lý rủi ro đã chủ động thực hiện chức năng tham mưu, tư vấn giúp HĐQT sửa đổi, bổ sung các văn bản nội bộ phù hợp với quy định pháp luật hiện hành, đưa ra các quyết định và đúng định hướng đã đề ra trong lĩnh vực Quản lý rủi ro; phân tích, đưa ra những cảnh báo về mức độ an toàn của Ngân hàng trước những nguy cơ, tiềm ẩn rủi ro; Đánh giá tính phù hợp và hiệu quả của các quy trình, chính sách quản lý rủi ro hiện hành; Tham mưu, tư vấn việc sửa đổi, bổ sung một số Quy chế của Ngân hàng liên quan đến Quản lý rủi ro; giám sát việc tuân thủ đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn, mức độ đủ vốn (ICCAP)...

- Bên cạnh các Ủy ban trực thuộc được thành lập theo quy định của pháp luật, HĐQT cũng thành lập các đơn vị trực thuộc để tham mưu cho HĐQT như: Hội đồng Xử lý rủi ro, Hội đồng Thi đua – Khen thưởng, Hội đồng Xét duyệt Sáng kiến – Cải tiến, Ban Chỉ đạo Phòng chống tham nhũng và tội phạm.

2.4. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Điều hành

Các thành viên HĐQT và các Ủy ban trực thuộc HĐQT thực hiện công tác quản trị, giám sát theo từng lĩnh vực hoạt động trọng yếu của Ngân hàng theo đúng quy định của pháp luật, quy định nội bộ KienlongBank; đồng thời theo dõi, giám sát các hoạt động của Ban Tổng Giám đốc để kịp thời đưa ra các chủ trương, định hướng phù hợp với kế hoạch theo từng giai đoạn, tạo động lực thúc đẩy kinh doanh, cụ thể:

- Giám sát của quản lý cấp cao đối với hệ thống kiểm soát nội bộ: giám sát việc triển khai các đợt kiểm tra, kiểm soát định kỳ hoặc đột xuất theo chuyên đề, từ đó phát hiện và giám sát việc khắc phục đối với các khuyến nghị/kiến nghị của bộ phận kiểm soát nội bộ; xử lý các hành vi vi phạm quy định nội bộ, vi phạm chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp;

- Giám sát của quản lý cấp cao đối với quản lý rủi ro: Ủy ban Quản lý rủi ro thực hiện các nhiệm vụ, chức năng của mình, tham mưu cho Hội đồng quản trị quyết định các vấn đề về chính sách quản lý rủi ro, xử lý/khắc phục các tồn tại, hạn chế về quản lý rủi ro theo chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước và các ý kiến đề xuất, kiến nghị của đơn vị chuyên môn có liên quan trong hệ thống;

- Giám sát của quản lý cấp cao đối với đánh giá về mức độ đủ vốn: Tổ chức đánh giá, thông qua các nội dung báo cáo đánh giá nội bộ về mức độ đủ vốn; thực hiện việc báo cáo Ngân hàng Nhà nước và công bố thông tin về đánh giá mức độ đủ vốn theo quy định của pháp luật hiện hành;

- Xem xét các Báo cáo của Tổng Giám đốc về tình hình hoạt động kinh doanh hàng quý tại các phiên họp Hội đồng quản trị;

- Tổ chức, chỉ đạo, giám sát thực hiện nghiêm túc chế độ Báo cáo theo đúng quy định hiện hành như: Báo cáo tài chính năm 2023, Báo cáo thường niên năm 2023, Báo cáo tài chính bán niên, hàng Quý năm 2024; các báo cáo theo quy định của Ngân hàng Nhà nước, đặc biệt HĐQT đã có Thông báo hướng dẫn Người nội bộ và Cổ đông sở hữu từ 1% vốn điều lệ trở lên của KienlongBank thực hiện việc cung cấp thông tin theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 ...

- Giám sát thường xuyên việc tuân thủ công bố thông tin của người nội bộ và người có liên quan định kỳ, đột xuất theo đúng quy định pháp luật, quy định của Ngân hàng Nhà nước.

- Chỉ đạo tập trung đẩy mạnh việc cải cách, tinh gọn hệ thống văn bản nội bộ và tái cấu trúc mạnh mẽ cơ cấu Ngân hàng nhằm nâng cao chất lượng công tác quản trị, phát triển nhân lực. Nhiều văn bản nội bộ của Ngân hàng được sửa đổi,

bổ sung, ban hành mới để phù hợp với quy định hiện hành, đặc biệt là Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 và tình hình thực tế tại KienlongBank.

- HĐQT tổ chức giám sát quá trình triển khai các công việc, Dự án do Ban Điều hành thực hiện trong năm 2024, đặc biệt là 02 dự án Basell III & ESG. Cuối năm 2024, KienlongBank đã hoàn thiện chuẩn mực Basel III về thanh khoản và các tiêu chuẩn vốn; Công bố Báo cáo phát triển bền vững ESG theo tiêu chuẩn quốc tế với 4 chủ đề lớn để đưa vào vận hành trong điều kiện và môi trường thực tế.

2.5. Đánh giá của thành viên độc lập của HĐQT

- HĐQT nhiệm kỳ 2023-2027 đáp ứng các quy định tại Luật Các Tổ chức tín dụng hiện hành về cơ cấu, số lượng thành viên HĐQT, đảm bảo đáp ứng các thông lệ tốt về quản trị công ty.

- Các thành viên HĐQT đã làm việc đúng nhiệm vụ, quyền hạn với tinh thần trách nhiệm cao, minh bạch, tuân thủ các quy định tại Điều lệ và quy định của pháp luật.

- Các cuộc họp HĐQT được tổ chức liên tục, thường xuyên theo đúng trình tự, thủ tục nhằm giải quyết các vấn đề phát sinh, đáp ứng kịp thời yêu cầu trong hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.

- Các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh, quản trị rủi ro, chính sách nhân sự... đều được HĐQT xem xét phê duyệt trên cơ sở ý kiến tham mưu của các Ủy ban, Hội đồng trực thuộc HĐQT.

- HĐQT tuân thủ các quy định về quản trị Ngân hàng. Quyết định của HĐQT được thông qua theo nguyên tắc đa số, Biên bản họp được lập đầy đủ theo đúng quy định nội bộ về Quản trị Ngân hàng.

II. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2025 CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.

Tiếp nối những kết quả đạt được năm 2024, năm 2025, HĐQT KienlongBank tự tin kiên định với mục tiêu trở thành một trong những ngân hàng tiên phong trong lĩnh vực số hóa sản phẩm dịch vụ và cung cấp trải nghiệm ưu việt tới các khách hàng. Với chủ đề “Kỷ nguyên vươn mình – Hành trình kiến tạo”, HĐQT xác định phương hướng hoạt động trong năm 2024 như sau:

- Tập trung chỉ đạo, giám sát Ban Điều hành triển khai kịp thời các chủ trương, chính sách của Nhà nước, Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước trong chiến lược kinh tế bền vững, thúc đẩy kinh tế tư nhân, đảm bảo an sinh xã hội cũng như các chính sách điều hành vĩ mô của ngành;

- Khẩn trương triển khai tăng vốn điều lệ nhằm nâng cao năng lực tài chính, quản trị rủi ro, đẩy mạnh đầu tư và quy mô tăng trưởng, đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ số nổi trội, tiện ích cho khách hàng. Đặc biệt chú trọng phát triển các ứng dụng AI vào mọi lĩnh vực hoạt động của ngân hàng (bao gồm cả dịch vụ, phục vụ khách hàng cũng như các ứng dụng phục vụ hoạt động nội bộ) nhằm tinh gọn bộ máy, tối ưu hiệu suất hoạt động 20-30%;

- Tiếp tục rà soát, thúc đẩy các hoạt động nhằm đáp ứng ngày càng cao các tiêu chuẩn ESG, đảm bảo mục tiêu tăng trưởng bền vững và có trách nhiệm với xã hội;

Trên đây là báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2024 và kế hoạch hoạt động trong năm 2025. Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Kính chúc Quý vị cổ đông sức khỏe, thành công./.

I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BKS NĂM 2024

1. Tổ chức và hoạt động của BKS trong năm 2024

1.1. Cơ cấu tổ chức và nhân sự của BKS

Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2024, BKS nhiệm kỳ 2023 – 2027 có 05 (năm) thành viên. Ngày 26/04/2024, Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) thường niên năm 2024 đã bầu bổ sung 01 thành viên BKS và ngày 26/10/2024 ĐHĐCĐ bất thường miễn nhiệm 01 thành viên BKS và bầu bổ sung 02 thành viên BKS. Danh sách thành viên BKS năm 2024 cụ thể như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS
Bà Đỗ Thị Tuyết Trinh	Trưởng BKS (Thành viên chuyên trách)	Được ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 bầu từ ngày 27/4/2023
Ông Đặng Minh Quân	Thành viên BKS (Thành viên chuyên trách)	Được ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 bầu từ ngày 27/4/2023
Bà Hoàng Thị Phụng	Thành viên BKS (Thành viên chuyên trách)	Được ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 bầu từ ngày 27/4/2024
Bà Nguyễn Thị Khánh Phương	Thành viên BKS (Thành viên chuyên trách)	Được ĐHĐCĐ bất thường năm 2024 bầu từ ngày 26/10/2024
Ông Đào Ngọc Hải	Thành viên BKS (Thành viên chuyên trách)	Được ĐHĐCĐ bất thường năm 2024 bầu từ ngày 26/10/2024
Ông Vũ Phạm Thái Hà	Miễn nhiệm	Được ĐHĐCĐ bất thường năm 2024 miễn nhiệm chức vụ từ ngày 26/10/2024.

1.2. Tổng kết các phiên họp của BKS

Trong năm 2024, BKS đã tiến hành các phiên họp định kỳ và bất thường để thảo luận, triển khai thực hiện kế hoạch hoạt động của BKS đã được ĐHĐCĐ thông qua; phân công nhiệm vụ của các thành viên BKS; phê duyệt kế hoạch kiểm toán nội bộ; điều chỉnh và ban hành mới Quy chế Tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát; chỉ đạo, giám sát hoạt động kiểm toán nội bộ; tuyển dụng/bổ nhiệm/tái bổ nhiệm và thông qua một số chính sách về nhân sự Phòng Kiểm toán nội bộ; lựa chọn và đề xuất ĐHĐCĐ phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán thực hiện kiểm toán.

2. Kết quả giám sát hoạt động của BKS

2.1. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS với Hội đồng quản trị, Ban điều hành

Sự phối hợp hoạt động của BKS với Hội đồng quản trị (“HDQT”), Ban điều hành (“BDH”) luôn đảm bảo nguyên tắc tuân thủ các quy định của pháp luật, quy định của KienlongBank và vì lợi ích chung của Ngân hàng. BKS được HDQT, BDH cung cấp đầy đủ các thông tin, báo cáo, dữ liệu cần thiết để thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo luật định.

Các phiên họp định kỳ/bất thường của HDQT đều có sự tham dự của Trưởng BKS.

2.2. Giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ KienlongBank trong công tác quản trị, điều hành

BKS đã thực hiện giám sát hoạt động quản trị, điều hành của HDQT, BDH theo điều lệ KienlongBank, quy chế tổ chức và hoạt động của HDQT, quy chế tổ chức và hoạt động của BDH, quy chế quản trị nội bộ, các quy định phân cấp, ủy quyền của HDQT, Tổng giám đốc.

Tính đến hết ngày 31/12/2024, cơ cấu HDQT gồm 09 (chín) thành viên, trong đó có 03 thành viên độc lập và không có thành viên kiêm nhiệm điều hành, phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ KienlongBank. Trong năm 2024, HDQT đã tiến hành 50 phiên họp (bao gồm họp định kỳ, đột xuất và lấy ý kiến bằng văn bản) để thông qua các quyết định theo quy định pháp luật và điều lệ KienlongBank.

HDQT đã triển khai công tác quản trị, giám sát hoạt động điều hành của Tổng giám đốc theo quy định của pháp luật và Điều lệ KienlongBank như hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ; giám sát, đôn đốc việc xử lý, khắc phục các tồn tại, hạn chế theo kết luận, kiến nghị, chỉ đạo của các cơ quan có thẩm quyền, ...

Tổng giám đốc đã tổ chức, điều hành hoạt động ngân hàng nhằm hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2024, hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ.

Các thành viên HDQT, BKS, BDH đã thực hiện công khai lợi ích có liên quan và kê khai người có liên quan. Các giao dịch giữa KienlongBank và thành viên HDQT, BKS, BDH và những người có liên quan của họ đều được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Ngân hàng.

Qua giám sát, BKS nhận thấy HDQT, BDH của KienlongBank đã căn cứ theo các định hướng, chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN), quy định nội bộ KienlongBank và tình hình thị trường để điều hành hoạt động ngân hàng.

2.3. Giám sát việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ

HDQT đã chỉ đạo Tổng giám đốc triển khai thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/4/2024 của ĐHĐCĐ thường niên năm 2024. Kết quả đạt được như sau:

a) Các nội dung đã hoàn thành theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/4/2024:

- Hoàn thành vượt mức một số chỉ tiêu tài chính theo kế hoạch kinh doanh năm 2024 do ĐHĐCĐ giao.
- Hoàn thành việc trích lập các quỹ (quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, quỹ dự phòng tài chính, quỹ khen thưởng) theo quy định.
- Hoàn thành một số nội dung đã được ĐHĐCĐ ủy quyền: HDQT đã thống nhất lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học Moore AISC là công ty kiểm toán báo cáo tài chính, kiểm toán hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ cho năm tài chính 2024 và 2025 của KienlongBank.
- Thù lao HDQT và BKS: Được chi trả theo Nghị quyết 01/NQ-ĐHĐCĐ và trong hạn mức ngân sách đã được ĐHĐCĐ phê duyệt. Chi phí hoạt động của BKS thuộc ngân sách hoạt động chung của Ngân hàng và được quản lý theo quy định tài chính của KienlongBank.

b) Các nội dung chưa hoàn thành đến hết 31/12/2024: Không có.

2.4. Giám sát hoạt động kiểm toán nội bộ

BKS thường xuyên giám sát, chỉ đạo hoạt động kiểm toán nội bộ theo đúng quy định tại Thông tư 13/2018/TT-NHNN ngày 18/5/2018 (Thông tư 13) và quy định nội bộ KienlongBank. Hoạt động kiểm toán nội bộ đã góp phần hỗ trợ cho HĐQT, BDH trong việc hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ, đồng thời chủ động phát hiện, ngăn ngừa và xử lý những sai phạm trong hệ thống, cụ thể:

- Phòng Kiểm toán nội bộ hoàn thành 100% kế hoạch kiểm toán nội bộ năm 2024 đã được BKS phê duyệt, cụ thể: (i) Kiểm toán hoạt động 12 Chi nhánh và các Phòng giao dịch trực thuộc; (ii) Thực hiện 06 cuộc kiểm toán hoạt động và chuyên đề tại đơn vị trực thuộc Hội sở; (iii) Kiểm toán nội bộ 01 chuyên đề theo yêu cầu của NHNN.

- Kết quả kiểm toán nội bộ được gửi đầy đủ đến HĐQT, Tổng giám đốc và các đơn vị có liên quan. Đồng thời, Phòng Kiểm toán nội bộ cũng đã tích cực theo dõi, đôn đốc tiến độ khắc phục các khuyến nghị, kiến nghị kiểm toán đối với các Đơn vị được kiểm toán theo các quy định nội bộ KienlongBank.

2.5. Kết quả thẩm định báo cáo tài chính

BKS đã thẩm định báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 của KienlongBank được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học Moore AISC và thống nhất xác nhận như sau:

- Việc ghi chép, lưu trữ chứng từ và lập sổ sách kế toán được thực hiện đúng theo Quyết định số 1913/2005/QĐ-NHNN ngày 30/12/2005 của NHNN.

- Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 của KienlongBank được lập đúng quy định theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18/4/2007, Thông tư 49/2014/TT-NHNN ngày 31/12/2014, Thông tư số 22/2017/TT-NHNN ngày 29/12/2017 và Thông tư số 27/2021/TT-NHNN ngày 31/12/2021 của NHNN và các chuẩn mực kế toán có liên quan.

- Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của KienlongBank và công ty con tại thời điểm ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng do NHNN ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Về tình hình tài chính đã thể hiện đầy đủ, rõ ràng trong Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 đã được kiểm toán của KienlongBank, được công bố trên website Ngân hàng theo đúng quy định hiện hành. Theo báo cáo tài chính được nêu trên, một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu quan trọng như sau:

a) Về chỉ tiêu tài chính cơ bản:

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện năm 2024	Tăng/Giảm(+/-) năm 2024 so với năm 2023		Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch năm 2024 (%)
				Số dư	Tỷ lệ (%)	
1. Vốn điều lệ	3.653	3.653	3.653	-	-	-
2. Tổng tài sản	86.973	90.000	92.176	2.176	2,5	102,42
3. Tổng nguồn vốn huy động	78.476	81.000	82.575	1.575	2	101,94
4. Dư nợ cấp tín dụng	52.580	60.000	61.432	1.432	2,72	102,39
5. Tỷ lệ nợ xấu theo Thông tư 11 (%)	1,42	<3%	1,52	0,10		
6. Lợi nhuận trước thuế	718,65	800	1.112	312	43,41	139,01

b) Các chỉ số an toàn tính đến ngày 31/12/2024:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện Năm 2024	Quy định của NHNN
Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu	%	12.27	≥ 8,00
Tỷ lệ dự trữ thanh khoản	%	18.32	≥ 10,00
Tỷ lệ tổng mức đầu tư, góp vốn mua cổ phần so với Vốn điều lệ và quỹ dự trữ bổ sung Vốn điều lệ	%	13.25	≤ 40,00
Số lượng TCTD KienlongBank mua cổ phần	Số lượng	-	≤ 2 TCTD mà TCTD đầu tư, góp vốn mua cổ phần
Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn	%	23.56	≤ 30,00
Tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi	%	74.11	≤ 85,00

2.6. Lập, lưu giữ và cập nhật danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông lớn và người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc của KienlongBank

Việc cập nhật danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông lớn và người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc của KienlongBank được BKS thực hiện định kỳ và lưu trữ đầy đủ theo quy định.

2.7. Các vấn đề cần lưu ý trong công tác quản trị, điều hành

Năm 2024 được nhận định là năm bản lề cho sự phục hồi, tăng trưởng của nền kinh tế, với vai trò vừa là động lực vừa là kênh dẫn cho nền kinh tế, ngành ngân hàng tiếp tục được giao nhiệm vụ kép tăng khả năng tiếp cận và hấp thụ tín dụng, nhất là đối với doanh nghiệp vừa và nhỏ, các động lực tăng trưởng truyền thống và các động lực tăng trưởng mới; và nâng cao năng lực quản trị điều và tăng cường giám sát kiểm tra, phòng ngừa rủi ro, chống tham nhũng, tiêu cực. Vì vậy, căn cứ nội dung rà soát, kiểm toán nội bộ, đối với công tác quản trị và điều hành Ngân hàng, BKS khuyến nghị một số vấn đề sau:

- Về hoạt động cho vay khách hàng: Hoạt động cho vay khách hàng trong năm tài chính 2024 cơ bản tuân thủ quy định của pháp luật và quy định nội bộ của KienlongBank, đã tăng trưởng trong hạn mức cho phép của NHNN và vượt chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh được ĐHĐCĐ thông qua. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai hoạt động kinh doanh còn tồn tại một số sai sót/hạn chế trong công tác vận hành. Do đó, trong năm 2025, công tác quản trị, điều hành cần tăng cường công tác kiểm soát rủi ro và nâng cao tính tuân thủ quy định nội bộ và của pháp luật đối với hoạt động cấp tín dụng nhằm giảm thiểu, hạn chế rủi ro ngay từ tuyến bảo vệ thứ nhất; Kịp thời khắc phục đầy đủ các vấn đề tồn tại theo các kiến nghị của Kiểm toán nội bộ, BKS, cơ quan thanh tra NHNN...

- Về kiện toàn hệ thống văn bản quy định nội bộ: Luật Các tổ chức tín dụng mới sẽ chính thức có hiệu lực từ ngày 01/7/2024, theo đó, nhiều văn bản pháp luật có liên quan cũng sẽ được sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành thay thế mới, tác động toàn diện đến hoạt động của các ngân hàng thương mại. Ngân hàng cần chủ động cập nhật, rà soát, điều chỉnh hệ thống văn bản nội bộ đảm bảo tính kịp thời và tính tuân thủ. Ngân hàng cũng cần chủ động đánh giá tác động của thay đổi trong quy định pháp luật đến khẩu vị rủi ro và hoạt động kinh doanh để chỉ đạo, định hướng phù hợp trong công tác quản trị và điều hành.

- Nội dung khác: Công tác quản trị rủi ro tập trung, phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro cũng là một số điểm cần lưu ý thêm trong công tác quản trị, điều hành trong năm 2025, trước bối cảnh nền kinh tế còn có nhiều khó khăn cần chủ động có các biện pháp dự phòng tài chính nhằm đảm bảo an toàn, hiệu quả.

II. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BKS NĂM 2025

Căn cứ định hướng phát triển kinh doanh của KienlongBank, BKS xác định trọng tâm kế hoạch hoạt động trong năm 2025 như sau:

1. Tăng cường và nâng cao hiệu công tác kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật, điều lệ KienlongBank trong hoạt động quản trị, điều hành và việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ.
2. Kiểm tra hoạt động tài chính, giám sát việc chấp hành chế độ kế toán, phân phối thu nhập, sử dụng các quỹ; giám sát các chỉ số tài chính, các tỷ lệ an toàn trong hoạt động của KienlongBank.
3. Nâng cao hiệu quả hoạt động kiểm toán nội bộ và công tác giám sát cấp cao đối với kiểm toán nội bộ theo quy định tại Thông tư 13 của NHNN và quy định nội bộ của KienlongBank, cụ thể: (i) Triển khai hiệu quả công tác kiểm toán nội bộ theo kế hoạch kiểm toán năm 2025 và xây dựng kế hoạch kiểm toán năm 2026; (ii) Rà soát, điều chỉnh hệ thống văn bản nội bộ liên quan đến hoạt động của BKS và kiểm toán nội bộ đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật, hiệu quả với hoạt động thực tế; (iii) Tổ chức tập huấn, đào tạo nghiệp vụ và tiếp tục cải tiến phương pháp kiểm toán đảm bảo phù hợp với mô hình hoạt động của KienlongBank và yêu cầu của Thông tư 13.

4. Thẩm định báo cáo tài chính bán niên và báo cáo tài chính năm.

5. Lập, lưu giữ và cập nhật danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông lớn và người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc của KienlongBank, cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên theo quy định pháp luật.

6. Thực hiện các chức năng, nhiệm vụ khác của BKS theo quy định của NHNN, điều lệ và quy định nội bộ của KienlongBank.

III. KIẾN NGHỊ CỦA BKS

Căn cứ Điều lệ KienlongBank, quy chế tổ chức và hoạt động của BKS và định hướng kinh doanh năm 2025, BKS kiến nghị HĐQT, Tổng giám đốc một số vấn đề về hoạt động của KienlongBank như sau:

1. Tuân thủ chặt chẽ các quy định của pháp luật, điều lệ và quy định nội bộ KienlongBank trong công tác quản trị, điều hành; phát triển hoạt động kinh doanh an toàn, bền vững theo các định hướng của Chính phủ và NHNN.

2. Thường xuyên rà soát, hoàn thiện và hiệu chỉnh kịp thời hệ thống quy chế, quy định, quy trình nội bộ cho phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và tình hình kinh doanh thực tế.

3. Tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động hệ thống kiểm soát nội bộ của KienlongBank theo các thông lệ quốc tế và yêu cầu của Thông tư 13. Tăng cường năng lực quản trị rủi ro đối với các rủi ro trọng yếu, trong đó cần lưu ý thường xuyên rà soát, hoàn thiện các quy định, chiến lược quản lý rủi ro, đặc biệt bao gồm rủi ro tín dụng và rủi ro tập trung theo yêu cầu của Thông tư 13, quy định nội bộ KienlongBank và tình hình kinh tế vĩ mô nhằm nhận diện, cảnh báo sớm các rủi ro tiềm ẩn có nguy cơ tác động tiêu cực đến hoạt động của KienlongBank.

Trên đây là báo cáo kết quả hoạt động năm 2024 và kế hoạch hoạt động năm 2025 của BKS.
Kính trình ĐHĐCĐ xem xét, thông qua./.

Tình hình kinh tế - xã hội nước ta năm 2024 tiếp tục xu hướng phục hồi rõ nét, tăng trưởng khởi sắc dần qua từng tháng, từng quý, lạm phát thấp hơn mức mục tiêu, các cân đối lớn được đảm bảo, kết quả trên nhiều lĩnh vực quan trọng đạt và vượt mục tiêu đề ra, là điểm sáng về tăng trưởng kinh tế trong khu vực và trên thế giới: Tổng sản phẩm trong nước (GDP) ước tính tăng 7,09% so với năm 2023 (vượt mục tiêu 6-6,5% đã đề ra), CPI bình quân tăng 3,63% so với bình quân năm 2023 (đạt mục tiêu Quốc hội đề ra).

Năm 2024, các tổ chức tín dụng đã thực hiện chính sách tín dụng an toàn, lành mạnh, duy trì ổn định mặt bằng lãi suất, đáp ứng kịp thời nhu cầu vốn của người dân, doanh nghiệp. Tính đến 25/12/2024, tổng phương tiện thanh toán tăng 9,42%, huy động vốn tăng 9,06% (cùng kỳ năm 2023 tăng 11,19%), tín dụng tăng 13,82% (cùng kỳ năm 2023 tăng 11,48%).

Trong bối cảnh trên, để thực hiện các mục tiêu kế hoạch 2024 đã được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua, Ban điều hành Ngân hàng TMCP Kiên Long (KienlongBank) đã tích cực triển khai thực hiện và hoàn thành tất cả các chỉ tiêu ĐHĐCĐ giao: Tính đến 31/12/2024, lợi nhuận trước thuế hoàn thành 139% kế hoạch, tổng tài sản, dư nợ cấp tín dụng và tổng nguồn vốn huy động hoàn thành 102% kế hoạch; các giới hạn, tỷ lệ đảm bảo an toàn hoạt động được duy trì đúng quy định của NHNN.

Ban điều hành KienlongBank trân trọng báo cáo ĐHĐCĐ kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024 và kế hoạch kinh doanh năm 2025, như sau:

PHẦN 1: KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2024

I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2024

Đến ngày 31/12/2024, tổng tài sản KienlongBank đạt 92.176 tỷ đồng, tăng 5,98% so với 31/12/2023, hoàn thành 102,42% kế hoạch; tổng nguồn vốn huy động đạt 82.575 tỷ đồng, tăng 4.099 tỷ đồng, tăng 5,22% so với 31/12/2023, hoàn thành 101,94% kế hoạch; dư nợ cấp tín dụng đạt 61.432 tỷ đồng, tăng 16,84% so với 31/12/2023, hoàn thành 102,39% kế hoạch (đạt 99,94% mức dư nợ được NHNN cho phép); lợi nhuận trước thuế đạt 1.112,06 tỷ đồng, hoàn thành 139% kế hoạch.

Dvt: Tỷ đồng, %

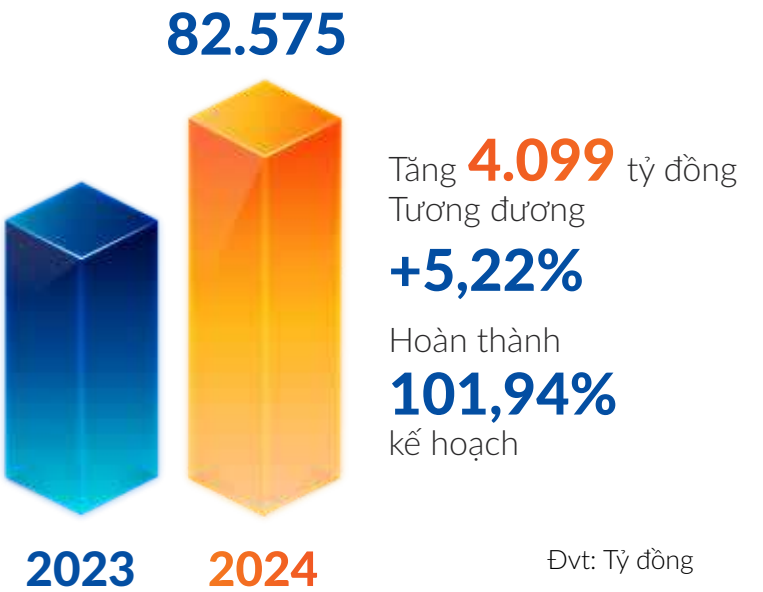
CHỈ TIÊU	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện năm 2024	Tăng/giảm (+/-) thực hiện năm 2024 so với thực hiện năm 2023		Tỷ lệ HTKH năm 2024 (%)
				Số dư	Tỷ lệ (%)	
1. Tổng tài sản	86.973	90.000	92.176	5.203	5,98	102,42
2. Tổng nguồn vốn huy động	78.476	81.000	82.575	4.099	5,22	101,94
3. Dư nợ cấp tín dụng	52.580	60.000	61.432	8.852	16,84	102,39
4. Tỷ lệ nợ xấu (%)	1,42	< 3,00	1,52		0,09	
5. Lợi nhuận trước thuế	718,64	800	1.112,06	393,42	54,75	139,01

II. TÌNH HÌNH NGUỒN VỐN VÀ SỬ DỤNG VỐN

1. Nguồn vốn huy động

Năm 2024, KienlongBank đã linh hoạt điều chỉnh lãi suất huy động theo mức lãi suất điều hành của NHNN, đảm bảo thanh khoản theo quy định của NHNN, đồng thời đáp ứng đủ nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh.

Thời điểm 31/12/2024, tổng nguồn vốn huy động đạt 82.575 tỷ đồng, tăng 4.099 tỷ đồng, tăng 5,22% so với 31/12/2023, hoàn thành 101,94% kế hoạch. Trong đó, nguồn vốn huy động từ tổ chức kinh tế và dân cư tăng 7.093 tỷ đồng, tương đương tăng 11,75% so với 31/12/2023, chiếm tỷ trọng 81,68%.

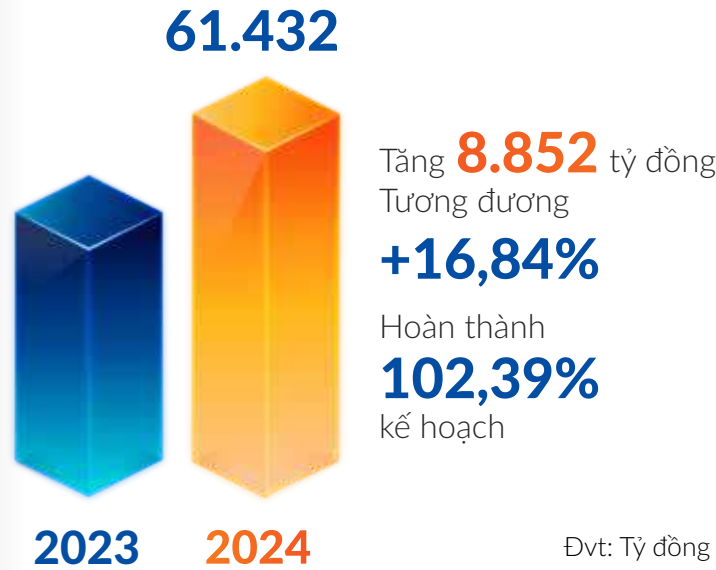


2. Sử dụng vốn

2.1. Dư nợ cấp tín dụng

Thời điểm 31/12/2024, tổng dư nợ cấp tín dụng đối với khách hàng đạt 61.432 tỷ đồng, tăng 8.852 tỷ đồng, tương đương tăng 16,84% so với 31/12/2023 và trong hạn mức tăng trưởng cho phép của NHNN, hoàn thành 102,39% kế hoạch.

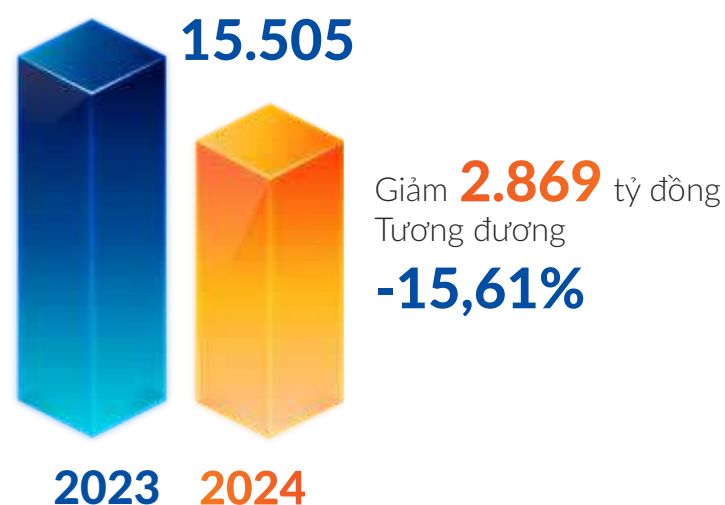
Bên cạnh việc tăng trưởng tín dụng, KienlongBank tuân thủ các quy định liên quan đến hoạt động tín dụng và phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro của Chính phủ và NHNN Việt Nam cũng như các quy định nội bộ. Tính đến 31/12/2024, tỷ lệ nợ xấu theo Thông tư 31/2024/TT-NHNN là 1,52%/tổng nợ, đạt mục tiêu ĐHĐCĐ giao (tỷ lệ nợ xấu < 3%).



2. Sử dụng vốn

2.2. Tiền gửi và cho vay tại các tổ chức tín dụng

Tính đến ngày 31/12/2024, tổng số dư tiền gửi và cho vay tại các tổ chức tín dụng khác là 15.505 tỷ đồng, giảm 2.869 tỷ đồng (giảm 15,61%) so với 31/12/2023. Việc sử dụng vốn trên thị trường liên ngân hàng được cân đối phù hợp giữa cơ cấu sử dụng vốn và tổng tài sản giúp cho KienlongBank đảm bảo thanh khoản đồng thời gia tăng hiệu quả sử dụng vốn, duy trì mối quan hệ hợp tác với các tổ chức tín dụng tại Việt Nam.



2.3. Hoạt động đầu tư

2.3.1. Đầu tư trái phiếu Chính phủ (TPCP)

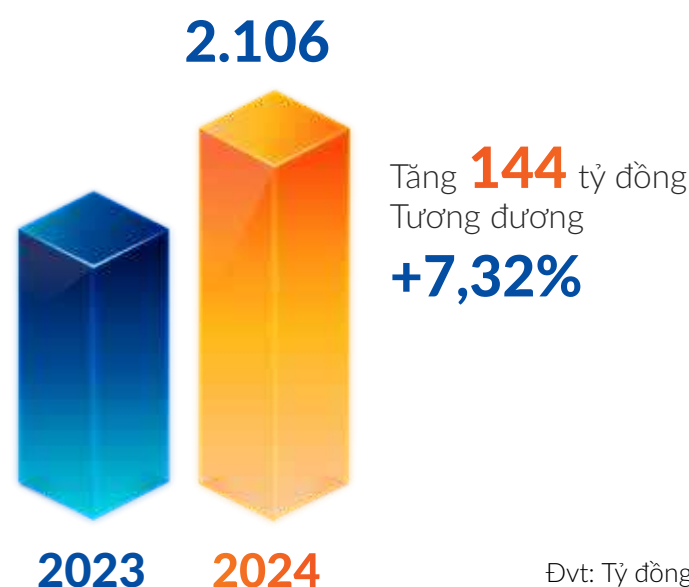
Việc đầu tư vào TPCP để tăng tài sản có tính thanh khoản cao, nhằm duy trì tỷ lệ thanh khoản theo quy định của NHNN, gia tăng khả năng sinh lời và đồng thời sử dụng có hiệu quả nguồn vốn khả dụng. Tổng giá trị đầu tư thời điểm 31/12/2024 đạt 2.974 tỷ đồng, chiếm 3,46% so với tổng nợ phải trả bình quân của tháng trước liền kề (đảm bảo tỷ lệ theo quy định của NHNN).

2.3.2. Đầu tư góp vốn, mua cổ phần

Đến cuối năm 2024, giá trị đầu tư góp vốn, mua cổ phần là 500 tỷ đồng (đây là khoản góp vốn vào Công ty con), không thay đổi so với 31/12/2023. Tỷ lệ góp vốn mua cổ phần/vốn điều lệ và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ là 13,25% (quy định ≤ 40%).

2.4 Tài sản cố định

Năm 2024, KienlongBank tiếp tục đầu tư, cải tạo, sửa chữa trụ sở các đơn vị trên toàn hệ thống nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu kinh doanh và giao dịch ngày càng nâng cao của khách hàng. Tính đến ngày 31/12/2024, giá trị tài sản cố định đạt 2.106 tỷ đồng, tăng 144 tỷ đồng (tăng 7,32%) so với 31/12/2023.



III. HOẠT ĐỘNG PHI TÍN DỤNG

Năm 2024, KienlongBank triển khai nhiều sản phẩm, dịch vụ mới, đồng thời tiếp tục cải tiến chất lượng dịch vụ để đáp ứng kịp thời nhu cầu của khách hàng. Chi tiết như sau:

1. Thanh toán quốc tế

Năm 2024, doanh số giao dịch thanh toán quốc tế giảm 10,64% so với năm 2023.

2. Kinh doanh ngoại tệ:

Năm 2024, doanh số giao dịch thanh toán quốc tế giảm 10,64% so với năm 2023.

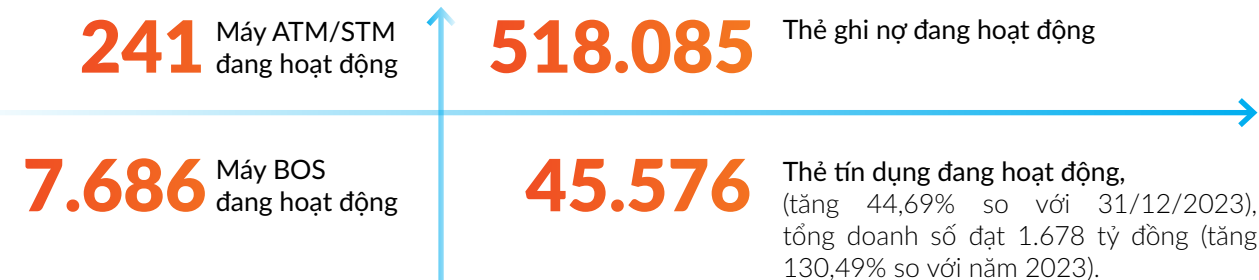
Doanh số mua vào
+ 18,68%
so với năm 2023

Doanh số bán ra
+ 22,89%
so với năm 2023

3. Chuyển tiền:

So với năm 2023, tổng doanh số chuyển tiền và doanh số chi trả kiều hối Western Union tăng 35,73%.

4. Hoạt động thẻ



KienlongBank áp dụng chính sách miễn phí rút tiền mặt đối với khách hàng khi thực hiện giao dịch tại các máy ATM KienlongBank trên toàn quốc và hệ thống máy ATM của KienlongBank chấp nhận giao dịch tất cả các loại thẻ ghi nợ của ngân hàng khác (có liên kết Napas - Công ty cổ phần Thanh toán Quốc gia Việt Nam).

Khách hàng sử dụng thẻ tín dụng của KienlongBank được miễn phí rút tiền, miễn phí thường niên, miễn lãi đến 55 ngày và mức lãi suất thấp nhất thị trường, thẻ VISA KienlongBank đã áp dụng công nghệ thanh toán không tiếp xúc thuận tiện cho giao dịch của khách hàng.

Bên cạnh đó, KienlongBank thường xuyên phối hợp với các Đơn vị liên kết để triển khai các chương trình ưu đãi, chiết khấu dành cho chủ thẻ KienlongBank. Năm 2024, KienlongBank hoàn thành chuyển đổi Core thẻ nhằm hiện đại hóa hệ thống thẻ, hoàn thiện các tính năng đáp ứng nhu cầu phát triển công nghệ số.

5. Dịch vụ liên kết và tư vấn các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ và phi nhân thọ:

Các sản phẩm tư vấn, liên kết được mở rộng, gia tăng tiện ích cho khách hàng, đóng góp vào sự tăng trưởng thu nhập và lợi nhuận của KienlongBank trong năm 2024.

IV. KẾT QUẢ KINH DOANH VÀ CÁC CHỈ TIÊU AN TOÀN VỐN

1. Kết quả kinh doanh

Tổng lợi nhuận trước thuế hợp nhất năm 2024 đạt 1.112,06 tỷ đồng, tăng 393,42 tỷ đồng, tương đương tăng 54,75% so với năm 2023, hoàn thành 139% kế hoạch (Kế hoạch: 800 tỷ đồng). Trong đó:

- Lợi nhuận công ty con: 6,43 tỷ đồng.
- Lợi nhuận riêng KienlongBank: 1.105,63 tỷ đồng, tăng 394,08 tỷ đồng (+55,38%) so với năm 2023.

2. Các giới hạn, tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động

Số liệu đến ngày 31/12/2024, KienlongBank đảm bảo các giới hạn, tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động theo quy định của NHNN tại Thông tư số 22/2019/TT-NHNN, Thông tư số 41/2016/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung, cụ thể như sau:

STT	Chỉ tiêu	31/12/2024	Quy định của NHNN
1	Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu hợp nhất (%)	12,27	≥ 8,00
2	Tỷ lệ dự trữ thanh khoản (%)	18,32	≥ 10,00
3	Giới hạn góp vốn, mua cổ phần (%)	13,25	≤ 40,00
4	Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn (%)	23,56	≤ 30,00
5	Tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi (%)	74,11	≤ 85,00

V. CÁC HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ KHÁC

1. Nhân sự và đào tạo

1.1. Công tác nhân sự

Trong những năm qua, KienlongBank đã không ngừng cải tiến các chính sách đãi ngộ, ưu tiên đào tạo và phát triển nguồn nhân lực nội bộ, đáp ứng kịp thời nhu cầu nhân sự phục vụ cho phát triển kinh doanh. Đến ngày 31/12/2024, tổng số nhân sự toàn hệ thống là 4.793 người, giảm 3,87% so với 31/12/2023, theo cơ cấu như sau:

STT	Nội dung	31/12/2023	31/12/2024	Tăng/giảm (+/-) so với 31/12/2023	
				Số lượng	Tỷ lệ (%)
	Tổng	4.986	4.793	(193)	(3,87)
1	Chính thức	3.767	3.717	(50)	(1,33)
2	CTV	1.219	1.076	(143)	(11,73)

1.2. Công tác đào tạo

KienlongBank đã tổ chức nhiều khóa đào tạo nội bộ; cử nhân sự tham dự các khóa đào tạo, hội nghị, hội thảo, tọa đàm, tập huấn từ các đối tác bên ngoài và NHNN; chương trình liên kết đào tạo và nhiều chương trình đào tạo tại ĐVKD để nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng mềm..., cụ thể như sau:

STT	Nội dung	Số khóa đào tạo	Số lượt học viên
1	Đào tạo nội bộ	1.490	62.644
a	Đào tạo nội bộ	1.347	38.186
b	Đào tạo trực tuyến E-Learning	86	22.921
c	Đào tạo tân tuyển	39	915
d	Đào tạo chuyển đổi chức danh	18	622
2	Đào tạo bên ngoài	35	264
3	Liên kết đào tạo	3	3.479
Tổng cộng		1.528	66.387

2. Mạng lưới hoạt động

Năm 2024, KienlongBank tiếp tục tập trung kiện toàn 134 Đơn vị mạng lưới (31 chi nhánh và 103 phòng giao dịch), cơ sở vật chất được đầu tư khang trang, thuận tiện cho khách hàng giao dịch, tạo điều kiện để phát triển thị phần và quảng bá thương hiệu KienlongBank.

3. Hoạt động truyền thông và công tác xã hội

- Hoạt động truyền thông: Trong năm 2024, bên cạnh việc truyền thông các chương trình khuyến mãi, ưu đãi sản phẩm dịch vụ trên báo chí, truyền hình và mạng xã hội nhằm đưa thương hiệu KienlongBank đến gần hơn với khách hàng, KienlongBank còn tăng cường truyền thông các văn bản mới của NHNN (Thông tư 15/2024/TT-NHNN, Thông tư 17/2024/TT-NHNN; Thông tư 18/2024/TT-NHNN; Đề án 06 và Quyết định 2345/QĐ-NHNN) nhằm đôn đốc khách hàng cập nhật thông tin CCCD và sinh trắc học theo quy định của NHNN.

- Công tác xã hội: KienlongBank tiếp tục duy trì các hoạt động xã hội nhằm thể hiện trách nhiệm vì cộng đồng như: Tặng quà Tết; ủng hộ đồng bào bị ảnh hưởng lũ lụt ...

- Các danh hiệu/giải thưởng đạt được trong năm 2024: Ngân hàng có Dịch vụ khách hàng tốt nhất Việt Nam 2024, nơi làm việc tốt nhất Việt Nam 2024, Top 10 doanh nghiệp sáng tạo và kinh doanh hiệu quả - Ngành Ngân hàng, Top 500 doanh nghiệp tăng trưởng nhanh.

4. Hoạt động kiểm soát nội bộ

Hoạt động kiểm soát nội bộ được KienlongBank thực hiện thường xuyên bằng hình thức trực tiếp và giám sát từ xa để ngăn ngừa, phát hiện sai sót, từ đó nhắc nhở, chấn chỉnh, khắc phục kịp thời nhằm đảm bảo hoạt động của KienlongBank an toàn, hiệu quả và phát triển bền vững.

5. Công nghệ thông tin (CNTT)

Trong năm 2024, hệ thống CNTT của KienlongBank được vận hành thông suốt, an toàn, thường xuyên được rà soát khắc phục kịp thời các phát sinh, hỗ trợ tốt công tác điều hành và phát triển kinh doanh. KienlongBank tiếp tục đầu tư phát triển hạ tầng, hiện đại hóa hệ thống CNTT: Hoàn thành chuyển đổi Core thẻ giai đoạn 2, xác thực sinh trắc học theo Quyết định 2345/QĐ-NHNN; triển khai đúng tiến độ các dự án KienlongBank Pay, dự án xây dựng hệ thống quản lý nợ, số hóa quy trình trả góp ngày lên App, Đề án 06, cập nhật hệ thống phù hợp các quy định mới của NHNN (Thông tư 15/2024/TT-NHNN, Thông tư 17/2024/TT-NHNN; Thông tư 18/2024/TT-NHNN,...), nâng cấp nhiều tính năng trên App K+,...

PHẦN 2: KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2025

I. DỰ BÁO TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2025

1. Dự báo kinh tế vĩ mô năm 2025

Năm 2025, Chính phủ xác định đột phá về thể chế là “đột phá của đột phá”; ưu tiên thúc đẩy mạnh mẽ tăng trưởng kinh tế gắn với giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế và có thặng dư cao; hoàn thành việc sắp xếp tổ chức bộ máy; tăng cường phân cấp, phân quyền, nâng cao trách nhiệm người đứng đầu; đẩy mạnh hơn nữa công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, lợi ích nhóm; tập trung thực hiện cơ cấu lại các ngành, lĩnh vực theo hướng tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả,...với các chỉ tiêu chủ yếu: Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP) ≥8%; Kiểm soát tốc độ tăng CPI bình quân 4,5%; Thu ngân sách Nhà nước tăn 10%.

2. Định hướng ngành ngân hàng năm 2025

NHNN sẽ tiếp tục điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, kịp thời, hiệu quả, phối hợp đồng bộ, hài hòa, chặt chẽ với chính sách tài khóa và các chính sách khác góp phần ưu tiên thúc đẩy mạnh mẽ tăng trưởng kinh tế gắn với giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế. Tiếp tục đổi mới công tác điều hành tăng trưởng tín dụng. Dự kiến tăng trưởng tín dụng toàn hệ thống khoảng 16%, có điều chỉnh phù hợp với diễn biến, tình hình thực tế (Chỉ thị 01/CT-NHNN của NHNN).

II. CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2025 VÀ GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Bám sát các giải pháp điều hành kinh tế, chính sách tiền tệ, tín dụng, hoạt động ngân hàng của Chính phủ và NHNN trong năm 2025, đồng thời khai thác hiệu quả tiềm năng để phát triển, Ban điều hành KienlongBank xây dựng mục tiêu kế hoạch kinh doanh 2025 và các giải pháp thực hiện cụ thể như sau:

1. Các chỉ tiêu kế hoạch hợp nhất năm 2025

CHỈ TIÊU	Thực hiện năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Tăng/giảm (+/-) kế hoạch năm 2025 so với thực hiện năm 2024	
			Số dư	Tỷ lệ (%)
1. Tổng tài sản	92.176	102.000	9.824	10,66
2. Tổng nguồn vốn huy động	82.575	93.000	10.425	12,62
3. Dư nợ cấp tín dụng	61.432	71.000	9.568	15,57
4. Tỷ lệ nợ xấu (%)	1,52	< 3		
5. Lợi nhuận trước thuế	1.112,06	1.379	267	24,00

(*) Kế hoạch tăng trưởng tín dụng: Thực hiện theo tỷ lệ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho phép.
(*) Kế hoạch chia cổ tức: Thực hiện theo tỷ lệ được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Các giải pháp tổ chức thực hiện

2.1. Về mô hình tổ chức bộ máy, cơ chế quản lý, điều hành

- Tiếp tục hoàn thiện mô hình tổ chức và hệ thống kiểm soát nội bộ để tăng năng lực quản trị, điều hành và quản trị rủi ro nhằm phù hợp hơn với thông lệ tốt nhất về quản trị ngân hàng.

- Hiện đại hóa công nghệ ngân hàng, tăng cường áp dụng tự động hóa trong quy trình xử lý nghiệp vụ và hoạt động quản trị. Hoàn thiện hệ thống báo cáo, tổng hợp, lưu trữ và xử lý dữ liệu, kịp thời cung cấp các số liệu cho công tác hoạch định chiến lược, quản trị và điều hành.

2.2. Về hoạt động kinh doanh

2.2.1. Cấp tín dụng

- Thực hiện tăng trưởng tín dụng an toàn, hiệu quả, đúng quy định của pháp luật trên cơ sở đảm bảo quản trị rủi ro thanh khoản và các rủi ro liên quan.

- Tiếp tục thực hiện các giải pháp tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng tiếp cận nguồn vốn tín dụng ngân hàng trên cơ sở rà soát, đơn giản hóa thủ tục, hồ sơ vay vốn, tài sản bảo đảm,... đi đôi với việc tuân thủ các quy định của pháp luật, không nới lỏng các điều kiện cấp tín dụng để đảm bảo an toàn hoạt động, hạn chế nợ xấu phát sinh.

- Chủ động triển khai theo thẩm quyền giải pháp ứng dụng dữ liệu từ cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trong đánh giá khách hàng vay do Bộ Công An cung cấp, bảo đảm hoạt động cho vay an toàn, hiệu quả.

- Phát triển đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ tín dụng phù hợp, đáp ứng nhu cầu vốn hợp pháp của người dân, doanh nghiệp.
- Tăng cường kiểm soát rủi ro trong hoạt động cấp tín dụng, nâng cao năng lực đánh giá, thẩm định tín dụng; thường xuyên kiểm tra, giám sát và đánh giá việc sử dụng vốn vay, khả năng trả nợ của khách hàng, hạn chế nợ xấu phát sinh.

- Hướng tín dụng vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên và các động lực tăng trưởng kinh tế theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, kiểm soát chặt chẽ tín dụng vào các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro; tiếp tục triển khai tích cực các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho người dân, doanh nghiệp sau bão số 3.

- Đẩy mạnh triển khai các chương trình, chính sách tín dụng theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; tăng cường hoạt động kết nối ngân hàng - doanh nghiệp bằng hình thức phù hợp.

- Thực hiện nghiêm các quy định của NHNN về lãi suất, tiếp tục tiết giảm chi phí hoạt động, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và các giải pháp khác để phấn đấu hạ lãi suất cho vay.

- Đẩy mạnh triển khai các nhiệm vụ được giao của ngành Ngân hàng tại các chương trình mục tiêu quốc gia; tích cực triển khai các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch hành động của ngành Ngân hàng thực hiện chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030 và Đề án những nhiệm vụ, giải pháp triển khai kết quả Hội nghị lần thứ 26 các bên tham gia công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu theo Quyết định 1408/QĐ-NHNN ngày 26/7/2023 của Thống đốc NHNN.

2.2.2. Huy động vốn

- Theo dõi chặt chẽ diễn biến lãi suất/tỷ giá trên thị trường, kịp thời điều chỉnh lãi suất phù hợp, chú trọng phân khúc kỳ hạn trung dài hạn.

- Triển khai linh hoạt các chương trình/chính sách thúc đẩy tăng trưởng huy động vốn, tăng cường thu hút nguồn vốn huy động lãi suất thấp để giảm chi phí vốn; phát triển đa dạng các sản phẩm huy động vốn để đáp ứng nhu cầu của khách hàng.

- Tăng cường giao dịch đa dạng các loại nghiệp vụ trong hoạt động liên ngân hàng như giao dịch vốn (MM), ngoại hối (FX), các loại giấy tờ có giá...nhằm mở rộng quan hệ hợp tác với các định chế tài chính để phát triển hoạt động kinh doanh tiền tệ và dự phòng nguồn vốn cho việc phát triển kinh doanh của Ngân hàng.

2.2.3. Xử lý và thu hồi nợ

Đẩy mạnh, triển khai có hiệu quả công tác xử lý, thu hồi nợ xấu; thực hiện quyết liệt các giải pháp để nâng cao chất lượng

tín dụng, phòng ngừa, hạn chế tối đa nợ xấu phát sinh nhằm bảo đảm kiểm soát tỷ lệ nợ xấu nội bảng dưới 3,0%/tổng nợ.

- Thực hiện quyết liệt các giải pháp để nâng cao chất lượng tín dụng, phòng ngừa, hạn chế tối đa nợ xấu phát sinh; thường xuyên đánh giá nợ xấu, đảm bảo khách quan, trung thực và phản ánh đúng thực trạng chất lượng tín dụng.

- Nghiêm túc chấp hành các quy định pháp luật liên quan đến việc đôn đốc, thu hồi nợ; rà soát, cập nhật các quy định nội bộ liên quan, tăng cường rà soát, kiểm tra, kiểm soát nội bộ đối với việc đôn đốc, thu hồi nợ, đảm bảo tuân thủ đúng quy định pháp luật.

2.2.4. Hoạt động kinh doanh dịch vụ

- Triển khai thực hiện nghiêm túc các Thông tư về thanh toán không dùng tiền mặt (TTKDTM), trong đó tập trung triển khai các giải pháp đảm bảo an toàn bảo mật trong mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ngân hàng, góp phần ngăn chặn các hành vi gian lận, lừa đảo liên quan đến hoạt động thanh toán.

- Tiếp tục tập trung triển khai các nhiệm vụ, giải pháp về thúc đẩy TTKDTM theo Quyết định số 2006/QĐ-NHNN ngày 17/12/2021.

- Tiếp tục nâng cấp, phát triển hạ tầng thanh toán, đảm bảo hoạt động an toàn, hiệu quả và mở rộng kết nối với các ngành, lĩnh vực để mở rộng hệ sinh thái số, đẩy mạnh cung ứng dịch vụ TTKDTM trong lĩnh vực công, hành chính công, nhất là các lĩnh vực y tế, giáo dục, thanh toán qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

- Tiếp tục triển khai các nhiệm vụ, giải pháp theo Kế hoạch chuyển đổi số ngành Ngân hàng và Chiến lược phát triển công nghệ thông tin ngành Ngân hàng, tập trung nghiên cứu, ứng dụng phát triển các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng dựa trên ứng dụng công nghệ số gắn với đảm bảo an ninh, an toàn, bảo vệ quyền lợi của khách hàng.

- Tiếp tục ứng dụng, phát triển các dịch vụ thanh toán trên thiết bị di động (Mobile Payment), mã hóa thông tin thẻ (Tokenization), thanh toán phi tiếp xúc (Contactless), thanh toán QR Code;...

- Phối hợp chặt chẽ với các đơn vị thuộc Bộ Công an và các cơ quan liên quan tiếp tục đẩy mạnh triển khai hiệu quả ứng dụng dữ liệu dân cư, giải pháp ứng dụng thẻ căn cước công dân gắn chip, tài khoản định danh và xác thực điện tử để đối chiếu, xác minh thông tin nhận biết khách hàng, hỗ trợ trong quá trình cung ứng sản phẩm dịch vụ ngân hàng, khai thác và sử dụng VNeID trong quá trình xác minh, nhận biết khách hàng mở và sử dụng tài khoản thanh toán.

- Rà soát, hoàn thiện các quy trình, quy định nội bộ đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật trong hoạt động thanh toán, quy định về phòng, chống rửa tiền/tài trợ khủng bố/tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt và kịp thời tổ chức triển khai các văn bản chỉ đạo của NHNN.

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả các dịch vụ liên kết nhằm đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ, tăng nguồn thu từ dịch vụ phi tín dụng.

2.3. Tăng cường kiểm tra, giám sát, quản trị rủi ro

- Tăng cường công tác giám sát, kiểm tra, kiểm soát, kiểm toán nội bộ đối với hoạt động kinh doanh nhằm đảm bảo tuân thủ quy định tại Thông tư số 13/2018/TT-NHNN ngày 18/5/2018 về hệ thống kiểm soát nội bộ và các văn bản sửa đổi, bổ sung.

- Rà soát, hoàn thiện các quy trình, quy định nội bộ đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật, đặc biệt là quy trình, quy định về hoạt động thanh toán, quy định về phòng, chống rửa tiền, chống tài trợ khủng bố và kịp thời tổ chức triển khai các văn bản chỉ đạo của NHNN; tăng cường công tác quản lý rủi ro trong hoạt động thanh toán nhằm ngăn ngừa, phát hiện, cảnh báo kịp thời các rủi ro để đảm bảo hoạt động thanh toán an toàn, thông suốt.

2.4. Về công tác nhân sự

Sắp xếp tối ưu hóa mô hình tổ chức, phát huy tối đa năng lực, cải thiện môi trường làm việc, tăng cường năng lực bán hàng, nâng cao thu nhập tương xứng với kết quả năng suất lao động.

2.5. Về công nghệ thông tin (CNTT)

- Tiếp tục triển khai các nhiệm vụ, giải pháp theo Kế hoạch, Chiến lược về chuyển đổi số, công nghệ thông tin (CNTT) ngành Ngân hàng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

- Triển khai đầy đủ phương án đảm bảo an toàn hệ thống thông tin theo Nghị định 85/2016/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư 09/2020/TT-NHNN của NHNN.

- Áp dụng những giải pháp, công nghệ tiên tiến và các tiêu chuẩn quốc tế về an ninh, an toàn bảo mật cho hệ thống công nghệ thông tin.

- Phát triển ứng dụng ngân hàng số phục vụ tự động hóa các quy trình nghiệp vụ, kiểm soát rủi ro vận hành.
- Hoàn thành triển khai các dự án CNTT theo kế hoạch.

- Tiếp tục triển khai các giải pháp ứng dụng dữ liệu dân cư theo Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2023 của Thủ tướng Chính phủ (Đề án 06) và phối hợp chặt chẽ với các đơn vị thuộc Bộ Công an tổ chức thực hiện Kế hoạch số 01/KHPH-BCA-NHNN.

- Chú trọng phát triển các ứng dụng AI vào mọi lĩnh vực hoạt động của ngân hàng (bao gồm cả dịch vụ, phục vụ khách hàng cũng như các ứng dụng phục vụ hoạt động nội bộ) nhằm tinh gọn bộ máy, tối ưu hiệu suất hoạt động 20-30%;

- Tăng cường truyền thông, nâng cao nhận thức khách hàng trước rủi ro an ninh mạng, hoạt động gian lận, lừa đảo trên không gian mạng; hướng dẫn khách hàng về các kiến thức, kỹ năng sử dụng dịch vụ ngân hàng an toàn, tuân thủ quy định của pháp luật.

2.6. Các hoạt động khác

- Tiếp tục triển khai quyết liệt, hiệu quả phương án cơ cấu lại gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021-2025 theo phê duyệt của NHNN.

- Chấp hành nghiêm túc các quy định, chỉ đạo của NHNN về giao nhận, bảo quản, vận chuyển, phân loại, tuyển chọn tiền, đảm bảo an toàn kho quỹ. Chủ động xây dựng kế hoạch thu, chi tiền mặt, cân đối cơ cấu mệnh giá chi cho khách hàng, đảm bảo giao dịch tiền mặt thông suốt, nhất là các dịp cuối năm.

- Chấp hành nghiêm túc các quy định về phòng, chống rửa tiền/tài trợ khủng bố/tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, trong đó tập trung xây dựng và vận hành có hiệu quả quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền, công tác đánh giá rủi ro, thực hiện các báo cáo theo quy định.

- Tiếp tục rà soát, thúc đẩy các hoạt động nhằm đáp ứng ngày càng cao các tiêu chuẩn ESG, đảm bảo mục tiêu tăng trưởng bền vững và có trách nhiệm với xã hội theo định hướng của HĐQT;

- Bổ sung nhân sự kịp thời cho các chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ phát triển kinh doanh.

- Tiếp tục tăng cường công tác đào tạo qua hệ thống E-learning, đào tạo theo cụm khu vực; tập huấn nội bộ tại chi nhánh, phòng giao dịch về các sản phẩm, dịch vụ và quy trình tác nghiệp; tích cực tham gia triển khai các chương trình giáo dục tài chính để triển khai thực hiện Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia và các Đề án của Chính phủ, góp phần nâng cao kiến thức, kỹ năng cho khách hàng nhằm bảo vệ quyền lợi và giảm thiểu rủi ro cho người sử dụng dịch vụ ngân hàng, tài chính.

Trên đây là báo cáo kết quả hoạt động năm 2024 và kế hoạch kinh doanh năm 2025 của Ngân hàng TMCP Kiên Long.



05.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
HỢP NHẤT
ĐÃ KIỂM TOÁN**

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kiên Long (dưới đây gọi tắt là Ngân hàng) trình bày báo cáo này và các báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Ngân hàng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Thông tin chung về Ngân hàng

Thành lập:
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kiên Long được thành lập và hoạt động ngân hàng theo giấy phép số 0056/NH-GP ngày 18/09/1995 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp. Giấy phép thành lập ngân hàng số 1115/GP-UB ngày 02/10/1995 do Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1700197787 đăng ký lần đầu ngày 10/10/1995 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp và lần điều chỉnh gần nhất là ngày 24/07/2024.

Thời gian hoạt động của ngân hàng là 50 năm kể từ ngày cấp giấy phép đầu tiên.

Vốn điều lệ: **3.652.819.000.000 VND**.
Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2024, vốn điều lệ của Ngân hàng là: **3.652.819.000.000 đồng**.

Hoạt động chính của Ngân hàng bao gồm:
- Huy động vốn ngắn hạn, trung hạn và dài hạn với các hình thức tiền gửi có kỳ hạn, không kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi từ các tổ chức và cá nhân.
- Cấp tín dụng ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân trên cơ sở tính chất và khả năng nguồn vốn của ngân hàng.
- Thực hiện các nghiệp vụ thanh toán ngân quỹ và các dịch vụ ngân hàng khác được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho phép;
- Thực hiện góp vốn, mua cổ phần, đầu tư trái phiếu và kinh doanh ngoại tệ theo quy định của pháp luật.
- Dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn.
Mã chứng khoán: KLB (UPCoM).
Trụ sở chính của Ngân hàng: 40-42-44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, Tp. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Cho đến thời điểm lập báo cáo này, Ngân hàng có 01 hội sở chính, 02 văn phòng đại diện, 31 chi nhánh, 103 phòng giao dịch trên toàn quốc. Ngân hàng có một Công ty con.

Tình hình tài chính hợp nhất và kết quả hoạt động hợp nhất

Tình hình tài chính hợp nhất và kết quả hoạt động hợp nhất trong năm của Ngân hàng được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Moore AISC (Moore AISC) được chỉ định là kiểm toán viên cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất gồm có:

Hội đồng Quản trị	Bổ nhiệm	Miễn nhiệm
Ông Trần Ngọc Minh	Chủ tịch HĐQT	09/07/2024
Ông Trần Ngọc Minh	Phó Chủ tịch	09/07/2024
Bà Trần Thị Thu Hằng	Chủ tịch HĐQT	09/07/2024
Bà Trần Thị Thu Hằng	Thành viên	26/10/2024
Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Phó Chủ tịch	09/07/2024
Ông Bùi Thanh Hải	Thành viên	
Ông Lê Khắc Gia Bảo	Thành viên	
Ông Nguyễn Cao Cường	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Thành viên	
Bà Nguyễn Thủy Nguyên	Thành viên độc lập	
Ông Kim Minh Tuấn	Thành viên độc lập	26/10/2024
Ông Nguyễn Chí Hiếu	Thành viên độc lập	26/10/2024

Ban kiểm soát			
Bà Đỗ Thị Tuyết Trinh	Trưởng ban		
Ông Vũ Phạm Thái Hà	Thành viên		26/10/2024
Ông Đặng Minh Quân	Thành viên		
Bà Hoàng Thị Phượng	Thành viên	26/04/2024	
Bà Nguyễn Thị Khánh Phương	Thành viên	26/10/2024	
Ông Đào Ngọc Hải	Thành viên	26/10/2024	

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng			
Ông Trần Ngọc Minh	Tổng Giám đốc		
Ông Trần Hồng Minh	Quyền Tổng Giám đốc	09/07/2024	09/07/2024
Ông Lê Trung Việt	Phó Tổng Giám đốc		
Ông Nguyễn Hoàng An	Phó Tổng Giám đốc		
Ông Nguyễn Văn Minh	Phó Tổng Giám đốc		
Ông Trần Văn Thái Bình	Phó Tổng Giám đốc		
Ông Đỗ Văn Bắc	Phó Tổng Giám đốc		
Bà Nguyễn Thị Hồng Vân	Phó Tổng Giám đốc	03/01/2025	03/01/2025
Bà Vũ Đặng Xuân Vinh	Kế toán trưởng		

Người đại diện theo pháp luật	
Ông Trần Ngọc Minh	Chủ tịch HĐQT

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cam kết của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hợp nhất thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Các báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với chế độ kế toán đã đăng ký được nêu ở Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Ngân hàng và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Xác nhận

Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc, chúng tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm được soạn thảo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

Rạch Giá, ngày 26 tháng 3 năm 2025

Thay mặt Hội đồng Quản trị



Trần Ngọc Minh

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

KÍNH GỬI QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN KIÊN LONG

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kiên Long ("Ngân hàng"), được lập ngày 26 tháng 03 năm 2025, từ trang 06 đến trang 58, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán ngân hàng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Ngân hàng liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Ngân hàng. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kiên Long tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán ngân hàng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2025

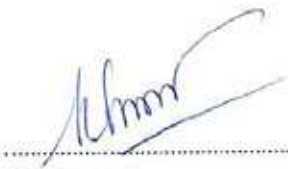
Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Moore AISIC



Huỳnh Tiểu Phụng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 1269-2023-005-1



Đỗ Thị Mai Hoa

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3559-2021-005-1

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

A. TÀI SẢN

Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2024	31/12/2023
I. Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	V.01	538,410	660,595
II. Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	V.02	4,207,486	6,134,683
III. Tiền gửi và cho vay các TCTD khác	V.03	15,504,604	18,373,502
1. Tiền gửi tại các TCTD khác		15,504,604	15,525,552
2. Cho vay các TCTD khác		-	2,847,950
3. Dự phòng rủi ro cho vay các TCTD khác		-	-
IV. Chứng khoán kinh doanh	V.04	-	-
1. Chứng khoán kinh doanh		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		-	-
V. Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	V.05	-	-
VI. Cho vay khách hàng	V.06	60,451,562	51,159,819
1. Cho vay khách hàng		61,431,909	51,783,052
2. Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng		(980,347)	(623,233)
VII. Hoạt động mua nợ	V.07	-	-
1. Mua nợ		-	-
2. Dự phòng rủi ro hoạt động mua nợ		-	-
VIII. Chứng khoán đầu tư	V.08	2,973,962	3,378,950
1. Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		1,298,447	796,897
2. Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		1,675,515	2,588,098
3. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư		-	(6,045)
IX. Góp vốn, đầu tư dài hạn	V.09	-	-
1. Đầu tư vào công ty con		-	-
2. Vốn góp liên doanh		-	-
3. Đầu tư vào công ty liên kết		-	-
4. Đầu tư dài hạn khác		-	-
5. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		-	-

Đơn vị tính: Triệu đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2024	31/12/2023
X. Tài sản cố định		1,414,961	1,352,003
1. Tài sản cố định hữu hình	V.10	623,092	611,096
a. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình		1,171,451	1,107,087
b. Hao mòn tài sản cố định hữu hình		(548,359)	(495,991)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	V.11	-	-
a. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính		-	-
b. Hao mòn tài sản cố định thuê tài chính		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	V.12	791,869	740,907
a. Nguyên giá tài sản cố định vô hình		934,126	854,860
b. Hao mòn tài sản cố định vô hình		(142,257)	(113,953)
XI. Bất động sản đầu tư	V.13	-	-
a. Nguyên giá bất động sản đầu tư		-	-
b. Hao mòn bất động sản đầu tư		-	-
XII. Tài sản có khác	V.14	7,085,283	5,913,050
1. Các khoản phải thu		5,290,868	4,053,988
2. Các khoản lãi, phí phải thu		1,393,393	1,437,931
3. Tài sản thuế TNDN hoãn lại		-	120
4. Tài sản Có khác		500,378	450,315
- Trong đó: Lợi thế thương mại		-	-
5. Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác		(99,356)	(29,304)
TỔNG TÀI SẢN CÓ		92,176,268	86,972,602

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

B. NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2024	31/12/2023
I. Các khoản nợ chính phủ và Ngân hàng Nhà nước	V.16	-	-
II. Tiền gửi và vay các TCTD khác	V.17	15,125,547	18,118,930
1. Tiền gửi của các TCTD khác		15,117,285	15,268,267
2. Vay các TCTD khác		8,262	2,850,663
III. Tiền gửi của khách hàng	V.18	63,521,494	56,897,722
IV. Các công cụ tài chính phải sinh và các khoản nợ tài chính khác	V.05	112,476	25,404
V. Vốn tài trợ, Ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	V.19	-	-
VI. Phát hành giấy tờ có giá	V.20	3,928,457	3,459,091
VII. Các khoản nợ khác		2,883,342	2,713,897
1. Các khoản lãi, phí phải trả	V.21	1,002,054	1,607,566
2. Thuế TNDN hoãn lại phải trả	V.23	-	-
3. Các khoản phải trả và công nợ khác	V.22	1,881,288	1,106,331
4. Dự phòng rủi ro khác (DP cho công nợ tiềm ẩn và cam kết ngoại bảng)		-	-
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		85,571,316	81,215,044
VIII. Vốn và các quỹ	V.24	6,604,952	5,757,558
1. Vốn của TCTD		3,618,619	3,618,619
a. Vốn điều lệ		3,652,819	3,652,819
b. Vốn đầu tư XDCH		-	-
c. Thặng dư vốn cổ phần		-	-
d. Cổ phiếu quỹ		(34,200)	(34,200)
e. Cổ phiếu ưu đãi		-	-
g. Vốn khác		-	-
2. Quỹ của TCTD		573,838	487,740
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
4. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
5. Lợi nhuận chưa phân phối		2,412,495	1,651,199
IX. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		-	-

TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	92,176,268	86,972,602
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN		

Đơn vị tính: Triệu đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2024	31/12/2023
1. Bảo lãnh vay vốn	VIII.40	-	-
2. Cam kết giao dịch ngoại hối	VIII.40	19,422,623	8,878,747
Cam kết mua ngoại tệ		2,126,880	-
Cam kết bán ngoại tệ		708,960	729,000
Cam kết giao dịch hoán đổi		16,586,783	8,149,747
3. Cam kết cho vay không hủy ngang		-	-
4. Cam kết trong nghiệp vụ L/C	VIII.40	4,005,233	416
5. Bảo lãnh khác	VIII.40	4,129,036	362,814
6. Các cam kết khác		-	-
7. Lãi cho vay và phí phải thu chưa thu được	VIII.42a	331,341	237,314
8. Nợ khó đòi đã xử lý	VIII.42b	2,585,844	2,018,358
9. Tài sản và chứng từ khác	VIII.42c	4,288,497	10,556,826

Lập bảng



Thị Duyên

Kế toán trưởng



Vũ Đặng Xuân Vinh

Bách Gia, ngày 26 tháng 3 năm 2025

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Trần Ngọc Minh

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Triệu đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2024	31/12/2023
1. Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	VI.25	7,111,246	7,779,429
2. Chi phí lãi và các chi phí tương tự	VI.26	3,920,020	5,741,323
I. Thu nhập lãi thuần		3,191,226	2,038,106
3. Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		574,628	556,312
4. Chi phí hoạt động dịch vụ		94,153	43,579
II. Lãi/lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ	VI.27	480,475	512,733
III. Lãi/lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	VI.28	42,009	59,196
IV. Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	VI.29	-	-
V. Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	VI.30	25,608	82,450
5. Thu nhập từ hoạt động khác		224,596	95,764
6. Chi phí hoạt động khác		7,333	5,845
VI. Lãi/lỗ thuần từ hoạt động khác	VI.32	217,263	89,919
VII. Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	VI.31	-	-
VIII. Chi phí hoạt động	VI.33	2,021,575	1,645,837
IX. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		1,935,006	1,136,567
X. Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		822,948	417,920
XI. Tổng lợi nhuận trước thuế		1,112,058	718,647
7. Chi phí thuế TNDN hiện hành		224,444	143,478
8. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	VI.34	120	1,185
XII. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp		224,564	144,663
XIII. Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp		887,494	573,984
XIV. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	VI.24.2	-	-
XV. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		2,455	1,588

Lập bảng

Thị Duyên

Kế toán trưởng

Vũ Đặng Xuân Vinh

Rach Giá, ngày 26 tháng 3 năm 2025

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

NGÂN HÀNG
THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN
KIÊN LONG

Trần Ngọc Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: Triệu đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
01. Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được		7,155,784	7,438,991
02. Chi phí lãi và các khoản thu nhập tương tự đã trả		(4,525,532)	(5,221,215)
03. Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được		480,475	512,733
04. Chênh lệch số tiền thực thu/ thực chi từ hoạt động kinh doanh (ngoại tệ, vàng bạc, chứng khoán)		67,617	141,646
05. Thu nhập khác		9,388	(1,999)
06. Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý hoá, bù đắp bằng nguồn rủi ro		207,123	91,328
07. Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ		(1,628,024)	(1,549,068)
08. Tiền thuế thu nhập thực nộp trong năm		(166,266)	(134,064)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và vốn lưu động		1,600,565	1,278,352
Những thay đổi về tài sản hoạt động			
09. (Tăng)/Giảm các khoản tiền, vàng gửi và cho vay các TCTD khác		-	-
10. (Tăng)/Giảm các khoản về kinh doanh chứng khoán		404,988	4,350,101
11. (Tăng)/Giảm các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác		-	38,707
12. (Tăng)/Giảm các khoản cho vay khách hàng		(9,648,857)	(7,080,457)
13. Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản		(465,834)	(374,546)
14. (Tăng)/Giảm khác về tài sản hoạt động		(1,409,507)	1,048,903

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
<i>Những thay đổi về công nợ hoạt động</i>			
15. Tăng/(Giảm) các khoản nợ chính phủ và NHNN		-	(2,451,824)
16. Tăng/(Giảm) các khoản tiền gửi và vay các TCTD		(2,993,383)	(5,527,969)
17. Tăng/(Giảm) tiền gửi của khách hàng		6,524,123	4,701,851
18. Tăng/(Giảm) phát hành giấy tờ có giá (ngoại trừ GTCC được tính vào hoạt động tài chính)		569,015	3,459,091
19. Tăng/(Giảm) vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro		-	-
20. Tăng/(Giảm) các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác		87,072	25,404
21. Tăng/(Giảm) khác về công nợ hoạt động		504,870	(60,995)
22. Chi từ các quỹ của tổ chức tín dụng		-	(42,805)
I. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(4,826,948)	(636,187)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
01. Mua sắm TSCĐ		(92,084)	(64,001)
02. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ		752	590
03. Tiền chi từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ		-	-
04. Mua sắm bất động sản đầu tư		-	-
05. Tiền thu từ bán, thanh lý bất động sản đầu tư		-	-
06. Tiền chi ra do bán, thanh lý bất động sản đầu tư		-	-
07. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác		-	-
08. Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác		-	-
09. Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn		-	-
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		(91,332)	(63,411)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
01. Tăng vốn cổ phần từ góp vốn và/hoặc phát hành cổ phiếu		-	-
02. Tiền thu từ phát hành giấy tờ có giá dài hạn đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác "		-	-
03. Tiền chi thanh toán giấy tờ có giá dài hạn đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác "		-	-
04. Cổ tức trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia		-	-
05. Tiền chi ra mua cổ phiếu quỹ		-	-
06. Tiền thu được do bán cổ phiếu quỹ		-	-
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		(4,918,280)	(699,598)
IV. Lưu chuyển tiền thuần trong năm		25,168,780	25,868,378
V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		-	-
VI. Điều chỉnh của ảnh hưởng thay đổi tỷ giá			
VII. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	VII.35	20,250,500	25,168,780

Rạch Giá, ngày 26 tháng 3 năm 2025

Lập bảng



Thị Duyên

Kế toán trưởng



Vũ Đặng Xuân Vinh

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Trần Ngọc Minh

NGÂN HÀNG
THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN
KIÊN LONG
RẠCH GIÁ - T. KIÊN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG

1. Giấy phép thành lập và hoạt động, thời hạn có giá trị

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kiên Long được thành lập và hoạt động ngân hàng theo giấy phép số 0056/NH-GP ngày 18/09/1995 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp. Giấy phép thành lập ngân hàng số 1115/GP-UB ngày 02/10/1995 do Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1700197787 đăng ký lần đầu ngày 10/10/1995 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp và lần điều chỉnh gần nhất là ngày 24/07/2024.

Thời gian hoạt động của ngân hàng là 50 năm kể từ ngày cấp giấy phép đầu tiên.

Vốn điều lệ: 3.652.819.000.000 VND.

Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2024, vốn điều lệ của Ngân hàng là: 3.652.819.000.000 đồng.

2. Hình thức sở hữu vốn: Cổ phần

3. Hoạt động của ngân hàng

- Huy động vốn ngắn hạn, trung hạn và dài hạn với các hình thức tiền gửi có kỳ hạn, không kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi từ các tổ chức và cá nhân.
- Cấp tín dụng ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân trên cơ sở tính chất và khả năng nguồn vốn của ngân hàng.
- Thực hiện các nghiệp vụ thanh toán ngân quỹ và các dịch vụ ngân hàng khác được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho phép;
- Thực hiện góp vốn, mua cổ phần, đầu tư trái phiếu và kinh doanh ngoại tệ theo quy định của pháp luật.
- Dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn.

Mã chứng khoán: KLB (UPCoM).

4. Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức danh	Bổ nhiệm	Miễn nhiệm
Ông Trần Ngọc Minh	Chủ tịch HĐQT	09/07/2024	
Ông Trần Ngọc Minh	Phó Chủ tịch		09/07/2024
Bà Trần Thị Thu Hằng	Chủ tịch HĐQT		09/07/2024
Bà Trần Thị Thu Hằng	Thành viên		26/10/2024
Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Phó Chủ tịch	09/07/2024	
Ông Bùi Thanh Hải	Thành viên		
Ông Lê Khắc Gia Bảo	Thành viên		
Ông Nguyễn Cao Cường	Thành viên		
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Thành viên		
Bà Nguyễn Thủy Nguyên	Thành viên độc lập		
Ông Kim Minh Tuấn	Thành viên độc lập	26/10/2024	
Ông Nguyễn Chí Hiếu	Thành viên độc lập	26/10/2024	

5. Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức danh	Bổ nhiệm	Miễn nhiệm
Bà Đỗ Thị Tuyết Trinh	Trưởng ban		
Ông Vũ Phạm Thái Hà	Thành viên		26/10/2024
Ông Đặng Minh Quân	Thành viên		
Bà Hoàng Thị Phượng	Thành viên	26/04/2024	
Bà Nguyễn Thị Khánh Phương	Thành viên	26/10/2024	
Ông Đào Ngọc Hải	Thành viên	26/10/2024	

6. Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức danh	Bổ nhiệm	Miễn nhiệm
Ông Trần Ngọc Minh	Tổng Giám đốc		
Ông Trần Hồng Minh	Quyền Tổng Giám đốc	09/07/2024	09/07/2024
Ông Lê Trung Việt	Phó Tổng Giám đốc		
Ông Nguyễn Hoàng An	Phó Tổng Giám đốc		
Ông Nguyễn Văn Minh	Phó Tổng Giám đốc		
Ông Trần Văn Thái Bình	Phó Tổng Giám đốc		
Ông Đỗ Văn Bắc	Phó Tổng Giám đốc		
Bà Nguyễn Thị Hồng Vân	Phó Tổng Giám đốc	03/01/2025	03/01/2025
Bà Vũ Đặng Xuân Vinh	Kế toán trưởng		

7. Người đại diện theo pháp luật

Họ và tên	Chức danh	Bổ nhiệm	Miễn nhiệm
Ông Trần Ngọc Minh	Chủ tịch HĐQT		

8. Trụ sở chính:

Trụ sở chính của Ngân hàng: 40-42-44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, Tp. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Cho đến thời điểm lập báo cáo này, Ngân hàng có 01 hội sở chính, 02 văn phòng đại diện, 31 chi nhánh, 103 phòng giao dịch trên toàn quốc. Ngân hàng có một Công ty con.

9. Công ty con:

Công ty TNHH MTV Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản - Ngân hàng TMCP Kiên Long được thành lập theo giấy phép số 1701452905 đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 11 năm 2010, đăng ký thay đổi gần nhất ngày 27 tháng 10 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con là tư vấn, môi giới kinh doanh, cho thuê bất động sản, quyền sử dụng đất, quản lý các khoản nợ vay và tài sản đảm bảo nợ vay; thẩm định giá và quản lý hồ sơ tài sản đảm bảo, tái cơ cấu các khoản vay, mua khoản nợ và bán khoản nợ cho các tổ chức tín dụng. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Ngân hàng tại công ty con này là 100%.

10. Tổng số cán bộ, công nhân viên đến ngày 31/12/2024: 3.717 người.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Niên độ kế toán: bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Việt Nam đồng.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI NGÂN HÀNG

Báo cáo về tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) hoặc các quy định hiện hành:

Các báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng kèm theo được lập theo quy ước giá gốc và phù hợp các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho các ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác hoạt động tại nước CHXHCN Việt Nam. Do đó các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được thừa nhận chung ở các nước và ngoài phạm vi Việt Nam. Các nguyên tắc và thực hành kế toán sử dụng tại nước CHXHCN Việt Nam có thể khác với thông lệ tại các nước khác.

Chế độ và hình thức kế toán áp dụng:

Ngân hàng áp dụng hệ thống chế độ kế toán Ngân hàng Việt Nam ban hành theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29/4/2004, chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN, ngày 18/4/2007, Thông tư 10/2014/TT-NHNN ngày 20/03/2014 và Thông tư 49/2014/TT-NHNN ngày 31/12/2014, Thông tư 22/2017/TT-NHNN ngày 29/12/2017 và Thông tư 27/2021/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các chuẩn mực kế toán có liên quan.

IV. CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI NGÂN HÀNG

1. Các thay đổi về chính sách kế toán

Các chính sách kế toán của Ngân hàng áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này được áp dụng nhất quán với các chính sách đã sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm 2023, trừ các thay đổi sau:

Luật các Tổ chức tín dụng (Luật số 32/2024/QH15) ngày 18 tháng 01 năm 2024 và Thông tư số 21/2024/TT-NHNN ngày 28 tháng 6 năm 2024 ("Thông tư 21")

Theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng và Thông tư 21 có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2024, nghiệp vụ thư tín dụng được xác định là một hình thức cấp tín dụng thông qua nghiệp vụ phát hành, xác nhận, thương lượng thanh toán và hoàn trả thư tín dụng. Theo quy định chuyển tiếp của Luật các Tổ chức tín dụng và Thông tư 21: "Các hợp đồng, thỏa thuận, cam kết, giao dịch khác liên quan đến nghiệp vụ thư tín dụng được ký kết, thỏa thuận trước ngày Thông tư 21 có hiệu lực thi hành, ngân hàng và khách hàng được tiếp tục thực hiện, theo dõi cho đến hết thời hạn hiệu lực và nghĩa vụ của các bên liên quan đã hoàn thành. Việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn hợp đồng, thỏa thuận, cam kết, giao dịch khác chỉ được thực hiện nếu nội dung sửa đổi, bổ sung, gia hạn phù hợp với quy định của Thông tư 21". Ngân hàng đã thực hiện ghi nhận kế toán phù hợp với điều khoản chuyển tiếp này.

Thông tư số 06/2024/TT-NHNN ngày 18 tháng 6 năm 2024 ("Thông tư 06") sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2023/TT-NHNN ngày 23 tháng 4 năm 2023 ("Thông tư 02")

"Ngày 18 tháng 6 năm 2024, NHNN ban hành Thông tư 06 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 02 về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn. Thông tư 06 có hiệu lực thi hành từ ngày 18 tháng 6 năm 2024. Các thay đổi của Thông tư 06 liên quan đến chính sách kế toán như sau: - Gia hạn thời gian phát sinh nghĩa vụ trả nợ gốc/hoặc lãi của khoản nợ được cơ cấu đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2024. - Gia hạn thời gian tổ chức tín dụng thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ cho khách hàng đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2024."

Thông tư số 31/2024/TT-NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2024 ("Thông tư 31") thay thế Thông tư số 11/2021/TT-NHNN ngày 30 tháng 07 năm 2021 ("Thông tư 11")

"Ngày 30 tháng 6 năm 2024, NHNN ban hành Thông tư 31 quy định về phân loại tài sản có trong hoạt động của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2024, thay thế cho Thông tư 11. Các thay đổi chính của Thông tư 31 ảnh hưởng đến việc ước tính dự phòng như sau: - Sửa đổi nguyên tắc phân loại nợ đối với khoản nợ phát sinh từ hoạt động bao thanh toán; - Bổ sung nguyên tắc phân loại nợ đối với khoản nợ phát sinh từ nghiệp vụ thư tín dụng, nghiệp vụ mua hần miễn truy đòi bộ chứng từ xuất trình theo thư tín dụng và một số nghiệp vụ khác."

Nghị định 86/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2024 ("Nghị định 86")

Ngày 11 tháng 7 năm 2024, Chính phủ ban hành Nghị định 86 quy định về mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro, việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và trường hợp tổ chức tín dụng phân bổ lãi phải thu phải thoái. Nghị định này có hiệu lực từ ngày 11 tháng 7 năm 2024.

Quyết định số 1510/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2024 ("Quyết định 1510")

Ngày 04/12/2024, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định 1510 quy định về việc phân loại tài sản có, mức trích lập dự phòng rủi ro, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro đối với khoản nợ của khách hàng gặp khó khăn do ảnh hưởng, thiệt hại của bão số 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 04 năm 12 năm 2024.

2. Chuyển đổi tiền tệ

Nghiệp vụ phát sinh trong năm bằng tiền tệ khác với Đồng Việt Nam được quy đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh.

Tỷ giá sử dụng để hạch toán các nghiệp vụ khác về ngoại tệ để chuyển đổi ra đồng Việt Nam: là tỷ giá bình quân mua và bán chuyển khoản giao ngay của đồng ngoại tệ đó tại ngày phát sinh giao dịch.

Số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá giao ngay tại thời điểm cuối ngày làm việc cuối cùng của kỳ báo cáo nếu tỷ giá này nhỏ hơn 1% so với tỷ giá bình quân gia quyền mua và bán của ngày làm việc cuối cùng của kỳ báo cáo. Nếu tỷ giá này lớn hơn 1% so với tỷ giá bình quân gia quyền mua và bán của ngày làm việc cuối cùng của kỳ báo cáo thì lấy tỷ giá bình quân gia quyền mua bán này.

Chênh lệch tỷ giá của các nghiệp vụ phát sinh trong năm và đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được đưa vào báo cáo kết quả hoạt động trong năm.

Tỷ giá quy đổi tại ngày 31/12/2024:

25,320 VND/USD	161.51 VND/JPY
17,701 VND/CAD	15,880 VND/AUD
26,581 VND/EUR	28,259 VND/CHF
32,069 VND/GBP	749 VND/THB
18,763 VND/SGD	17.30 VND/KRW

3. Nguyên tắc thực hiện hợp nhất báo cáo tài chính

Công ty con là những công ty mà Ngân hàng có quyền quyết định các chính sách tài chính và chính sách hoạt động. Báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất vào báo cáo Ngân hàng kể từ ngày Ngân hàng nắm quyền kiểm soát các công ty con và sẽ không được hợp nhất từ ngày Ngân hàng không còn kiểm soát các công ty con này.

Ngân hàng hạch toán việc hợp nhất kinh doanh theo phương pháp mua. Giá phí mua bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản, các công cụ vốn do bên mua phát hành và các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua công ty con.

Các số dư nội bộ, giao dịch và lợi nhuận chưa thực hiện trong giao dịch nội bộ giữa công ty con và Ngân hàng được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Lỗ chưa thực hiện cũng được loại trừ, ngoại trừ trường hợp giao dịch thể hiện cụ thể sự giảm giá của tài sản được chuyển giao. Các chính sách kế toán của các công ty con cũng được thay đổi khi cần thiết nhằm đảm bảo tính nhất quán với các chính sách kế toán được Ngân hàng áp dụng.

4. Công cụ tài chính phái sinh và kế toán phòng ngừa rủi ro

Các công cụ tài chính phái sinh được ghi nhận trên báo cáo tình hình hoạt động hợp nhất theo giá trị hợp đồng vào ngày giao dịch, và sau đó được đánh giá lại theo tỷ giá vào ngày cuối tháng. Lợi nhuận hoặc lỗ khi các công cụ tài chính phái sinh đã thực hiện được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất. Lợi nhuận hoặc lỗ chưa thực hiện được ghi nhận vào khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái trên báo cáo tình hình hoạt động hợp nhất vào cuối mỗi tháng và được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất vào thời điểm cuối năm.

5. Kế toán thu nhập lãi, chi phí lãi và ngừng dự thu lãi

Ngân hàng ghi nhận thu nhập lãi và chi phí lãi theo phương pháp dự thu, dự chi hàng ngày. Lãi của các khoản cho vay quá hạn không được ghi dự thu mà được ghi nhận trên ngoại bảng. Khi một khoản cho vay trở thành quá hạn thì số lãi đã dự thu được hoàn lại và được ghi nhận ngoại bảng. Thu nhập lãi của các khoản cho vay quá hạn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động khi thu được.

6. Kế toán các khoản thu từ phí và hoa hồng

Thu nhập từ phí và hoa hồng bao gồm phí nhận được từ dịch vụ thanh toán, dịch vụ ngân quỹ, phí từ các khoản bảo lãnh và các dịch vụ khác được ghi nhận khi thực nhận.

7. Kế toán đối với cho vay khách hàng, hoạt động mua nợ.

Kế toán đối với cho vay khách hàng

Ghi nhận và đo lường các khoản cho vay khách hàng

Các khoản cho vay khách hàng được trình bày theo số dư nợ gốc trừ đi dự phòng rủi ro cho vay khách hàng.

Các khoản vay ngắn hạn có kỳ hạn đến 01 năm; Các khoản vay trung hạn có kỳ hạn từ trên 01 năm đến 05 năm và các khoản vay dài hạn có kỳ hạn trên 05 năm kể từ ngày giải ngân.

Phân loại nợ

Việc phân loại nợ cho các khoản tiền gửi có kỳ hạn và cho vay các tổ chức tín dụng khác, trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết, cho vay khách hàng, ủy thác cấp tín dụng (gọi chung là “các khoản nợ”) được thực hiện hàng tháng dựa theo phương pháp định lượng được quy định Điều 10 của Thông tư số 31/2024/TT-NHNN ngày 30/06/2024 (“Thông tư 31”). Ngân hàng thực hiện phân loại nợ hàng tháng dựa trên số dư nợ gốc tại ngày cuối cùng của tháng trước liền kề.

Các khoản nợ được phân loại theo các mức độ rủi ro như sau: Nợ đủ tiêu chuẩn, Nợ cần chú ý, Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ và Nợ có khả năng mất vốn. Nợ xấu là các khoản nợ được phân loại là Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ và Nợ có khả năng mất vốn. Các khoản nợ được phân loại và trích lập dự phòng rủi ro vào thời điểm cuối mỗi tháng trong năm tài chính.

- Nợ đủ tiêu chuẩn (nhóm 1) bao gồm: a) Khoản nợ trong hạn và được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ cả nợ gốc và lãi đúng hạn; b) Khoản nợ quá hạn dưới 10 ngày và được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ nợ gốc và lãi bị quá hạn và thu hồi đầy đủ nợ gốc và lãi còn lại đúng thời hạn; c) Khoản nợ được phân loại vào nhóm 1 do đáp ứng tiêu chí được phân loại vào nhóm nợ có rủi ro thấp hơn.

- Nợ cần chú ý (nhóm 2) bao gồm: a) Nợ quá hạn từ 10 ngày đến 90 ngày, trừ khoản nợ quy định tại điểm (b) của nợ tiêu chuẩn và khoản nợ phân loại vào nhóm nợ có rủi ro cao hơn theo quy định hoặc b) Nợ điều chỉnh kỳ hạn trả nợ lần đầu còn trong hạn trừ khoản nợ phân loại và nhóm nợ có rủi ro thấp hơn và khoản nợ phân loại vào nhóm nợ có rủi ro cao hơn theo quy định; hoặc c) Khoản nợ được phân loại vào nhóm 2 do đáp ứng tiêu chí được phân loại vào nhóm nợ có rủi

ro thấp hơn hoặc do khoản nợ phân loại vào nhóm nợ có rủi ro cao hơn theo quy định.

- Nợ dưới tiêu chuẩn (Nhóm 3) bao gồm: a) Nợ quá hạn từ 91 ngày đến 180 ngày; trừ khoản nợ quy định tại khoản 3 Điều 10 Thông tư 31; hoặc b) Nợ gia hạn lần đầu còn trong hạn; trừ khoản nợ quy định tại điểm (b) khoản 2, khoản 3 Điều 10 Thông tư 11; hoặc c) Nợ được miễn, giảm lãi do khách hàng không có khả năng trả lãi đầy đủ theo thỏa thuận, trừ khoản nợ quy định tại khoản 3 Điều 10 Thông tư 31; hoặc d) Nợ thuộc một trong các trường hợp sau đây chưa thu hồi được trong thời gian dưới 30 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi: khoản nợ vi phạm các quy định tại các khoản 1,3,4,5,6 Điều 134 Luật các tổ chức tín dụng hoặc khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản điều 1,2,3,4 Điều 135 Luật các tổ chức tín dụng hoặc khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1,2,5 điều 136 Luật các tổ chức tín dụng; e) Nợ trong hạn thu hồi theo kết luận thanh tra, kiểm tra; f) Nợ phải thu hồi theo quyết định thu hồi nợ trước hạn do khách hàng vi phạm thỏa thuận chưa thu hồi trong thời hạn dưới 30 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc g) Khoản nợ được phân loại vào nhóm 3 theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 10 Thông tư 31; hoặc h) Khoản nợ phải phân loại vào nhóm 3 theo quy định tại khoản 4 Điều 8 Thông tư 31.

- Nợ nghi ngờ (nhóm 4) bao gồm: a) Nợ quá hạn từ 181 ngày đến 360 ngày; hoặc trừ khoản nợ quy định tại khoản 3 điều 10 Thông tư 11; hoặc b) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn đến 90 ngày theo thời hạn được cơ cấu lại lần đầu trừ khoản nợ quy định tại khoản 3 điều 10 Thông tư 31; hoặc c) nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai còn trong hạn trừ khoản nợ quy định tại điểm (b) khoản 2, khoản 3 Điều 10 Thông tư 31; hoặc d) khoản nợ được quy định ở điểm (d) của nợ dưới tiêu chuẩn chưa thu hồi được trong thời gian từ 30 ngày đến 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc e) Nợ phải thu hồi theo quyết định của thanh tra nhưng quá thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra đến 60 ngày mà vẫn chưa thu hồi được; hoặc f) Nợ phải thu hồi theo quyết định thu hồi nợ trước hạn do khách hàng vi phạm thỏa thuận chưa thu hồi được trong thời hạn từ 30 ngày đến 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc g) Khoản nợ được phân loại vào nhóm 4 theo quy định khoản 2, điều 3 Điều 10 Thông tư 31; hoặc h) Khoản nợ phải phân loại vào nhóm 4 theo quy định tại khoản 4 Điều 8 Thông tư 31.

- Nợ có khả năng mất vốn (Nhóm 5) bao gồm: a) Nợ quá hạn trên 360 ngày; hoặc b) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn từ 91 ngày trở lên theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu; hoặc c) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai và quá hạn theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần thứ hai; hoặc d) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ ba trở lên, kể cả chưa bị quá hạn hoặc đã quá hạn; hoặc e) Khoản nợ quy định tại điểm (d) của nợ dưới tiêu chuẩn chưa thu hồi được trong trên 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc f) Nợ phải thu hồi theo quyết định của thanh tra nhưng quá thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra trên 60 ngày mà vẫn chưa thu hồi được; hoặc g) Nợ phải thu hồi theo quyết định thu hồi nợ trước hạn do khách hàng vi phạm thỏa thuận chưa thu hồi được trên 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc h) Nợ của khách hàng là tổ chức tín dụng được NHNNVN công bố đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt, hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa vốn và tài sản; hoặc i) Khoản nợ được phân loại vào nhóm 5 theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Thông tư 11; hoặc j) Khoản nợ phải phân loại vào nhóm 5 theo quy định tại khoản 4 Điều 8 Thông tư 31.

Ngân hàng thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh và khách hàng gặp khó khăn trả nợ vay phục vụ nhu cầu đời sống, tiêu dùng theo quy định của Thông tư số 02/2023/TT-NHNN ngày 23/04/2023 và Thông tư số 06/2024/TT-NHNN ngày 18/06/2024 của Ngân hàng Nhà nước.

Khoản nợ được phân loại vào nhóm nợ có rủi ro thấp hơn trong các trường hợp sau đây:

Đối với nợ quá hạn

- Khách hàng đã trả đầy đủ phần nợ gốc và lãi bị quá hạn (kể cả lãi áp dụng đối với nợ gốc quá hạn) và nợ gốc và lãi của các kỳ hạn trả nợ tiếp theo trong thời gian tối thiểu 03 (ba) tháng đối với nợ trung hạn, dài hạn, 01 (một) tháng đối với nợ ngắn hạn, kể từ ngày bắt đầu trả đầy đủ nợ gốc và lãi bị quá hạn; và ngân hàng có tài liệu, hồ sơ chứng minh việc khách hàng đã trả nợ;

- Ngân hàng có đủ cơ sở thông tin, tài liệu đánh giá khách hàng có khả năng trả đầy đủ nợ gốc và lãi còn lại đúng thời hạn.

Đối với nợ cơ cấu thời hạn trả nợ

- Khách hàng đã trả đầy đủ nợ gốc và lãi theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại trong thời gian tối thiểu 03 (ba) tháng đối với nợ trung hạn, dài hạn, 01 (một) tháng đối với nợ ngắn hạn, kể từ ngày bắt đầu trả đầy đủ nợ gốc và lãi theo thời hạn được cơ cấu lại
- Ngân hàng có đủ cơ sở thông tin, tài liệu đánh giá khách hàng có khả năng trả đầy đủ nợ gốc và lãi còn lại đúng thời hạn.
- Khoản nợ được phân loại vào nhóm nợ có rủi ro cao hơn trong các trường hợp sau đây:
 - Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời, khả năng thanh toán, tỷ lệ nợ trên vốn, dòng tiền, khả năng trả nợ của khách hàng suy giảm liên tục qua 03 lần đánh giá, phân loại nợ liên tục
 - Khách hàng không cung cấp đầy đủ, kịp thời và trung thực các thông tin theo yêu cầu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài để đánh giá khả năng trả nợ của khách hàng.
- Khoản nợ đã được phân loại vào nhóm 2, nhóm 3, nhóm 4 theo quy định tại điểm a, b Khoản này từ 01 (một) năm trở lên nhưng không đủ điều kiện phân loại vào nhóm nợ có rủi ro thấp hơn
- Khoản nợ mà hành vi cấp tín dụng bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

Ngân hàng được yêu cầu sử dụng kết quả phân loại rủi ro do Trung tâm Thông tin tín dụng thuộc NHNN (“CIC”) cung cấp để phân loại các khoản cho vay khách hàng của Ngân hàng vào nhóm nợ có rủi ro cao hơn giữa nhóm nợ được đánh giá bởi ngân hàng và nhóm nợ do CIC cung cấp.

Trường hợp một khách hàng có nhiều hơn một khoản nợ với Ngân hàng mà có bất kỳ khoản nợ bị chuyển sang nhóm nợ có rủi ro cao hơn thì ngân hàng buộc phải phân loại các khoản nợ còn lại của khách hàng đó vào các nhóm nợ có rủi ro cao hơn tương ứng với mức độ rủi ro.

Dự phòng rủi ro tín dụng

Dự phòng rủi ro tín dụng bao gồm dự phòng cụ thể và dự phòng chung.

Dự phòng cụ thể

Theo quy định của Nghị định số 86/2024/NĐ-CP ngày 11/07/2024 (“Nghị định 86”), Ngân hàng thực hiện trích lập dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể dựa trên tỷ lệ dự phòng tương ứng với kết quả phân loại nợ và số dư nợ gốc trừ đi giá trị khấu trừ của tài sản bảo đảm đã được chiết khấu. Dự phòng cụ thể được tính dựa trên kết quả phân loại nợ và số dư nợ gốc tại ngày làm việc cuối cùng của tháng. Dự phòng cụ thể được trích lập cho những tổn thất có thể xảy ra đối với từng khoản nợ cụ thể, theo các tỷ lệ tương ứng với từng nhóm như sau:

Phân loại nợ	Tỷ lệ lập dự phòng cụ thể
Nhóm 1 Nợ đủ tiêu chuẩn	0%
Nhóm 2 Nợ cần chú ý	5%
Nhóm 3 Nợ dưới tiêu chuẩn	20%
Nhóm 4 Nợ nghi ngờ	50%
Nhóm 5 Nợ có khả năng mất vốn	100%

Dự phòng cụ thể được tính theo số dư các khoản cho vay từng khách hàng tại ngày làm việc cuối cùng của mỗi tháng trừ đi giá trị khấu trừ của tài sản bảo đảm. Tỷ lệ khấu trừ của tài sản bảo đảm được quy định theo khoản 2 Điều 6 Nghị định 86.

Theo khoản 1 Điều 7 Nghị định 86, dự phòng chung được trích lập để dự phòng cho những tổn thất chưa được xác định trong quá trình phân loại nợ và trích lập dự phòng cụ thể và trong các trường hợp các tổ chức tín dụng gặp khó khăn về tài chính khi chất lượng các khoản nợ suy giảm. Theo đó, Ngân hàng phải thực hiện trích lập và duy trì dự phòng chung bằng 0,75% tổng số dư các khoản nợ từ nhóm 1 đến nhóm 4, trừ các khoản sau đây:

- Tiền gửi tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của pháp luật và tiền gửi tại tổ chức tín

dụng ở nước ngoài;

- Khoản cho vay, mua có kỳ hạn giấy tờ có giá giữa các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam;
- Khoản mua chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác phát hành trong nước;
- Khoản mua bán lại trái phiếu Chính phủ trên thị trường chứng khoán theo quy định của pháp luật về phát hành, đăng ký, lưu ký, niêm yết và giao dịch công cụ nợ của Chính phủ trên thị trường chứng khoán;

- Các khoản nợ khác phát sinh từ hoạt động quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định 86 giữa các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam theo quy định của pháp luật.

Sử dụng dự phòng rủi ro

Dự phòng được ghi nhận như một khoản chi phí trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất và được sử dụng để xử lý các khoản nợ được phân loại vào nhóm 5, khách hàng vay là pháp nhân giải thể, phá sản, cá nhân bị chết hoặc mất tích và để xử lý tổn thất về tài sản đối với khoản nợ theo quy định tại Điều 11 của Nghị định 86/2024/NĐ-CP.

Xử lý rủi ro tín dụng

Kể từ ngày sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro và sau khi thực hiện các biện pháp để thu hồi nợ nhưng không thu hồi được, Ngân hàng được quyết định xuất toán nợ đã xử lý rủi ro ra khỏi ngoại bảng căn cứ vào Điều 12 của Nghị định 86/2024/NĐ-CP.

8. Kế toán các nghiệp vụ kinh doanh và đầu tư chứng khoán

8.1. Nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán:

Chứng khoán kinh doanh là chứng khoán được mua và nắm giữ cho mục đích kinh doanh trong ngắn hạn nhằm thu lợi từ việc chênh lệch giá.

Nguyên tắc ghi nhận giá trị chứng khoán kinh doanh: Chứng khoán kinh doanh ban đầu được ghi nhận theo giá thực tế mua chứng khoán (giá gốc), bao gồm giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có). Sau đó, các chứng khoán này được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá chứng khoán.

Lãi hoặc lỗ từ kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động theo số thuần.

Các chứng khoán không được phép mua bán tự do trên thị trường hoặc không thể xác định được giá trị thị trường thì không được lập dự phòng và phản ánh theo giá gốc.

Thu nhập thu được trong thời gian nắm giữ chứng khoán kinh doanh được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động trên cơ sở thực thu.

8.2. Nghiệp vụ đầu tư chứng khoán

Chứng khoán đầu tư gồm các chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn và các chứng khoán sẵn sàng để bán. Ngân hàng phân loại chứng khoán đầu tư tại thời điểm mua là chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán hoặc chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn. Theo Công văn số 2601/NHNN-TCKT ngày 14 tháng 4 năm 2009 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, đối với khoản mục chứng khoán đầu tư, Ngân hàng được phép phân loại lại tối đa một lần sau khi phân loại lần đầu tại thời điểm mua.

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán là chứng khoán nợ hoặc chứng khoán vốn được giữ trong thời gian không ấn định trước và có thể được bán trong mọi thời điểm.

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn là chứng khoán nợ có kỳ hạn cố định và các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được mà Ngân hàng có ý định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Nguyên tắc ghi nhận giá trị chứng khoán đầu tư: Chứng khoán đầu tư ban đầu được ghi nhận theo giá thực tế mua

chứng khoán (giá gốc), bao gồm giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có). Sau đó, các chứng khoán này được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá chứng khoán.

Các chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá. Dự phòng giảm giá được trích lập khi giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ hoặc khi có dấu hiệu sụt giảm giá trị theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc.

Giá trị phụ trội và giá trị chiết khấu phát sinh từ việc mua các chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động của Ngân hàng theo phương pháp đường thẳng tính từ ngày mua chứng khoán đến ngày đáo hạn của chứng khoán đó.

Thu nhập lãi sau khi mua của chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động trên cơ sở dồn tích.

Các chứng khoán không được phép mua bán tự do trên thị trường hoặc không thể xác định được giá trị thị trường thì không được lập dự phòng và phản ánh theo giá gốc.

Chứng khoán nợ sẵn sàng để bán và chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng các chi phí có liên quan trực tiếp như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau đó, các chứng khoán này được ghi nhận theo giá gốc được phân bổ (chịu tác động của việc phân bổ giá trị chiết khấu và giá trị phụ trội) trừ đi dự phòng rủi ro chứng khoán (bao gồm dự phòng rủi ro tín dụng và dự phòng giảm giá chứng khoán). Giá trị phụ trội và giá trị chiết khấu phát sinh từ việc mua các chứng khoán nợ được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian nắm giữ.

Chứng khoán nợ sẵn sàng để bán đã niêm yết được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá bằng cách tham khảo giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội tại ngày kết thúc năm tài chính. Ngân hàng không thực hiện trích lập dự phòng đối với chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn trừ khi có dấu hiệu về sự giảm giá chứng khoán kéo dài hoặc có bằng chứng chắc chắn là Ngân hàng khó có thể thu hồi đầy đủ khoản đầu tư.

Chứng khoán nợ sẵn sàng để bán và chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn của doanh nghiệp chưa niêm yết được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng rủi ro tín dụng theo quy định của Nghị định 86/2024/NĐ-CP.

Thu nhập thu được trong thời gian nắm giữ chứng khoán kinh doanh được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động trên cơ sở thực thu.

Lãi sau khi mua của chứng khoán nợ sẵn sàng để bán và chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên cơ sở dồn tích. Khoản tiền lãi dồn tích trước khi Ngân hàng mua sẽ được ghi giảm giá gốc khi nhận được.

Chấm dứt ghi nhận chứng khoán đầu tư
Chứng khoán đầu tư được dừng ghi nhận tại ngày khớp lệnh bán đối với chứng khoán niêm yết hoặc Ngân hàng đã chính thức chuyển quyền sở hữu theo quy định của pháp luật đối với chứng khoán chưa niêm yết.

9. Nghiệp vụ đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận khi Ngân hàng nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết và có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động, nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của Công ty đó. Khi Ngân hàng không còn nắm giữ quyền kiểm soát Công ty con thì ghi giảm khoản đầu tư vào công ty con. Các khoản đầu tư vào Công ty con được phản ánh trên báo cáo tài chính theo phương pháp giá gốc.

Phương pháp giá gốc là phương pháp kế toán mà khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó không được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của các nhà đầu tư trong tài sản thuần của bên nhận đầu tư. Báo cáo kết quả hoạt động chỉ phản ánh khoản thu nhập của các nhà đầu tư được phân chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư công ty con được lập khi Ngân hàng xác định được các khoản đầu tư này bị giảm sút giá trị không phải tạm thời và ngoài kế hoạch do kết quả hoạt động của các công ty con đầu tư bị lỗ.

10. Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà Ngân hàng phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình mua sắm
Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng theo phương thức giao thầu, nguyên giá là giá quyết toán công trình đầu tư xây dựng, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ (nếu có).

Tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc gắn liền với quyền sử dụng đất thì giá trị quyền sử dụng đất được xác định riêng biệt và ghi nhận là tài sản cố định vô hình.

11. Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình:

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Ngân hàng phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

Mua tài sản cố định vô hình riêng biệt
Nguyên giá tài sản cố định vô hình mua riêng biệt bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Khi quyền sử dụng đất được mua cùng với nhà cửa, vật kiến trúc trên đất thì giá trị quyền sử dụng đất được xác định riêng biệt và ghi nhận là tài sản cố định vô hình.

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất là số tiền trả khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp từ người khác, chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ..., hoặc giá trị quyền sử dụng đất nhận góp vốn liên doanh.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Ngân hàng đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

12. Phương pháp khấu hao TSCĐ:

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

Nhà xưởng, vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	5 - 15 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 8 năm
Tài sản cố định khác	5 - 10 năm
Tài sản cố định vô hình	3 - 8 năm

Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:
Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao phù hợp với thời hạn trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không tính khấu hao.

13. Kế toán các giao dịch thuê tài sản

Thuê hoạt động: là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

14. Tiền và các khoản tương đương tiền:

Trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ, tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền, kim loại quý, tiền gửi thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước Việt nam, tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn tại TCTD khác có thời hạn không quá 90 ngày kể từ ngày gửi, trái phiếu chính phủ và các giấy tờ có giá ngắn hạn khác đủ điều kiện tái chiết khấu với Ngân hàng Nhà nước, chứng khoán có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền nhất định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị, và được nắm giữ với mục đích đáp ứng các cam kết thanh toán ngắn hạn hơn là để đầu tư hay mục đích khác.

15. Các khoản dự phòng, công nợ tiềm ẩn và tài sản chưa xác định.

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Ngân hàng có một nghĩa vụ hiện tại phát sinh từ các sự kiện đã qua; Có thể đưa đến sự giảm sút những lợi ích kinh tế cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ; Giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Khi có nhiều nghĩa vụ nợ tương tự nhau thì khả năng giảm sút lợi ích kinh tế do việc thanh toán nghĩa vụ nợ được xác định thông qua việc xem xét toàn bộ nhóm nghĩa vụ nói chung. Dự phòng cũng được ghi nhận cho dù khả năng giảm sút lợi ích kinh tế do việc thanh toán từng nghĩa vụ nợ là rất nhỏ.

Dự phòng được tính ở giá trị hiện tại của các khoản chi phí dự tính để thanh toán nghĩa vụ nợ với suất chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá theo thị trường hiện tại về thời giá của tiền tệ và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

Các tài sản có khác được xem xét trích lập dự phòng rủi ro cho các tài sản có nội bảng theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào chi phí hoạt động trong năm.

Đối với các tài sản có quá hạn thanh toán, Ngân hàng áp dụng mức trích lập dự phòng theo thời gian quá hạn theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08/08/2019 và sửa đổi một số điều theo Thông tư số 24/2022/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 07/04/2022 cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra. Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí hoạt động.

16. Kế toán các khoản nghĩa vụ đối với nhân viên

Chi tiền lương, tiền công và các khoản phải trả khác cho người lao động doanh nghiệp hạch toán vào chi phí kinh doanh trong kỳ căn cứ theo chi phí tiền lương phát sinh trong kỳ. Các khoản tiền lương, tiền thưởng cho người lao động căn cứ theo điều kiện được hưởng và mức được hưởng tại một trong các hồ sơ sau: Luật lao động Việt Nam; Hợp đồng lao động; Thỏa ước lao động tập thể; Quy chế tài chính của Ngân hàng, Tập đoàn; Quy chế thưởng do Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Giám đốc quy định theo quy chế tài chính của Ngân hàng, Tập đoàn.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại:

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định gồm tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ kế toán.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (hoặc thu hồi được) tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành theo luật thuế TNDN hiện hành được ghi nhận.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập báo cáo tình hình hoạt động giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản, nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Ngân hàng chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Ngân hàng có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

18. Vốn chủ sở hữu

Vốn điều lệ: được hình thành từ số tiền mà các cổ đông đã góp vốn mua cổ phần, cổ phiếu, hoặc được bổ sung từ lợi nhuận sau thuế theo Nghị Quyết của Đại Hội Đồng cổ đông hoặc theo quy định trong điều lệ hoạt động của Ngân hàng. Nguồn vốn kinh doanh được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Ngân hàng.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu của Ngân hàng đã phát hành và được Ngân hàng mua lại. Khoản tiền đã trả để mua cổ phiếu, bao gồm các chi phí có liên quan trực tiếp, được giảm trừ vào vốn chủ sở hữu đến khi các cổ phiếu quỹ được hủy bỏ hoặc tái phát hành. Số tiền thu do tái phát hành hoặc bán cổ phiếu quỹ trừ đi các chi phí liên quan trực tiếp đến việc tái phát hành hoặc bán cổ phiếu quỹ được tính vào phần vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối.
Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ được căn cứ vào điều lệ của Ngân hàng và được thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

19. Lãi trên cổ phiếu
Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Ngân hàng sau khi trích lập Quỹ khen thưởng và phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

20. Các bên liên quan
Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát ngân hàng hoặc chịu sự kiểm soát của Ngân hàng. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết của Ngân hàng mà có ảnh hưởng đáng kể đối với ngân hàng, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

21. Nguyên tắc trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận
Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Ngân hàng tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Ngân hàng tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Ngân hàng có quy mô trên toàn quốc nên trình bày báo cáo bộ phận chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh, còn báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

1. Tiền mặt, vàng bạc, đá quý

	31/12/2024	31/12/2023
Tiền mặt bằng VND	517,848	637,293
Tiền mặt bằng ngoại tệ	20,562	23,302
Tổng cộng	538,410	660,595

2. Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước

	31/12/2024	31/12/2023
Tiền gửi thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước	4,207,486	6,134,683
Bằng VND	4,202,344	5,642,438
Bằng ngoại tệ	5,142	492,245
Tổng cộng	4,207,486	6,134,683

Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam bao gồm khoản dự trữ bắt buộc và tài khoản tiền gửi thanh toán. Theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về dự trữ bắt buộc, các ngân hàng được phép duy trì một số dư thả nổi tại tài khoản dự trữ bắt buộc. Số dư bình quân dự trữ bắt buộc hàng tháng phải không được thấp hơn tỷ lệ dự trữ bắt buộc nhân với bình quân số dư tiền gửi của tháng trước tại Ngân hàng và được tính bằng 3% số dư bình quân tiền gửi của khách hàng bằng đồng Việt Nam có kỳ hạn dưới một năm và 1% số dư bình quân tiền gửi bằng đồng Việt Nam có kỳ hạn từ một năm trở lên, bằng 8% số dư bình quân tiền gửi của khách hàng bằng ngoại tệ có kỳ hạn dưới một năm và 6% số dư bình quân tiền gửi của khách hàng bằng ngoại tệ có kỳ hạn từ một năm trở lên, bằng 1% số dư bình quân tiền gửi bằng ngoại tệ của Ngân hàng ở nước ngoài.

3. Tiền gửi và cho vay các TCTD khác

3.1. Tiền gửi tại các TCTD khác	31/12/2024	31/12/2023
Tiền gửi không kỳ hạn	3,587,259	428,402
Bằng VND	3,059,725	38,877
Bằng ngoại hối	527,534	389,525
Tiền gửi có kỳ hạn	11,917,345	15,097,150
Bằng VND	9,385,345	11,695,150
Bằng ngoại hối	2,532,000	3,402,000
Cộng	15,504,604	15,525,552
3.2. Cho vay các tổ chức tín dụng khác	31/12/2024	31/12/2023
Cho vay ngắn hạn	-	2,847,950
Bằng VND	-	2,847,950
Cộng	-	2,847,950
Tổng cộng	15,504,604	18,373,502

4. Chứng khoán kinh doanh: không phát sinh.

5. Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác:

	Tổng giá trị của hợp đồng (theo tỷ giá ngày hiệu lực hợp đồng)	Tổng giá trị ghi sổ kế toán (theo tỷ giá tại ngày lập báo cáo)	
		Tài sản	Công nợ
Tại ngày cuối năm			
Công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	2,191,644	-	112,476
- Giao dịch hoán đổi tiền tệ	1,944,849	-	106,071
- Giao dịch kỳ hạn tiền tệ	246,795	-	6,405
Tại ngày đầu năm			
Công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	1,769,140	-	25,404
- Giao dịch hoán đổi tiền tệ	360,190	-	19,990
- Giao dịch kỳ hạn tiền tệ	1,408,950	-	5,414

6. Cho vay khách hàng

	31/12/2024	31/12/2023
Cho vay các tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước	61,431,909	51,783,052
Tổng cộng	61,431,909	51,783,052
6.1. Phân tích chất lượng nợ cho vay	31/12/2024	31/12/2023
Nợ đủ tiêu chuẩn	59,353,660	50,157,776
Nợ cần chú ý	837,674	623,705
Nợ dưới tiêu chuẩn	231,594	229,607
Nợ nghi ngờ	170,332	320,567
Nợ có khả năng mất vốn	838,649	451,397
Tổng cộng	61,431,909	51,783,052
6.2. Phân tích dư nợ theo thời gian	31/12/2024	31/12/2023
Nợ ngắn hạn	38,555,215	30,074,064
Nợ trung hạn	19,621,779	17,963,067
Nợ dài hạn	3,254,915	3,745,921
Tổng cộng	61,431,909	51,783,052

6.3. Phân tích dư nợ cho vay theo đối tượng khách hàng và theo loại hình doanh nghiệp	31/12/2024	31/12/2023
Công ty trách nhiệm hữu hạn khác	42,429,072	33,683,922
Công ty cổ phần	4,909,251	3,561,686
Hộ kinh doanh, cá nhân	14,093,586	14,537,444
Tổng cộng	61,431,909	51,783,052

6.4 Phân tích dư nợ cho vay theo ngành	31/12/2024	31/12/2023
Hoạt động sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tư tiêu dùng của hộ gia đình	3,921,624	4,098,494
Nông nghiệp và lâm nghiệp và thủy sản	4,712,515	3,951,514
Hoạt động dịch vụ khác	12,418,593	25,396,542
Lĩnh vực bất động sản (kinh doanh, tự sử dụng)	9,108,693	2,195,625
Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và động cơ	13,209,112	7,675,614
Xây dựng	17,515,810	8,011,771
Vận tải kho bãi	11,070	180,339
Công nghiệp chế biến, chế tạo	309,705	153,550
Dịch vụ lưu trú và ăn uống	121,637	116,037
Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	28,722	-
Thông tin và truyền thông	3,862	1,600
Giáo dục và đào tạo	30,030	-
Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	3,240	-
Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	3,628	661
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	8,596	745
Khai khoáng	10,196	560
Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	1,782	-
Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	13,094	-
Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải.	61,431,909	51,783,052
Tổng cộng		

6.5. Đối với sự thay đổi (tăng/giảm) của Dự phòng rủi ro tín dụng	31/12/2024	31/12/2023
Năm nay	Dự phòng chung	Dự phòng cụ thể
Số dư đầu năm	364,535	258,698
Dự phòng rủi ro trích lập trong năm /(Hoàn nhập trong năm)	89,915	733,033
Sử dụng dự phòng rủi ro tín dụng trong năm	-	(465,834)
Số dư cuối năm	454,450	525,897

6.6. Đối với sự thay đổi (tăng/giảm) của Dự phòng rủi ro tín dụng	31/12/2024	31/12/2023
Năm trước	Dự phòng chung	Dự phòng cụ thể
Số dư đầu năm	323,385	256,474
Dự phòng rủi ro trích lập trong năm /(Hoàn nhập trong năm)	41,150	376,770
Sử dụng dự phòng rủi ro tín dụng trong năm	-	(374,546)
Số dư cuối năm	364,535	258,698
Chi tiết số dư dự phòng	31/12/2024	31/12/2023
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	980,347	623,233
+ Dự phòng chung	454,450	364,535
+ Dự phòng cụ thể	525,897	258,698
Cộng	980,347	623,233

7. Hoạt động mua nợ: Không phát sinh.

8. Chứng khoán đầu tư

8.1. Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	31/12/2024	31/12/2023
a. Chứng khoán Nợ	1,298,447	796,897
- Chứng khoán Chính phủ	1,298,447	-
- Trái phiếu do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành	-	796,897
b. Dự phòng giảm giá chứng khoán sẵn sàng để bán	-	(6,045)
- Dự phòng chung	-	(6,045)
Cộng	1,298,447	790,852

8.1. Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	31/12/2024	31/12/2023
- Trái phiếu Chính phủ	1,675,515	2,588,098
Cộng	1,675,515	2,588,098
Tổng cộng	2,973,962	3,378,950

(*) Trong trái phiếu Chính phủ có các loại trái phiếu với tổng mệnh giá 75.000 triệu VND được Ngân hàng cầm cố tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam để tham gia nghiệp vụ thị trường mở, hạn mức bù trừ và hạn mức nợ ròng.

9. Góp vốn, đầu tư dài hạn: không phát sinh.

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

10. Tài sản cố định hữu hình

- Tăng giảm tài sản cố định hữu hình năm 2024:

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
Số dư đầu năm	729,096	76,529	145,445	133,213	22,804	1,107,087
- Mua trong năm	-	7,338	-	3,036	101	10,475
- Tăng do ĐTXDCB dở dang	-	-	6,582	48,274	-	54,856
- Thanh lý, nhượng bán	(271)	(475)	-	(221)	-	(967)
Số dư cuối năm	728,825	83,392	152,027	184,302	22,905	1,171,451
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	217,706	47,978	104,531	110,894	14,882	495,991
- Hao mòn trong năm	27,919	5,665	9,368	9,643	740	53,335
- Thanh lý, nhượng bán	(271)	(475)	-	(221)	-	(967)
Số dư cuối năm	245,354	53,168	113,899	120,316	15,622	548,359
Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình						
Số dư đầu năm	511,390	28,551	40,914	22,319	7,922	611,096
Số dư cuối năm	483,471	30,224	38,128	63,986	7,283	623,092

- Tăng giảm tài sản cố định hữu hình năm 2023:

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
Số dư đầu năm	729,020	74,349	137,505	131,962	22,838	1,095,674
- Mua trong năm	-	2,367	-	1,401	-	3,768
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	92	-	7,940	-	-	8,032
- Thanh lý, nhượng bán	(16)	(262)	-	(75)	-	(353)
- Phân loại lại	-	75	-	(75)	(34)	(34)
- Giảm do điều chỉnh	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	729,096	76,529	145,445	133,213	22,804	1,107,087
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	189,340	42,625	94,925	101,197	14,148	442,235
- Hao mòn trong năm	28,382	5,571	9,376	9,667	734	53,730
- Hao mòn trong năm (công ty con)	-	-	230	30	-	260
- Thanh lý, nhượng bán	(16)	(218)	-	-	-	(234)
Số dư cuối năm	217,706	47,978	104,531	110,894	14,882	495,991
Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình						
Số dư đầu năm	539,680	31,724	42,580	30,765	8,690	653,439
Số dư cuối năm	511,390	28,551	40,914	22,319	7,922	611,096

- Các thông tin khác về tài sản cố định hữu hình:

	31/12/2024	31/12/2023
Cam kết mua TSCĐ có giá trị lớn trong tương lai	-	-
Cam kết bán TSCĐ có giá trị lớn trong tương lai	-	-
Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình tạm thời không được sử dụng vào sản xuất kinh doanh	-	-
Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	205,157	151,397
Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đang chờ thanh lý	-	-

11. Tài sản cố định thuê tài chính: Không phát sinh.

12. Tài sản cố định vô hình

- Tăng giảm tài sản cố định vô hình năm 2024:

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ vô hình				
Số dư đầu năm	686,287	148,559	20,014	854,860
- Mua trong năm	-	2,923	-	2,923
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	78,249	-	78,249
- Giảm do điều chỉnh	-	(1,906)	-	(1,906)
Số dư cuối năm	686,287	227,825	20,014	934,126
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	12,323	84,634	16,996	113,953
- Hao mòn trong năm	1,840	24,765	1,699	28,304
Số dư cuối năm	14,163	109,399	18,695	142,257
Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình				
Số dư đầu năm	673,964	63,925	3,018	740,907
Số dư cuối năm	672,124	118,426	1,319	791,869

- Tăng giảm tài sản cố định vô hình năm 2024:

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ vô hình				
Số dư đầu năm	686,287	114,325	20,014	820,626
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	34,234	-	34,234
Số dư cuối năm	686,287	148,559	20,014	854,860
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	10,483	69,798	15,176	95,457
- Hao mòn trong năm	1,840	14,836	1,820	18,496
Số dư cuối năm	12,323	84,634	16,996	113,953
Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình				
Số dư đầu năm	675,804	44,527	4,838	725,169
Số dư cuối năm	673,964	63,925	3,018	740,907

- Các thông tin về tài sản cố định vô hình:

	31/12/2024	31/12/2023
TSCĐ vô hình quan trọng, chiếm tỷ trọng lớn trong tổng tài sản	-	-
Giá trị hợp lý của TSCĐ vô hình do Nhà nước cấp	-	-
Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình đã dùng để thế chấp cho các khoản nợ phải trả	-	-
Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình tạm thời không sử dụng	-	-
Nguyên giá của TSCĐ vô hình khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	64,980	59,507
Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình đang thanh lý	-	-
Chi phí trong giai đoạn nghiên cứu, triển khai	-	-
Giá trị cam kết mua, bán TSCĐ vô hình có giá trị lớn trong tương lai	-	-
Các thay đổi khác	-	-

13. Bất động sản đầu tư: Không phát sinh.

14. Tài sản có khác

	31/12/2024	31/12/2023
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	2,440
2. Mua sắm tài sản cố định	11,145	63,124
3. Các khoản phải thu	5,279,723	3,988,424
4. Các khoản lãi, phí phải thu	1,393,393	1,437,931
5. Tài sản thuế TNDN hoãn lại	-	120
6. Tài sản có khác	500,378	450,315
7. Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác	(99,356)	(29,304)
Tổng cộng	7,085,283	5,913,050

14.1 Chi phí xây dựng cơ bản	31/12/2024	31/12/2023
Trong đó:		
Nhà cửa	-	2,440
Cộng	-	2,440

14.2 Mua sắm tài sản cố định	31/12/2024	31/12/2023
Trong đó:		
Nhà cửa	4,125	4,125
Phần mềm máy vi tính	-	47,608
Máy móc thiết bị	7,020	4,691
Phương tiện vận chuyển	-	6,700
Cộng	11,145	63,124

14.3 Các khoản phải thu	31/12/2024	31/12/2023
- Các khoản phải thu nội bộ	39,320	27,232
Tạm ứng nghiệp vụ	2,273	2,024
Các khoản phải thu khác	37,047	25,208
- Các khoản phải thu bên ngoài	5,240,403	3,961,192
Tạm ứng nộp ngân sách Nhà nước	-	17,464
Kỹ quỹ thuê văn phòng và tạm ứng hợp đồng	33,683	33,704
Thuế giá trị gia tăng đầu vào	586	583
Tiền hỗ trợ lãi suất chờ Nhà nước thanh toán (**)	3,943	3,259
Khoản phải thu từ nghiệp vụ thẻ tín dụng và Banknetvn	1,098,367	973,854
Phải thu từ nghiệp vụ mua hân miễn truy đòi BCT theo thư tín dụng	4,000,000	-
Phải thu khách hàng nghiệp vụ thư tín dụng	-	2,842,357
Ký quỹ tại các tổ chức thanh toán quốc tế	35,903	34,924
Phải thu từ dịch vụ cho thuê kho và văn phòng	3,459	3,315
Các khoản khác	64,462	51,732
Cộng	5,279,723	3,988,424

(**): Thuyết minh tiền hỗ trợ lãi suất chờ Nhà nước thanh toán:

Tiền đã chi cho khách hàng vay hỗ trợ lãi suất	11,696
Các khoản đã nhận tiền hỗ trợ lãi suất	(7,753)
Khoản tiền còn phải thu hỗ trợ chờ nhà nước thanh toán	3,943

14.4 Các khoản lãi, phí phải thu	31/12/2024	31/12/2023
Lãi phải thu từ tiền gửi	28,982	34,662
Lãi phải thu từ đầu tư chứng khoán	22,897	73,681
Lãi phải thu từ hoạt động tín dụng	1,301,275	1,250,909
Lãi phải thu từ các công cụ tài chính phái sinh	40,239	7,064
Phí phải thu	-	71,615
Cộng	1,393,393	1,437,931

14.5 Tài sản thuế TNDN hoãn lại	31/12/2024	31/12/2023
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	-	120
Cộng	-	120

14.6 Tài sản có khác	31/12/2024	31/12/2023
- Chi phí chờ phân bổ	315,602	314,692
- Công cụ và dụng cụ	12,438	8,210
- Tài sản gán nợ đã chuyển quyền sở hữu cho Ngân hàng đang chờ xử lý	117,460	120,953
- Tài sản khác	54,878	6,460
Cộng	500,378	450,315

14.7 Dự phòng rủi ro cho các tài sản có khác	31/12/2024	31/12/2023
- Dự phòng rủi ro tín dụng của tài sản gán nợ	(42,494)	-
- Dự phòng phải thu khó đòi	(56,862)	(29,304)
Cộng	(99,356)	(29,304)

15. Lợi thế thương mại: Không phát sinh.

16. Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước: Không phát sinh.

17. Tiền gửi và vay các TCTD khác

17.1. Tiền gửi của các TCTD khác	31/12/2024	31/12/2023
a. Tiền gửi không kỳ hạn	3,025,715	26,817
- Bằng VND	3,025,715	26,817
- Bằng ngoại tệ	-	-
b. Tiền gửi có kỳ hạn	12,091,570	15,241,450
- Bằng VND	9,382,330	11,207,650
- Bằng và ngoại tệ	2,709,240	4,033,800
Cộng	15,117,285	15,268,267

17.2. Vay các TCTD khác	31/12/2024	31/12/2023
- Bằng VND	7,601	2,849,958
+ Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	-	2,842,357
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch III	7,601	7,601
- Bằng ngoại tệ	661	705
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch III	661	705
Cộng	8,262	2,850,663
Tổng cộng tiền gửi và vay TCTD khác	15,125,547	18,118,930

18. Tiền gửi của khách hàng

- Thuyết minh theo loại tiền gửi	31/12/2024	31/12/2023
Tiền, vàng gửi không kỳ hạn	4,076,479	3,403,885
- Bằng VND	4,068,345	3,391,625
- Bằng vàng và ngoại tệ	8,134	12,260
Tiền, vàng gửi có kỳ hạn	2,043,514	1,889,810
- Bằng VND	2,043,514	1,889,810
- Bằng vàng và ngoại tệ	-	-
Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn	15,189	11,817
- Bằng VND	11,527	8,729
- Bằng ngoại tệ	3,662	3,088
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn	57,376,816	51,582,642
- Bằng VND	57,335,634	51,537,924
- Bằng ngoại tệ	41,182	44,718
Tiền gửi ký quỹ	9,496	9,568
- Bằng VND	9,496	9,568
Tổng cộng	63,521,494	56,897,722

- Thuyết minh theo đối tượng khách hàng, loại hình doanh nghiệp	31/12/2024	31/12/2023
Tiền gửi của TCKT	3,484,625	3,453,819
Công ty TNHH	868,050	542,604
Công ty Cổ phần	1,538,298	1,239,037
Doanh nghiệp tư nhân	1,519	628
Các tổ chức khác	1,076,758	1,671,550
Tiền gửi của cá nhân	60,036,869	53,443,903
Tổng cộng	63,521,494	56,897,722

19. Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro: Không phát sinh

20. Phát hành giấy tờ có giá thông thường:

	31/12/2024	31/12/2023
Chứng chỉ tiền gửi	3,128,457	3,459,091
- Bằng VND	3,128,457	3,459,091
Trái phiếu (**)	800,000	-
- Bằng VND	800,000	-
Tổng cộng	3,928,457	3,459,091

(*) Chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn từ 03 tháng đến 84 tháng, trả lãi định kỳ 6 tháng, 12 tháng hoặc cuối kỳ, lãi suất từ 4,7%/năm đến 9,5%/năm.

(**) Trái phiếu có kỳ hạn 7 năm, trả lãi định kỳ 12 tháng kể từ ngày phát hành, lãi suất bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam kỳ hạn 12 tháng tại ngày xác định lãi suất + biên độ 1,6%/năm.

21. Các khoản lãi, phí phải trả

	31/12/2024	31/12/2023
Lãi phải trả cho tiền gửi	969,428	1,483,547
Lãi phải trả về phát hành các giấy tờ có giá	32,399	48,292
Lãi phải trả cho tiền vay	6	58,779
Lãi phải trả cho các công cụ tài chính phái sinh	221	16,948
Tổng cộng	1,002,054	1,607,566

22. Các khoản phải trả, nợ khác và dự phòng rủi ro khác

	31/12/2024	31/12/2023
Các khoản phải trả nội bộ	431,681	148,786
- Các khoản phải trả cho Cán bộ CNV	266,144	24,283
- Quỹ khen thưởng và phúc lợi phải trả	45,584	6,415
- Các khoản phải trả nội bộ khác	119,953	118,088
Các khoản phải trả bên ngoài	1,449,607	957,545
- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	99,206	41,029
- Chuyển tiền phải trả	3,678	7,347
- Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà Nước	18,166	17,201
- Tiền giữ hộ và đợi thanh toán	8,806	24,397
- Phải trả Banknet và các khoản chờ thanh toán khác	1,024,863	864,555
- Các khoản phải trả bên ngoài khác	294,888	3,016
Tổng cộng	1,881,288	1,106,331

23. Thuế thu nhập hoãn lại: Không phát sinh.

24. Vốn quỹ của Tổ chức tín dụng

24.1. Báo cáo tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

CHỈ TIÊU	Vốn góp chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Quỹ khác	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng
Số dư tại ngày 01/01/2023	3,652,819	(34,200)	-	73,045	3	333,014	1,158,893	5,183,574
Lợi nhuận sau thuế năm 2023	-	-	-	-	-	-	573,984	573,984
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm 2022	-	-	-	27,226	-	54,452	(81,678)	-
Số dư tại ngày 31/12/2023	3,652,819	(34,200)	-	100,271	3	387,466	1,651,199	5,757,558
Số dư tại ngày 01/01/2024	3,652,819	(34,200)	-	100,271	3	387,466	1,651,199	5,757,558
Lợi nhuận sau thuế năm 2024	-	-	-	-	-	-	887,494	887,494
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm 2023	-	-	-	28,699	-	57,399	(86,098)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2023	-	-	-	-	-	-	(40,100)	(40,100)
Số dư tại ngày 31/12/2024	3,652,819	(34,200)	-	128,970	3	444,865	2,412,495	6,604,952

- Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 148 Luật các Tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2024, trích lập quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ 10% lợi nhuận sau thuế, mức tối đa của quỹ này không vượt quá mức vốn điều lệ của tổ chức tín dụng. Quỹ này sẽ được chuyển sang vốn điều lệ khi có sự phê chuẩn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

- Căn cứ khoản 4 Điều 23 Nghị định số 93/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017, trích 10% vào quỹ dự phòng tài chính; số dư tối đa của quỹ này không vượt quá 25% vốn điều lệ hiện có của các tổ chức tín dụng. Quỹ dự phòng tài chính dùng để bù đắp phần còn lại của những tổn thất, thiệt hại về tài sản xảy ra trong quá trình kinh doanh sau khi đã được bù đắp bằng tiền bồi thường của các tổ chức, cá nhân gây ra tổn thất, của tổ chức bảo hiểm và sử dụng dự phòng trích lập trong chi phí.

24.2. Thu nhập trên một cổ phiếu

	Năm 2024	Năm 2023
- Lợi nhuận hoặc lỗ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	887,494	573,984
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
+ Quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-
- Số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản	361,481,878	361,481,878
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/ Cổ phiếu)	2,455	1,588

(*) Tại ngày 31/12/2024, Ngân hàng chưa có kế hoạch phân phối quỹ khen thưởng và phúc lợi cho năm tài chính 2024. Lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ được điều chỉnh lại sau khi có kế hoạch phân phối lợi nhuận được Đại hội đồng Cổ đông của Ngân hàng thông qua.

Tại ngày 31/12/2024, Ngân hàng không có các cổ phiếu có tiềm năng tác động làm suy giảm lãi cơ bản trên cổ phiếu.

24.3 Thuyết minh về các công cụ tài chính phức hợp: không phát sinh.

24.4. Chi tiết vốn đầu tư của TCTD

	31/12/2024		31/12/2023	
	Tổng số	Vốn CP phổ thông	Tổng số	Vốn CP phổ thông
- Vốn góp của các cổ đông	3,652,819	3,652,819	3,652,819	3,652,819
- Cổ phiếu quỹ	(34,200)	(34,200)	(34,200)	(34,200)
Tổng cộng	3,618,619	3,618,619	3,618,619	3,618,619

24.5. Cổ tức

	Năm 2024	Năm 2023
- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán:		
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông:	Chưa công bố	Không chia cổ tức
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi:	-	-
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận:	-	-

24.6. Cổ phiếu

	31/12/2024	31/12/2023
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	365,281,878	365,281,878
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	365,281,878	365,281,878
+ Cổ phiếu phổ thông	365,281,878	365,281,878
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	(3,800,000)	(3,800,000)
+ Cổ phiếu phổ thông	(3,800,000)	(3,800,000)
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	361,481,878	361,481,878
+ Cổ phiếu phổ thông	361,481,878	361,481,878

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/CP.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

25. Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự

	Năm 2024	Năm 2023
Thu nhập lãi tiền gửi	398,727	305,470
Thu nhập lãi cho vay khách hàng	6,231,101	7,142,696
Thu từ lãi kinh doanh, đầu tư chứng khoán nợ	145,477	241,413
Thu từ nghiệp vụ bảo lãnh	57,647	11,430
Thu khác từ hoạt động tín dụng	278,294	78,420
Tổng cộng	7,111,246	7,779,429

26. Chi phí lãi và các khoản chi phí tương tự

	Năm 2024	Năm 2023
Trả lãi tiền gửi	3,297,472	4,967,122
Trả lãi tiền vay	194,697	337,726
Trả lãi phát hành giấy tờ có giá	221,614	96,721
Chi phí hoạt động tín dụng khác	206,237	339,754
Tổng cộng	3,920,020	5,741,323

27. Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động dịch vụ

	Năm 2024	Năm 2023
Thu phí dịch vụ	574,628	556,312
Thu dịch vụ thanh toán	483,655	491,902
Thu từ dịch vụ cho thuê kho và văn phòng	993	990
Thu từ dịch vụ thẩm định tài sản	17,013	10,360
Thu dịch vụ ngân quỹ, ủy thác và đại lý	304	353
Thu dịch vụ kinh doanh bảo hiểm	52,446	36,343
Thu khác về dịch vụ	20,217	16,364
Chi phí từ hoạt động dịch vụ	94,153	43,579
Chi dịch vụ thanh toán	34,391	32,310
Chi phí dịch vụ tư vấn	4,049	3,448
Chi phí bưu phí và mạng viễn thông	45,796	-
Chi khác về dịch vụ	9,917	7,821
Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động dịch vụ	480,475	512,733

28. Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối

	Năm 2024	Năm 2023
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	432,099	300,909
Thu từ kinh doanh ngoại tệ giao ngay	333,936	169,085
Thu từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	98,163	131,824
Chi phí hoạt động kinh doanh ngoại hối	390,090	241,713
Chi về kinh doanh ngoại tệ giao ngay	24,343	17,076
Chi về các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	365,747	224,637
Lãi/ (lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	42,009	59,196

29. Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh (mua bán) chứng khoán kinh doanh: không phát sinh.

30. Lãi/ (lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh (mua bán) chứng khoán đầu tư:

	Năm 2024	Năm 2023
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	27,208	125,698
Chi phí về mua bán chứng khoán đầu tư	(1,600)	(43,169)
Chi phí dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư	-	(79)
Lãi/ lỗ thuần từ hoạt động mua bán chứng khoán đầu tư	25,608	82,450

31. Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần: không phát sinh.

32. Lãi/(lỗ) thuần từ các hoạt động kinh doanh khác

	Năm 2024	Năm 2023
Thu nhập từ hoạt động khác	224,596	95,764
Thu từ bán tài sản gán nợ	1,601	-
Thu nợ khó đòi đã xử lý bằng dự phòng rủi ro	207,123	91,328
Thu hoàn nhập dự phòng rủi ro chứng khoán	6,045	-
Thu từ hoạt động kinh doanh khác	9,827	4,436
Chi phí từ hoạt động khác	7,333	5,845
Chi phí cho hoạt động công tác xã hội	5,329	4,090
Chi phí khác	2,004	1,755
Lãi/(lỗ) thuần từ các hoạt động kinh doanh khác	217,263	89,919

33. Chi phí hoạt động

	Năm 2024	Năm 2023
1. Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	26,385	25,590
2. Chi phí cho nhân viên:	1,323,461	1,023,502
Trong đó:		
Chi lương và phụ cấp	1,168,016	879,468
Các khoản chi đóng góp theo lương	76,665	69,901
Đồng phục và các chi phí liên quan	78,780	74,133
3. Chi về tài sản	259,850	199,696
Trong đó: Khấu hao tài sản cố định	81,638	72,486
4. Chi cho hoạt động quản lý công vụ	257,670	316,115
Trong đó:		
Chi phí quảng cáo tiếp thị, khuyến mãi và vật liệu văn phòng	58,858	98,508
Công tác phí	15,237	14,906
Chi phí điện nước, vệ sinh cơ quan, xăng dầu	45,957	40,066
Chi phí thông tin liên lạc, nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ	30,385	58,846
Chi phí đào tạo	2,561	1,336
Chi phí hội nghị, lễ tân, khánh tiết	80,390	84,177
Chi phí khác	24,282	18,276
5. Chi nộp phí bảo hiểm, bảo toàn tiền gửi của khách hàng	84,157	80,934
6. Chi phí dự phòng (không tính chi phí dự phòng rủi ro tín dụng nội và ngoại bảng; chi phí dự phòng giảm giá chứng khoán)	70,052	-
Tổng cộng	2,021,575	1,645,837

34. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

34.1. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành:

	Năm 2024	Năm 2023
1. Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	224,444	143,478
2. Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	224,444	143,478

34.2. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại:

	Năm 2024	Năm 2023
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	120	1,185
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	120	1,185
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	224,564	144,663

Khoản thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm được tính trên lợi nhuận chịu thuế ước tính trong năm của Ngân hàng và công ty con. Khoản thuế này tùy thuộc vào sự kiểm tra và có thể có sự điều chỉnh của cơ quan thuế.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG MỘT SỐ KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

35. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2024	31/12/2023
Tiền mặt và các khoản tương đương tiền tại quỹ	538,410	660,595
Tiền gửi tại NHNN	4,207,486	6,134,683
Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác (không kỳ hạn và kỳ hạn < 3 tháng)	15,504,604	18,373,502
Tổng cộng	20,250,500	25,168,780

36. Mua mới và thanh lý các công ty con: không phát sinh

VIII. CÁC THÔNG TIN KHÁC

37. Tình hình thu nhập của cán bộ, công nhân viên

	Năm 2024	Năm 2023
I. Tổng số cán bộ, công nhân viên	3,760	3,656
II. Thu nhập của cán bộ, công nhân viên		
1. Tổng quỹ lương	970,477	765,565
2. Tiền thưởng	88,738	156,709
3. Tổng thu nhập	1,059,215	922,274
4. Tiền lương bình quân (triệu đồng/người/tháng)	22	17
5. Thu nhập bình quân (triệu đồng/người/tháng)	23	21

38. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước

Chỉ tiêu	Số dư đầu năm	Phát sinh trong năm		Số dư cuối năm
		Số phải nộp	Số đã nộp	
1. Thuế GTGT	6,306	86,456	85,639	7,123
2. Thuế TNDN	41,029	224,444	166,266	99,207
Thuế TNDN	41,029	224,444	166,266	99,207
Thuế TNDN của ngân hàng	41,029	223,278	165,546	98,761
Thuế TNDN của Công ty con	-	1,166	720	446
3. Các loại thuế khác	10,895	54,695	54,548	11,042
Tổng cộng	58,230	365,595	306,453	117,372

39. Loại hình và giá trị tài sản thế chấp của khách hàng

Loại tài sản đảm bảo	Giá trị đến 31/12/2024	Giá trị đến 31/12/2023
Bất động sản	36,689,741	42,280,536
Máy móc thiết bị	52,487	69,264
Phương tiện vận tải	593,681	757,900
Cổ phiếu phát hành bởi tổ chức tín dụng	15,709	
Cổ phiếu phát hành bởi tổ chức kinh tế	20,219,882	11,458,650
Sổ tiết kiệm, kỳ phiếu và các giấy tờ có giá khác	2,555,675	7,863,485
Tài sản thế chấp khác	109,067,904	41,614,804
Tổng	169,195,079	104,044,639

40. Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn và các cam kết đưa ra

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2023
Bảo lãnh vay vốn	-	-
Cam kết giao dịch ngoại hối	19,422,623	8,878,747
Cam kết mua ngoại tệ	2,126,880	-
Cam kết bán ngoại tệ	708,960	729,000
Cam kết giao dịch hoán đổi	16,586,783	8,149,747
Cam kết trong nghiệp vụ L/C	4,005,233	416
Cam kết thanh toán trong nghiệp vụ L/C	4,006,085	486
Trừ tiền ký quỹ	(852)	(70)
Các cam kết khác	4,129,036	362,814
Bảo lãnh thanh toán	3,599,309	207,121
Bảo lãnh thực hiện hợp đồng	68,058	54,384
Bảo lãnh dự thầu	1,037	475
Cam kết bảo lãnh khác	462,983	103,950
Trừ tiền ký quỹ bảo lãnh	(2,351)	(3,116)
Tổng	27,556,892	9,241,977

Trong quá trình kinh doanh bình thường, Ngân hàng thực hiện nhiều cam kết khác nhau và phát sinh một số khoản nợ tiềm tàng và cam kết nợ tiềm tàng được hạch toán vào ngoại bảng. Ngân hàng dự kiến không bị tổn thất trọng yếu từ các nghiệp vụ này.

41. Cam kết thuê hoạt động

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trong vòng 1 năm	85,176	56,981
Trong vòng 2 đến 5 năm	165,214	160,046
Trên 5 năm	9,397	22,114
Tổng cộng	259,787	239,141

42. Hoạt động ủy thác và đại lý TCTD không chịu rủi ro: Không có.

43. Các hoạt động ngoại bảng khác:

	31/12/2024	31/12/2023
a. Lãi cho vay và phí phải thu chưa thu được		
Lãi cho vay chưa thu được	331,341	237,314
Tổng	331,341	237,314
b. Nợ khó đòi đã xử lý		
Nợ gốc của khoản nợ đã xử lý rủi ro đang trong thời gian theo dõi	1,072,357	740,506
Nợ lãi của khoản nợ đã xử lý rủi ro đang trong thời gian theo dõi	1,513,487	1,277,852
Tổng	2,585,844	2,018,358
c. Tài sản và chứng từ khác		
Tài sản khác giữ hộ	4,118,432	9,629,413
Các chứng từ có giá trị khác đang bảo quản	170,065	927,413
Tổng	4,288,497	10,556,826

Trong quá trình kinh doanh bình thường, Ngân hàng thực hiện nhiều cam kết khác nhau và phát sinh một số khoản nợ tiềm tàng và cam kết nợ tiềm tàng được hạch toán vào ngoại bảng. Ngân hàng dự kiến không bị tổn thất trọng yếu từ các nghiệp vụ này.

44. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Ngân hàng đang thế chấp các giấy tờ có giá tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam với giá trị 75.000 triệu VND (số đầu năm là 75.000 triệu VND). Xem thuyết minh số V.8

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Chi tiết tài sản nhận thế chấp được trình bày tại thuyết minh số VIII.38 Ngân hàng chưa xác định được đầy đủ giá trị hợp lý của các tài sản thế chấp này do chưa có các hướng dẫn cụ thể cũng như chưa có các thông tin thị trường cần thiết.

45. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan với Ngân hàng bao gồm: công ty con, các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Ngân hàng và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ, các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Ngân hàng và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

a. Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập thuần của các thành viên quản lý chủ chốt (Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng) trong năm này là 43.366 triệu VND (năm trước là 46.623 triệu VND).

b. Các nghiệp vụ phát sinh giữa Ngân hàng với các bên liên quan như sau:

	Năm 2024	Năm 2023
Thành viên Hội đồng Quản trị	19,099	21,362
Chi phí lãi tiền gửi	44	261
Thù lao	19,055	21,101
Thành viên Ban Tổng Giám đốc	18,395	19,004
Chi phí lãi tiền gửi	8	12
Tiền lương và thưởng	18,387	18,992
Thành viên Ban Kiểm soát	5,930	6,532
Chi phí lãi tiền gửi	6	2
Thù lao	5,924	6,530
Các công ty và cá nhân có liên quan đến thành viên Hội đồng Quản trị	731	485
Chi phí lãi tiền gửi	731	485
Các công ty và cá nhân có liên quan đến thành viên Ban Tổng Giám đốc	172	809
Chi phí lãi tiền gửi	172	809
Các công ty và cá nhân có liên quan đến thành viên Ban Kiểm soát	69	82
Chi phí lãi tiền gửi	69	82

c. Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan như sau:

Tính chất giao dịch		31/12/2024	31/12/2023
Công nợ phải thu		252	4,458
Thành viên Ban Tổng Giám đốc	Cho vay	89	139
Thành viên Ban Kiểm soát	Cho vay	25	-
Các công ty và cá nhân có liên quan đến thành viên			
Hội đồng Quản trị	Cho vay	109	132
Các công ty và cá nhân có liên quan đến thành viên			
Ban Tổng Giám đốc	Cho vay	28	4,187
Công nợ phải trả			
Thành viên Hội đồng Quản trị	Tiền gửi	4,817	1,212
Thành viên Hội đồng Quản trị	Lãi phải trả	21	10
Thành viên Ban Tổng Giám đốc	Tiền gửi	1,845	1,798
Thành viên Ban Tổng Giám đốc	Lãi phải trả	1	3
Thành viên Ban kiểm soát	Tiền gửi	614	705
Các công ty và cá nhân có liên quan đến thành viên			
Hội đồng Quản trị	Tiền gửi	37,237	111,995
Các công ty và cá nhân có liên quan đến thành viên			
Hội đồng Quản trị	Lãi phải trả	44	178
Các công ty và cá nhân có liên quan đến thành viên			
Ban Tổng Giám đốc	Tiền gửi	15,690	24,907
Các công ty và cá nhân có liên quan đến thành viên			
Ban Tổng Giám đốc	Lãi phải trả	92	118
Các công ty và cá nhân có liên quan đến thành viên			
Ban Kiểm soát	Tiền gửi	1,622	1,300
Các công ty và cá nhân có liên quan đến thành viên			
Ban Kiểm soát	Lãi phải trả	22	23

46. Các sự kiện sau ngày lập bảng cân đối kế toán

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc khẳng định rằng không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính làm ảnh hưởng trọng yếu đến tình hình tài chính của Ngân hàng cần được thuyết minh, công bố trên Báo cáo tài chính.

47. Mức độ tập trung theo khu vực địa lý của các tài sản, công nợ và các khoản mục ngoại bảng

47.1 Mức độ tập trung theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của ngân hàng tham gia vào quá trình cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác. Một khu vực địa lý không bao gồm các hoạt động trong môi trường kinh tế có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt đáng kể. Một khu vực địa lý có thể là một quốc gia, hai hay nhiều quốc gia hoặc một, hai hay nhiều tỉnh, thành phố trong cả nước.

31/12/2024	Tổng tiền gửi và dư nợ cho vay	Tổng tiền gửi của khách hàng	Các cam kết tín dụng	CCTC phải sinh (Tổng giá trị giao dịch theo hợp đồng)	Kinh doanh và đầu tư chứng khoán
Trong nước	81,143,999	82,575,498	8,137,472	2,191,644	2,973,962
Ngoài nước	-	-	-	-	-

31/12/2023	Tổng tiền gửi và dư nợ cho vay	Tổng tiền gửi của khách hàng	Các cam kết tín dụng	CCTC phải sinh (Tổng giá trị giao dịch theo hợp đồng)	Kinh doanh và đầu tư chứng khoán
Trong nước	76,291,237	78,475,743	366,416	1,769,140	3,384,995
Ngoài nước	-	-	-	-	-

47.2 Mức độ tập trung theo ngành nghề kinh doanh

	Năm 2024	Năm 2023
Lợi nhuận kế toán sau thuế theo ngành ngân hàng	882,351	569,618
Lợi nhuận kế toán sau thuế theo ngành dịch vụ thẩm định và các dịch vụ khác	5,143	4,366
Tổng lợi nhuận kế toán sau thuế trên báo cáo tài chính hợp nhất	887,494	573,984

48. Quản lý rủi ro tài chính

Các rủi ro tài chính mà Ngân hàng phải chịu bao gồm rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường và rủi ro hoạt động.

48.1 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Rủi ro tín dụng phát sinh từ hoạt động cho vay và bảo lãnh dưới nhiều hình thức.

Ngân hàng cũng chịu các rủi ro tín dụng khác phát sinh từ các khoản đầu tư vào chứng khoán nợ và các rủi ro khác trong hoạt động giao dịch của Ngân hàng (rủi ro giao dịch), bao gồm các tài sản trên danh mục giao dịch không thuộc vốn chủ sở hữu, các công cụ phái sinh và số dư thanh toán với các đối tác.

Rủi ro tín dụng là rủi ro lớn nhất cho hoạt động kinh doanh của Ngân hàng; do đó Ban lãnh đạo quản lý rủi ro tín dụng cho Ngân hàng một cách rất cẩn trọng. Việc quản lý và kiểm soát rủi ro tín dụng được tập trung vào một bộ phận quản lý rủi ro tín dụng chịu trách nhiệm báo cáo thường xuyên cho Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám Đốc và người đứng đầu mỗi đơn vị kinh doanh.

48.1.1 Đo lường rủi ro tín dụng xác định tổn thất và lập dự phòng

(a) Cho vay và bảo lãnh

Việc đo lường rủi ro tín dụng được thực hiện trước và trong thời gian cho vay.

Ngân hàng đã xây dựng các mô hình hỗ trợ việc định lượng rủi ro tín dụng. Các mô hình xếp hạng và chấm điểm này được sử dụng cho mọi danh mục tín dụng trọng yếu và hình thành cơ sở cho việc đo lường các rủi ro vi phạm thanh toán trước và trong khi cho vay.

Dựa trên việc đo lường trên, Ngân hàng trích lập dự phòng theo Nghị định số 86/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 07 năm 2024 và phân loại các khoản cho vay theo Thông tư số 31/2024/TT-NHNN ngày 30 tháng 06 năm 2024 để đo lường và phân loại các khoản cho vay và bảo lãnh.

(b) Chứng khoán nợ

Các khoản đầu tư của Ngân hàng vào chứng khoán nợ là các công cụ nợ do Chính phủ và các tổ chức tín dụng và kinh tế có uy tín phát hành. Rủi ro tín dụng được ước tính theo từng khoản nợ cụ thể khi Ngân hàng đánh giá có sự thay đổi về rủi ro tín dụng của bên đối tác. Các khoản đầu tư vào các chứng khoán này được xem là cách để đảm bảo hoạch định chất lượng tín dụng tốt hơn và đồng thời duy trì nguồn tín dụng sẵn sàng để đáp ứng yêu cầu cấp vốn.

48.1.2 Các chính sách kiểm soát và giảm thiểu rủi ro tín dụng

Ngân hàng kiểm soát rủi ro tín dụng bằng việc áp dụng các hạn mức đối với các rủi ro (cho cả rủi ro nội bảng và rủi ro ngoại bảng) liên quan đến từng khách hàng vay vốn, hoặc nhóm khách hàng vay vốn theo đúng các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Thêm vào đó, rủi ro tín dụng cũng được kiểm soát thông qua việc rà soát định kỳ các nhóm tài sản thế chấp và phân tích khả năng trả nợ lãi và vốn của các khách hàng vay vốn và các khách hàng tiềm năng.

Ngân hàng có một số các chính sách và cách thức thực hành để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Cách thức truyền thống nhất là cấp tín dụng có tài sản bảo đảm. Các loại tài sản bảo đảm cho các khoản cấp tín dụng gồm có:

- Thế chấp đối với các bất động sản là nhà ở; quyền sử dụng đất.
- Cầm cố với các tài sản hoạt động như máy móc thiết bị, hàng tồn kho, các khoản phải thu;

Đối với các khoản cho vay có bảo đảm, tài sản bảo đảm được định giá một cách độc lập bởi Ngân hàng với việc áp dụng các tỷ lệ chiết khấu cụ thể để xác định giá trị có thể cho vay tối đa. Khi giá trị hợp lý của các tài sản bảo đảm bị giảm, Ngân hàng sẽ yêu cầu khách hàng vay vốn phải thế chấp thêm tài sản để duy trì mức độ an toàn đối với rủi ro của khoản cấp tín dụng.

Rủi ro tín dụng đối với các cam kết chủ yếu bao gồm thư tín dụng và các hợp đồng bảo lãnh tài chính có tính chất tương tự như rủi ro tín dụng đối với các khoản cho vay. Thư tín dụng kèm chứng từ và thư tín dụng thương mại - là các cam kết bằng văn bản của Ngân hàng thay mặt cho khách hàng thanh toán cho bên thứ ba lên đến số tiền quy định theo các điều khoản và điều kiện cụ thể - được đảm bảo bằng chính hàng hóa liên quan và do đó rủi ro thấp hơn so với các khoản cho vay trực tiếp. Việc phát hành thư tín dụng và các hợp đồng bảo lãnh tài chính được thực hiện theo các quy trình đánh giá và phê duyệt tín dụng như đối với các khoản cho vay và tạm ứng cho khách hàng trừ khi khách hàng ký quỹ 100% cho các cam kết có liên quan.

48.2 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường phát sinh từ trạng thái mở của lãi suất, các sản phẩm tiền tệ và công cụ vốn, tất cả các sản phẩm này đều chịu tác động từ biến động trên thị trường nói chung và từng loại thị trường nói riêng và sự thay đổi của mức độ biến động của giá thị trường như: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác.

48.2.1 Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà dòng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính bị biến động do tác động của các thay đổi về lãi suất của thị trường. Ngân hàng quản lý rủi ro lãi suất thông qua việc kiểm soát mức chênh lệch lãi suất theo kỳ hạn hàng tháng.

Bảng dưới đây tóm tắt rủi ro lãi suất của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024:

CHỈ TIÊU	Quá hạn	Không chịu lãi	Đến 1 tháng	Từ 1 đến 3 tháng	Từ 3 đến 6 tháng	Từ 6 đến 12 tháng	Từ 1 đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	538,410	-	-	-	-	-	-	538,410
Tiền gửi tại ngân hàng Nhà nước	-	-	4,207,486	-	-	-	-	-	4,207,486
Tiền, vàng gửi tại và cho vay các TCTD khác (*)	-	-	14,997,374	507,230	-	-	-	-	15,504,604
Cho vay khách hàng (*)	2,078,249	-	4,398,566	8,757,328	9,354,532	17,886,754	16,240,335	2,716,145	61,431,909
Chứng khoán đầu tư (*)	-	-	-	-	-	-	-	2,973,962	2,973,962
Tài sản cố định và Bất động sản đầu tư	-	1,414,961	-	-	-	-	-	-	1,414,961
Tài sản Có khác (*)	57,461	7,127,178	-	-	-	-	-	-	7,184,639
Tổng Tài sản	2,135,710	9,080,549	23,603,426	9,264,558	9,354,532	17,886,754	16,240,335	5,690,107	93,255,971
Nợ phải trả									
Tiền gửi của và vay từ NHNN và các TCTD khác	-	-	14,610,205	507,080	-	-	7,601	661	15,125,547
Tiền gửi của khách hàng	-	-	15,809,468	17,946,934	19,324,417	9,969,385	470,363	927	63,521,494
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	-	112,476	-	-	-	-	-	112,476
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-	-	1,881,256	-	2,047,201	3,928,457
Các khoản nợ khác	-	2,883,342	-	-	-	-	-	-	2,883,342
Tổng Nợ phải trả	-	2,883,342	30,532,149	18,454,014	19,324,417	11,850,641	477,964	2,048,789	85,571,316
Mức chênh lệch nhạy cảm với lãi suất nội bảng	2,135,710	6,197,207	(6,928,723)	(9,189,456)	(9,969,885)	6,036,113	15,762,371	3,641,318	7,684,655
Các cam kết ngoại bảng có tác động tới mức độ nhạy cảm với lãi suất của các tài sản và công nợ (ròng)	-	(8,134,269)	-	-	-	-	-	-	(8,134,269)
Mức chênh lệch nhạy cảm với lãi suất nội, ngoại bảng	2,135,710	(1,937,062)	(6,928,723)	(9,189,456)	(9,969,885)	6,036,113	15,762,371	3,641,318	(449,614)

Bảng dưới đây tóm tắt rủi ro lãi suất của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023:

CHỈ TIÊU	Quá hạn	Không chịu lãi	Đến 1 tháng	Từ 1 đến 3 tháng	Từ 3 đến 6 tháng	Từ 6 đến 12 tháng	Từ 1 đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	660,595	-	-	-	-	-	-	660,595
Tiền gửi tại ngân hàng Nhà nước	-	-	6,134,683	-	-	-	-	-	6,134,683
Tiền, vàng gửi tại và cho vay các TCTD khác (*)	-	-	15,525,552	-	-	2,847,950	-	-	18,373,502
Cho vay khách hàng (*)	1,625,276	-	4,041,883	5,617,345	5,973,525	16,707,617	14,634,360	3,183,046	51,783,052
Chứng khoán đầu tư (*)	-	-	-	-	-	-	796,897	2,588,098	3,384,995
Tài sản cố định và Bất động sản đầu tư	-	1,352,003	-	-	-	-	-	-	1,352,003
Tài sản Có khác (*)	52,977	5,889,377	-	-	-	-	-	-	5,942,354
Tổng Tài sản	1,678,253	7,901,975	25,702,118	5,617,345	5,973,525	19,555,567	15,431,257	5,771,144	87,631,184
Nợ phải trả									
Tiền gửi của và vay từ NHNN và các TCTD khác	-	-	15,268,267	-	-	2,842,357	7,601	705	18,118,930
Tiền gửi của khách hàng	-	-	18,048,583	13,358,547	17,517,925	6,992,183	979,467	1,017	56,897,722
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	-	25,404	-	-	-	-	-	25,404
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	199,200	31,600	-	1,928,100	1,300,191	3,459,091
Các khoản nợ khác	-	2,713,897	-	-	-	-	-	-	2,713,897
Tổng Nợ phải trả	-	2,713,897	33,342,254	13,557,747	17,549,525	9,834,540	2,915,168	1,301,913	81,215,044
Mức chênh lệch nhạy cảm với lãi suất nội bảng	1,678,253	5,188,078	(7,640,136)	(7,940,402)	(11,576,000)	9,721,027	12,516,089	4,469,231	6,416,140
Các cam kết ngoại bảng có tác động tới mức độ nhạy cảm với lãi suất của các tài sản và công nợ (ròng)	-	(363,230)	-	-	-	-	-	-	(363,230)
Mức chênh lệch nhạy cảm với lãi suất nội, ngoại bảng	1,678,253	4,824,848	(7,640,136)	(7,940,402)	(11,576,000)	9,721,027	12,516,089	4,469,231	6,052,910

(*) Khoản mục này không bao gồm số dư dự phòng rủi ro.

48.2.2 Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị biến động xuất phát từ biến động tỷ giá. Ngân hàng được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền sử dụng là đồng Việt Nam. Đồng tiền giao dịch chính của Ngân hàng cũng là đồng Việt Nam. Các khoản cho vay và ứng trước cho khách hàng của Ngân hàng chủ yếu bằng đồng Việt Nam và đô la Mỹ. Tuy nhiên, một số tài sản khác của Ngân hàng bằng ngoại tệ khác đồng Việt Nam và đô la Mỹ. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Ngân hàng đã thiết lập hạn mức trạng thái cho từng loại tiền tệ. Trạng thái đồng tiền được giám sát hàng ngày và chiến lược phòng ngừa rủi ro được Ngân hàng sử dụng để đảm bảo trạng thái đồng tiền được duy trì trong hạn mức đã thiết lập.

Bảng dưới đây trình bày các tài sản và công nợ của Ngân hàng theo loại tiền tệ được quy đổi sang VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2024:

CHỈ TIÊU	EUR được quy đổi	USD được quy đổi	Các ngoại tệ khác được quy đổi	Tổng
Tài sản				
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	1,409	19,063	90	20,562
Tiền gửi tại ngân hàng Nhà nước	-	5,142	-	5,142
Tiền, vàng gửi tại và cho vay các TCTD khác (*)	2,188	3,049,861	7,485	3,059,534
Cho vay khách hàng (*)	-	164,405	-	164,405
Tổng Tài sản	3,597	3,238,471	7,575	3,249,643
Nợ phải trả và Vốn chủ sở hữu				
Tiền gửi của và vay từ NHNN và các TCTD khác	-	2,709,901	-	2,709,901
Tiền gửi của khách hàng	536	52,332	111	52,979
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác (*)	-	(2,304,120)	-	(2,304,120)
Tổng Nợ phải trả và Vốn chủ sở hữu	536	458,113	111	458,760
Trạng thái tiền tệ nội bảng	3,061	2,780,358	7,464	2,790,883
Trạng thái tiền tệ ngoại bảng	-	-	-	-
Trạng thái tiền tệ nội, ngoại bảng	3,061	2,780,358	7,464	2,790,883

Bảng dưới đây trình bày các tài sản và công nợ của Ngân hàng theo loại tiền tệ được quy đổi sang VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2023:

CHỈ TIÊU	EUR được quy đổi	USD được quy đổi	Các ngoại tệ khác được quy đổi	Tổng
Tài sản				
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	2,092	21,036	174	23,302
Tiền gửi tại ngân hàng Nhà nước	-	492,246	-	492,246
Tiền, vàng gửi tại và cho vay các TCTD khác (*)	3,353	3,780,803	7,369	3,791,525
Cho vay khách hàng (*)	-	187,844	-	187,844
Tổng Tài sản	5,445	4,481,929	7,543	4,494,917
Nợ phải trả và Vốn chủ sở hữu				
Tiền gửi của và vay từ NHNN và các TCTD khác	-	4,034,505	-	4,034,505
Tiền gửi của khách hàng	1,067	58,959	41	60,067
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác (*)	-	(1,769,140)	-	(1,769,140)
Tổng Nợ phải trả và Vốn chủ sở hữu	1,067	2,324,324	41	2,325,432
Trạng thái tiền tệ nội bảng	4,378	2,157,605	7,502	2,169,485
Trạng thái tiền tệ ngoại bảng	-	-	-	-
Trạng thái tiền tệ nội, ngoại bảng	4,378	2,157,605	7,502	2,169,485

(*) Khoản mục này không bao gồm số dư dự phòng rủi ro.

48.2.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Ngân hàng không thể thực hiện được nghĩa vụ chi trả liên quan đến công nợ tài chính khi đến hạn và không có nguồn vốn thay thế khi khách hàng rút vốn. Hậu quả có thể dẫn đến việc Ngân hàng không còn khả năng thanh toán đối với người gửi tiền và không thực hiện được các cam kết cho vay. Ngân hàng quản lý rủi ro thông qua:

- Kiểm soát hoạt động huy động vốn và cho vay hàng ngày
- Duy trì danh mục đầu tư bao gồm các chứng khoán dễ dàng chuyển đổi thành tiền mặt
- Kiểm soát các chỉ số thanh khoản dựa trên báo cáo tình hình tài chính đảm bảo tuân thủ theo các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Bảng dưới đây tóm tắt các khoản tài sản và nợ của Ngân hàng theo nhóm kỳ hạn tính từ ngày kết thúc năm tài chính 31/12/2024 đến ngày đáo hạn:

CHỈ TIÊU	Quá hạn		Trong hạn					
	Trên 3 tháng	Đến 3 tháng	Đến 1 tháng	Từ 1 - 3 tháng	Từ 3 - 12 tháng	Từ 1 - 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	-	538,410	-	-	-	-	538,410
Tiền gửi tại ngân hàng Nhà nước	-	-	4,207,486	-	-	-	-	4,207,486
Tiền, vàng gửi tại và cho vay các TCTD khác (*)	-	-	14,997,374	507,230	-	-	-	15,504,604
Chứng khoán kinh doanh (*)	-	-	-	-	-	-	-	-
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác (*)	-	-	-	-	-	-	-	-
Cho vay khách hàng (*)	1,240,575	837,674	4,398,566	8,757,328	27,241,286	16,240,335	2,716,145	61,431,909
Chứng khoán đầu tư (*)	-	-	-	-	-	-	2,973,962	2,973,962
Góp vốn, đầu tư dài hạn (*)	-	-	-	-	-	-	-	-
Tài sản cố định và Bất động sản đầu tư	-	-	603,596	12	4,706	51,943	754,704	1,414,961
Tài sản Có khác (*)	57,461	-	1,393,393	5,733,785	-	-	-	7,184,639
Tổng Tài sản	1,298,036	837,674	26,138,825	14,998,355	27,245,992	16,292,278	6,444,811	93,255,971
Nợ phải trả					-	-	-	
Tiền gửi của và vay từ NHNN và các TCTD khác	-	-	14,610,205	507,080	-	7,601	661	15,125,547
Tiền gửi của khách hàng	-	-	16,287,174	17,469,228	29,293,802	470,363	927	63,521,494
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	-	112,476	-	-	-	-	112,476
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	-	-	-	-	-	-	-	-
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-	1,881,256	-	2,047,201	3,928,457
Các khoản nợ khác	-	-	2,883,342	-	-	-	-	2,883,342
Tổng Nợ phải trả	-	-	33,893,197	17,976,308	31,175,058	477,964	2,048,789	85,571,316
Mức chênh thanh khoản ròng	1,298,036	837,674	(7,754,372)	(2,977,953)	(3,929,066)	15,814,314	4,396,022	7,684,655

Bảng dưới đây tóm tắt các khoản tài sản và nợ của Ngân hàng theo nhóm kỳ hạn tính từ ngày kết thúc năm tài chính 31/12/2023 đến ngày đáo hạn:

CHỈ TIÊU	Quá hạn		Trong hạn					Tổng
	Trên 3 tháng	Đến 3 tháng	Đến 1 tháng	Từ 1 - 3 tháng	Từ 3 - 12 tháng	Từ 1 - 5 năm	Trên 5 năm	
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	-	660,595	-	-	-	-	660,595
Tiền gửi tại ngân hàng Nhà nước	-	-	6,134,683	-	-	-	-	6,134,683
Tiền, vàng gửi tại và cho vay các TCTD khác (*)	-	-	15,525,552	-	2,847,950	-	-	18,373,502
Cho vay khách hàng (*)	1,001,571	623,705	4,041,883	5,617,345	22,681,141	14,634,360	3,183,047	51,783,052
Chứng khoán đầu tư (*)	-	-	-	-	-	796,897	2,588,098	3,384,995
Tài sản cố định và Bất động sản đầu tư	-	-	605,920	10	5,366	66,521	674,186	1,352,003
Tài sản Có khác (*)	52,977	-	1,437,931	4,451,446	-	-	-	5,942,354
Tổng Tài sản	1,054,548	623,705	28,406,564	10,068,801	25,534,457	15,497,778	6,445,331	87,631,184
Nợ phải trả					-	-	-	
Tiền gửi của và vay từ NHNN và các TCTD khác	-	-	15,268,267	-	2,842,357	7,601	705	18,118,930
Tiền gửi của khách hàng	-	-	18,048,584	13,358,546	24,510,109	979,467	1,016	56,897,722
Các công cụ tài chính phải sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	-	25,404	-	-	-	-	25,404
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	199,200	31,600	1,928,100	1,300,191	3,459,091
Các khoản nợ khác	-	-	2,713,897	-	-	-	-	2,713,897
Tổng Nợ phải trả	-	-	36,056,152	13,557,746	27,384,066	2,915,168	1,301,912	81,215,044
Mức chênh thanh khoản ròng	1,054,548	623,705	(7,649,588)	(3,488,945)	(1,849,609)	12,582,610	5,143,419	6,416,140

(*) Khoản mục này không bao gồm số dư dự phòng rủi ro.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

48.3 Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính

Tài sản tài chính	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	538,410	-	660,595	-
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	4,207,486	-	6,134,683	-
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	15,504,604	-	18,373,502	-
Chứng khoán kinh doanh	-	-	-	-
Công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	-	-	-
Cho vay khách hàng	61,431,909	(980,347)	51,783,052	(623,233)
Chứng khoán đầu tư	2,973,962	-	3,384,995	(6,045)
Các khoản lãi, phí phải thu	1,393,393	-	1,437,931	-
Các tài sản có khác	5,791,246	(99,356)	3,934,649	(29,304)
	91,841,010	(1,079,703)	85,709,407	(658,582)

Nợ phải trả tài chính	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền gửi và vay các TCTD khác			15,125,547	18,118,930
Tiền gửi của khách hàng			63,521,494	56,897,722
Phát hành giấy tờ có giá			3,928,457	3,459,091
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác			112,476	25,404
Các khoản lãi, phí phải trả			1,002,054	1,607,566
Các khoản nợ khác			1,332,235	1,017,403
			85,022,263	81,126,116

Giá trị hợp lý

Các tài sản tài chính và công nợ tài chính của Ngân hàng đang được ghi nhận theo nguyên tắc giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá tài sản. Do vậy, giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính và công nợ tài chính của Ngân hàng có thể có các khác biệt đối với giá trị hợp lý của chúng.

Hiện tại, Ngân hàng chưa thực hiện xác định giá trị hợp lý của tất cả các tài sản tài chính và công nợ tài chính của mình. Ngân hàng sẽ thực hiện việc trình bày giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính khi có các hướng dẫn chi tiết của các cơ quan quản lý.

IX. BÁO CÁO BỘ PHẬN

49. Báo cáo bộ phận chính yếu

Thông tin về kết quả hoạt động của bộ phận chính yếu theo khu vực địa lý của Ngân hàng như sau:

Miền Bắc		Miền Trung		Miền Nam		Điều chỉnh		Tổng		
CHỈ TIÊU	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
I. Thu nhập	1,081,059	1,622,984	969,713	1,226,176	6,725,968	6,903,413	(406,962)	(894,539)	8,369,778	8,858,034
1. Thu nhập lãi	875,775	1,253,602	897,240	1,183,902	5,745,193	6,236,464	(406,962)	(894,539)	7,111,246	7,779,429
2. Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	164,981	363,840	37,337	23,276	372,310	169,196	-	-	574,628	556,312
3. Thu nhập từ hoạt động kinh doanh khác	40,303	5,542	35,136	18,998	608,465	497,753	-	-	683,904	522,293
II. Chi phí	613,008	1,063,162	824,700	1,133,437	5,404,026	6,419,407	(406,962)	(894,539)	6,434,772	7,721,467
1. Chi phí lãi	487,975	948,702	626,589	937,131	3,212,418	4,750,029	(406,962)	(894,539)	3,920,020	5,741,323
2. Chi phí khấu hao TSCĐ	831	764	7,374	7,638	73,434	64,084	-	-	81,639	72,486
3. Chi phí liên quan trực tiếp tới hoạt động kinh doanh	124,202	113,696	190,737	188,668	2,118,174	1,605,294	-	-	2,433,113	1,907,658
Kết quả kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	468,051	559,822	145,013	92,739	1,321,942	484,006	-	-	1,935,006	1,136,567
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	69,472	37,592	82,621	141,259	670,855	239,069	-	-	822,948	417,920
Kết quả kinh doanh bộ phận trước thuế	398,579	522,230	62,392	(48,520)	651,087	244,937	-	-	1,112,058	718,647

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận chính yếu theo khu vực địa lý của Ngân hàng như sau:

		Miền Bắc		Miền Trung		Miền Nam		Điều chỉnh		Tổng	
CHỈ TIÊU		Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
I. Tài sản		8,401,477	19,216,008	7,647,444	5,050,489	76,127,347	62,706,105	-	-	92,176,268	86,972,602
1. Tiền mặt		35,016	50,693	83,790	108,259	419,604	501,643			538,410	660,595
2. Tài sản cố định		5,076	2,804	233,737	237,513	1,176,148	1,111,686			1,414,961	1,352,003
3. Tài sản khác		8,361,385	19,162,511	7,329,917	4,704,717	74,531,595	61,092,776			90,222,897	84,960,004
II. Nợ phải trả		8,000,740	8,238,086	13,262,876	10,846,740	64,307,700	62,130,218	-	-	85,571,316	81,215,044
1. Nợ phải trả khách hàng		7,997,982	8,231,911	13,261,199	10,844,097	62,430,847	61,032,705			83,690,028	80,108,713
2. Nợ phải trả khác		2,758	6,175	1,677	2,643	1,876,853	1,097,513			1,881,288	1,106,331

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

50. Báo cáo bộ phận thứ yếu

Ngân hàng có 2 bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: ngân hàng và quản lý nợ và khai thác tài sản. (xem VIII.47.2)

X. THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC:

Ngân hàng có 2 bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: ngân hàng và quản lý nợ và khai thác tài sản. (xem VIII.47.2)

XI. TRÌNH BÀY SỐ LIỆU SO SÁNH ĐẦU NĂM

Số liệu so sánh Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất ngày 01 tháng 01 năm 2024, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh tương ứng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, đã được kiểm toán bởi công ty TNHH Kiểm Toán và Tư Vấn A&C.

Lập bảng

Thị Duyên

Kế toán trưởng

Vũ Đặng Xuân Vinh



Trần Ngọc Minh

06.

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

Đơn vị	Địa chỉ	Điện thoại	Email
HỘI SỞ	Số 40 - 42 - 44 Phạm Hồng Thái, P. Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, T. Kiên Giang	0297. 3869 950	kienlong@kienlongbank.com
KIENLONGBANK HÀ NỘI	Số 198 Trần Hưng Đạo, P. Phan Chu Trinh, Q. Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội	024. 3933 4745	hanoi@kienlongbank.com
KienlongBank Thăng Long	Tầng 1-2-3, Tòa nhà số 90-92 Trung Hòa, P. Trung Hoà, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội	(024) 3627 5755	thanglong.hn@kienlongbank.com
KienlongBank Phạm Hùng	Tầng 1 - Tầng 2 - Tầng 6, Dự án Sunshine Center, số 16 Phạm Hùng, P. Mỹ Đình 2, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội	024. 3514 8767	phamhung.hn@kienlongbank.com
KienlongBank Ba Đình	Số 17 Phố Hàng Bún, P. Nguyễn Trung Trực, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội	024. 3927 4816	badinh.hn@kienlongbank.com
KienlongBank Đống Đa	Tầng 1 - Tầng 2, Tòa S5-6, Dự án Sunshine City Hà Nội, Khu đô thị Nam Thăng Long, P. Đống Ngạc và P. Xuân Đình, Q. Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội	024. 3259 5545	dongda.hn@kienlongbank.com
KIENLONGBANK HẢI PHÒNG	Tầng 1-2-3, Tòa nhà HT Building, Thửa 08A, lô 30A Khu đô thị mới Ngã 5 Sân bay Cát Bi, P. Lạc Viên, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng	0225. 361 1245	haiphong@kienlongbank.com
KienlongBank Lạch Tray	Số 227 Lạch Tray, P. Đằng Giang, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng	0225. 384 5968	lachtray.hp@kienlongbank.com
KienlongBank Tô Hiệu	87 Tô Hiệu, P. Trại Cau, Q. Lê Chân, TP. Hải Phòng	(0225) 356 8406	ngoquyen.hp@kienlongbank.com
KienlongBank Trần Nguyên Hãn	Số 167E Trần Nguyên Hãn, P. Trần Nguyên Hãn, Q. Lê Chân, TP. Hải Phòng	0225. 371 9358	trannguyenh.hn @kienlongbank.com
KienlongBank Kiến An	Số 25 Trần Nhân Tông, P. Quận Trữ, Q. Kiến An, TP. Hải Phòng	0225. 354 5959	kienan.hp@kienlongbank.com
KIENLONGBANK ĐÀ NẴNG	Số 158-160 Nguyễn Văn Linh, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng	0236. 625 8989	danang@kienlongbank.com
KienlongBank Sông Hàn	477 Điện Biên Phủ, P.Hòa Khê, Q.Thanh Khê, TP.Đà Nẵng	0236. 364 7976	songhan.dn@kienlongbank.com
KienlongBank Hải Châu	51 Lê Duẩn, P. Hải Châu 1, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng	0236. 730 8968	haichau.dn@kienlongbank.com
KienlongBank Ngũ Hành Sơn	Số 531, Lê Văn Hiến, P. Khuê Mỹ, Q. Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng	0236. 710 9756	nguhanhson.dn@kienlongbank.com
KIENLONGBANK QUẢNG NAM	Số 163 Trần Nhân Tông, P. Vĩnh Điện, TX. Điện Bàn, T. Quảng Nam	0235. 366 6499	quangnam@kienlongbank.com
KIENLONGBANK BÌNH ĐỊNH	Số 98 Phạm Hùng, P. Lý Thường Kiệt, TP. Quy Nhơn, T. Bình Định	0256. 382 5566	binhdinh@kienlongbank.com
KienlongBank An Nhơn	Số 254 Ngô Gia Tự, P. Bình Định, TX. An Nhơn, T. Bình Định	0256. 363 5356	annhon.bdi@kienlongbank.com
KienlongBank Tam Quan	Số 327-329 Quốc lộ 1A, TT. Tam Quan, H. Hoài Nhơn, T. Bình Định	0256. 356 5566	tamquan.bdi@kienlongbank.com
KIENLONGBANK PHÚ YÊN	Số 97 Nguyễn Trãi, P.4, TP. Tuy Hòa, T. Phú Yên	0257. 382 9393	phuyen@kienlongbank.com
KienlongBank Sông Cầu	Số 08 Nguyễn Huệ, P. Xuân Phú, TX. Sông Cầu, T. Phú Yên	0257. 369 9699	songcau.py@kienlongbank.com
KienlongBank Sơn Hòa	Số 173 Trần Phú, TT. Củng Sơn, H. Sơn Hòa, T. Phú Yên	0257. 386 4864	sonhoa.py@kienlongbank.com
KienlongBank Tuy An	Số 30 Lê Thành Phương, TT. Chí Thạnh, H. Tuy An, T. Phú Yên	0257. 386 6679	tuyan.py@kienlongbank.com
KIENLONGBANK KHÁNH HÒA	Số 54A Yersin, P. Phương Sài, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa	0258. 356 3446	khanhhoa@kienlongbank.com
KienlongBankh Điện Khánh	Số 140 Lạc Long Quân, TT. Điện Khánh, H. Điện Khánh, T. Khánh Hòa	0258. 375 3111	dienkhanh.kh@kienlongbank.com
KienlongBank Vĩnh Hải	Số 420 đường 2/4, P. Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa	0258. 354 1133	vinhhai.kh@kienlongbank.com
KienlongBank Ninh Hoà	Số 523A Trần Quý Cáp, P. Ninh Hiệp, TX. Ninh Hòa, T.Khánh Hòa	0258. 363 5863	ninhhoa.kh@kienlongbank.com
KienlongBank Cam Ranh	Số 72-74 đường 22/8, P. Cam Thuận, TP. Cam Ranh, T. Khánh Hòa	0258. 395 6767	camranh.kh@kienlongbank.com
KienlongBank Bình Tân	Số 260 Đà Tượng, P. Vĩnh Nguyên, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa	0258. 388 3777	binhtan.kh@kienlongbank.com
KienlongBank Vạn Ninh	Số 260 - 270 Hùng Vương, TT. Vạn Giã, H. Vạn Ninh, T. Khánh Hòa	0258 391 3891	vanninh.kh@kienlongbank.com
KIENLONGBANK ĐẮK LẮK	Số 146 Hoàng Diệu, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk	0262. 384 3236	daklak@kienlongbank.com
KienlongBank Tân Lập	Đường 10/3, Thôn 2, X. Cư Ebur, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk	0262. 387 5353	tanlap.di@kienlongbank.com
KienlongBank Cư Kuin	Đội 4 Quốc lộ 27, Buôn Eakmar, X. Ea Bhoik, H. Cư Kuin, T. Đắk Lắk	0262. 365 5666	cukuin.di@kienlongbank.com
KienlongBank Buôn Hồ	Số 498 - 500 Hùng Vương, P. An Bình, TX. Buôn Hồ, T. Đắk Lắk	0262. 355 5536	buonho.di@kienlongbank.com

Đơn vị	Địa chỉ	Điện thoại	Email
KIENLONGBANK LÂM ĐỒNG	Số 394 Quốc lộ 20, TT. Liên Nghĩa, H. Đức Trọng, T. Lâm Đồng	0263. 366 8833	lamdong@kienlongbank.com
KIENLONGBANK BÌNH THUẬN	Lô 55-Lô 56 , đường Tôn Đức Thắng, P. Xuân An, TP. Phan Thiết, T. Bình Thuận	0252. 373 0888	binhthuan@kienlongbank.com
KienlongBank Lagi	Số 168 Lê Lợi, P. Phước Hội, TX. La Gi, T. Bình Thuận	0252. 373 0891	lagi.bth@kienlongbank.com
KienlongBank Hàm Tiến	Số 283 Huỳnh Thúc Kháng, P. Mũi Né, TP. Phan Thiết, T.Bình Thuận	0252. 373 0894	hamtien.bth@kienlongbank.com
KienlongBank Bắc Bình	Số 8, đường 18 tháng 4, TT. Chợ Lầu, H. Bắc Bình, T. Bình Thuận	0252. 373 0899	bacbinh.bth@kienlongbank.com
KIENLONGBANK ĐỒNG NAI	Số 184 Hà Huy Giáp, Kp. 1, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, T. Đồng Nai	0251. 391 8606	dongnai@kienlongbank.com
KienlongBank Long Khánh	Số 302-304 đường Hùng Vương, P. Xuân Bình, TP. Long Khánh, T. Đồng Nai	0251. 387 9998	longkhanh.dna@kienlongbank.com
KienlongBank Long Thành	111 đường Lê Duẩn, X. Long Đức, H. Long Thành, T. Đồng Nai	0251. 352 9029	longthanh.dna@kienlongbank.com
KIENLONGBANK BÀ RỊA - VŨNG TÀU	Số 26A-28-30 Cách Mạng Tháng Tám, KP. Hương Tân, P. Long Hương, TP. Bà Rịa, T. Bà Rịa - Vũng Tàu	0254. 373 7989	bariavungtau@kienlongbank.com
KienlongBank Phú Mỹ	Số 298 Độc Lập, P. Phú Mỹ, TX. Phú Mỹ, T. Bà Rịa - Vũng Tàu	0254. 389 8188	phumy.brvt@kienlongbank.com
KienlongBank Vũng Tàu	Số 234 Lê Hồng Phong, P.4, TP. Vũng Tàu, T. Bà Rịa - Vũng Tàu	0254. 362 1621	vungtau.brvt@kienlongbank.com
KienlongBank Long Điền	Số 141 Võ Thị Sáu, TT. Long Hải, H. Long Điền, T. Bà Rịa - Vũng Tàu	0254. 386 8687	longdien.brvt@kienlongbank.com
KIENLONGBANK BÌNH DƯƠNG	Số 242 Yersin, P. Phú Cường, TP. Thủ Dầu Một, T. Bình Dương	0274. 387 2742	binhduong@kienlongbank.com
KienlongBank Lái Thiêu	Số A62 Nguyễn Văn Tiết, KP. Đồng Tư, P. Lái Thiêu, TP. Thuận An, T. Bình Dương	0274. 379 7273	laithieu.bd@kienlongbank.com
KienlongBank Bến Cát	Số 304 Hùng Vương, Tổ 14, KP. 1, P. Mỹ Phước, TX. Bến Cát, T. Bình Dương	0274. 355 7557	bencat.bd@kienlongbank.com
KienlongBank Dĩ An	Số 9/19 KP. Bình Minh I, TP. Dĩ An, T. Bình Dương	0274. 377 5757	dian.bd@kienlongbank.com
KIENLONGBANK TÂY NINH	Số 683 Cách Mạng Tháng Tám, KP.2, P.3, TP. Tây Ninh, T. Tây Ninh	0276. 388 6633	tayninh@kienlongbank.com
KienlongBank Trảng Bàng	Số 18 - 19 Quốc lộ 22, KP. Lộc An, P. Trảng Bàng, TX. Trảng Bàng, T. Tây Ninh	0276. 3883366	trangbang.tn@kienlongbank.com
KienlongBank Châu Thành	Số 1088 Hoàng Lê Kha, KP. 1, TT. Châu Thành, H. Châu Thành, T. Tây Ninh	0276. 3877977	chauthanh.tn@kienlongbank.com
KIENLONGBANK SÀI GÒN	Số 98 - 108A Cách Mạng Tháng 8, P.7, Q.3, TP. HCM	028. 3933 3393	saigon@kienlongbank.com
KIENLONGBANK NHÀ BÈ	Số 19 Lô B2, Phần khu 18A, đường Nguyễn Hữu Thọ, X. Phước Kiển, H. Nhà Bè, TP. HCM	028. 3620 1430	nhabe.hcm@kienlongbank.com
KIENLONGBANK CẦN GIỜ	312 Rừng Sác, Ấp Bình Thuận, X. Bình Khánh, H. Cần Giở, TP. HCM	028. 3874 2019	cangio@kienlongbank.com
KienlongBank Bình Tây	Số 34A Hậu Giang, P. 2, Q. 6, TP. HCM	028. 3969 0245	binhtay.hcm@kienlongbank.com
KienlongBank An Lạc	Số 279 - 281 Kinh Dương Vương, P. An Lạc, Q. Bình Tân, TP. HCM	028. 6266 0936	anlac.hcm@kienlongbank.com
KienlongBank Đầm Sen	Số 870 Lạc Long Quân, P. 8, Q. Tân Bình, TP. HCM	028. 3974 1619	damsen.hcm@kienlongbank.com
KienlongBank Gò Vấp	Số 366A13 - 366A14 Phan Văn Trị, P. 5, Q. Gò Vấp, TP. HCM	028. 2253 2765	govap.hcm@kienlongbank.com
KienlongBank Ngô Gia Tự	Số 93 Ngô Gia Tự, P. 2, Q. 10, TP. HCM	028. 3833 8361	ngogiatu.hcm@kienlongbank.com
KienlongBank Quận 7	Tòa nhà S1, Sunshine City Sài Gòn, số 23 Phú Thuận, KP3, P. Phú Nhuận, Q. 7, TP. HCM	028. 3775 2004	quan7.hcm@kienlongbank.com
KienlongBank Phú Nhuận	Số 117 - 119 Nguyễn Văn Trỗi, P. 11, Q. Phú Nhuận, TP. HCM	028. 3845 5668	phunhuan.hcm@kienlongbank.com
KienlongBank Quận 12	Số 166 Nguyễn Ảnh Thủ, Ấp Đồng, X. Thới Tam Thôn, H. Hóc Môn, TP. HCM	028. 3718 5557	quan12.hcm@kienlongbank.com
KienlongBank Bà Chiểu	Số 25K Phan Đăng Lưu, P.3, Q. Bình Thạnh, TP. HCM	028. 3551 1191	bachieu.hcm@kienlongbank.com
KienlongBank Tân Sơn Nhì	Số 65 Tân Sơn Nhì, P. Tân Sơn Nhì, Q. Tân Phú, TP. HCM	028. 3810 3947	tansonnhi.hcm@kienlongbank.com
KienlongBank Thủ Đức	Số 1168 Kha Vạn Cân, KP. 1, P. Linh Chiểu, TP. Thủ Đức	028. 3720 5623	thuduc.hcm@kienlongbank.com
KienlongBank Tùng Thiện Vương	Số 344 Tùng Thiện Vương, P. 13, Q. 8, TP. HCM	028. 3951 6447	tungthienvuong.hcm@kienlongbank.com
KienlongBank Quận 11	267 Lý Thường Kiệt, P.15, Quận 11, TP. HCM	(028) 3969 0245	quan11.hcm@kienlongbank.com
KIENLONGBANK LONG AN	Đường số 1, KCN Thuận Đạo, TT. Bến Lức, H. Bến Lức, T. Long An	0272. 356 7072	longan@kienlongbank.com
KienlongBank Tân An	46 - 48 Hùng Vương nối dài, P. 1, TP. Tân An, T. Long An	0272. 7303 968	tanan.la@kienlongbank.com
KienlongBank Đức Hòa	Số 159 - 161 đường Tỉnh lộ 824, tổ 3, Ấp Bình Tả 1, X. Đức Hòa Hạ, H. Đức Hòa, T. Long An	0272. 376 8806	duchos.la@kienlongbank.com
KienlongBank Cần Giuộc	Số 72A, Quốc lộ 50, Ấp Thuận Đông, X. Thuận Thành, H. Cần Giuộc, T. Long An	0272. 373 2288	cangiuoc.la@kienlongbank.com

Đơn vị	Địa chỉ	Điện thoại	Email
KIENLONGBANK TIỀN GIANG	Số 300-302-304-306-308 Hùng Vương, Xã Đạo Thạnh, TP. Mỹ Tho, T. Tiền Giang	0273. 397 2222	tiengiang@kienlongbank.com
KienlongBank Cai Lậy	Số 19 Tỉnh lộ 868, Khu 1, P. 1, TX. Cai Lậy, T. Tiền Giang	0273. 377 2222	cailay.tg@kienlongbank.com
KienlongBank Gò Công	5 Nguyễn Tri Phương, Khu Phố 1, Phường 2, TP.Gò Công, T. Tiền Giang	0273. 3511 666	gocong.tg@kienlongbank.com
KienlongBank Cai Bè	Số 326A, Kp. 3, TT. Cai Bè, H. Cai Bè, T. Tiền Giang	0273. 392 3458	caibe.tg@kienlongbank.com
KIENLONGBANK BẾN TRE	517 Đại lộ Đồng Khởi, P. Phú Khương, TP. Bến Tre, T. Bến Tre	0275. 356 1268	bentre@kienlongbank.com
KienlongBank Bình Đại	Số 60 đường 30/4, KP. 1, TT. Bình Đại, H. Bình Đại, T. Bến Tre	0275. 374 2555	binhdai.bt@kienlongbank.com
KienlongBank Ba Tri	Số 4A Trương Định, KP. 2, TT. Ba Tri, H. Ba Tri, T. Bến Tre	0275. 376 3888	batri.bt@kienlongbank.com
KienlongBank Mỏ Cày Nam	Khu phố 7, TT. Mỏ Cày, H. Mỏ Cày Nam, T. Bến Tre	0275. 366 2888	mocaynam.bt@kienlongbank.com
KIENLONGBANK VĨNH LONG	Số 1K-1H đường 30/4, P.1, TP. Vĩnh Long, T. Vĩnh Long	0270. 385 3337	vinhlong@kienlongbank.com
KienlongBank Bình Minh	Số 114 Ngô Quyền, Khóm 1, P. Cái Vồn, TX. Bình Minh, T. Vĩnh Long	0270. 374 1737	binhminh.vl@kienlongbank.com
KienlongBank Trà Ôn	Số 11 đường Lê Văn Duyệt, Khu 2, TT. Trà Ôn, H. Trà Ôn, T. Vĩnh Long	0270. 377 2979	traon.vl@kienlongbank.com
KienlongBank Vũng Liêm	Số 178 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, TT. Vũng Liêm, H. Vũng Liêm, T. Vĩnh Long	0270. 397 1999	vungliem.vl@kienlongbank.com
KIENLONGBANK TRÀ VINH	Số 67 Lý Thường Kiệt, P. 3, TP. Trà Vinh, T. Trà Vinh	0294. 385 3999	travinh@kienlongbank.com
KienlongBank Duyên Hải	Căn nhà số 2, dãy 4, căn số 10, Khóm 1, P. 1, TX. Duyên Hải, T. Trà Vinh	0294. 383 3444	duyenhai.tv@kienlongbank.com
KienlongBank Tiểu Cần	Số 125A Quốc lộ 60 Khóm 2, TT. Tiểu Cần, H. Tiểu Cần, T. Trà Vinh	0294. 361 4555	tiēcuan.tv@kienlongbank.com
KienlongBank Càng Long	Số 268 Quốc lộ 53, Khóm 3, TT. Càng Long, H. Càng Long, T. Trà Vinh	0294. 388 5777	canglong.tv@kienlongbank.com
KIENLONGBANK ĐỒNG THÁP	Số 30 Lý Thường Kiệt, P. 1, TP. Cao Lãnh, T. Đồng Tháp	0277. 387 6401	dongthap@kienlongbank.com
KienlongBank Hồng Ngự	Số 38 - 40 Hùng Vương, P. An Thạnh, TP. Hồng Ngự, T. Đồng Tháp	0277. 356 3801	hongngu.dt@kienlongbank.com
KienlongBank Sa Đéc	Số A22 Hùng Vương, P. 2, TP. Sa Đéc, T. Đồng Tháp	0277. 377 5555	sadec.dt@kienlongbank.com
KienlongBank Tháp Mười	Số 16/D Nguyễn Văn Tre, Khóm 4, TT. Mỹ An, H. Tháp Mười, T. Đồng Tháp	0277. 361 5666	thapmui.dt@kienlongbank.com
KIENLONGBANK CẦN THƠ	S38 - 40 Đại Lộ Hòa Bình, P. Thới Bình, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ	0292. 3817 112	cantho@kienlongbank.com
KienlongBank Cái Răng	Số 161/38 Quốc lộ 1, P. Lê Bình, Q. Cái Răng, TP. Cần Thơ	0292. 391 0993	cairang.ct@kienlongbank.com
KienlongBank Thốt Nốt	Số 477 tổ 24, KV. Phụng Thạnh 1, P. Thốt Nốt, Q. Thốt Nốt, TP. Cần Thơ	0292. 361 2100	thotnot.ct@kienlongbank.com
KienlongBank Ô Môn	Số 969B/5, KV. 4, P. Châu Văn Liêm, Q. Ô Môn, TP. Cần Thơ	0292. 366 5657	omon.ct@kienlongbank.com
KienlongBank Vĩnh Thạnh	Số 71 QL. 80, Ấp Vĩnh Quới, TT. Vĩnh Thạnh, TP. Cần Thơ	0292. 364 1992	vinhthanh.ct@kienlongbank.com
KienlongBank Bình Thủy	Số 77 CMT8, P. An Thới, Q. Bình Thủy, TP. Cần Thơ	0292. 388 1841	binhthuy.ct@kienlongbank.com
KIENLONGBANK RẠCH GIÁ	Số 40-42-44 Phạm Hồng Thái, P. Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, T. Kiên Giang	0297. 386 9950	rachgia@kienlongbank.com
KienlongBank Bến Nhứt	Ngã ba Bến Nhứt, X. Long Thạnh, H. Giồng Riềng, T. Kiên Giang	0297. 382 2690	bennhut.kg@kienlongbank.com
KienlongBank Số 02	Số 171, KP. Kinh B, TT. Tân Hiệp, H. Tân Hiệp, T. Kiên Giang	0297. 371 7273	kinhb.kg@kienlongbank.com
KienlongBank Số 03	Số 28 đường 30/4, TT. Giồng Riềng, H. Giồng Riềng, T. Kiên Giang	0297. 382 1476	giongrieng.kg@kienlongbank.com
KienlongBank Số 04	Số 349 Quốc lộ 80, TT. Kiên Lương, H. Kiên Lương, T. Kiên Giang	0297. 385 6368	kienluong.kg@kienlongbank.com
KienlongBank Rạch Sỏi	Số 1A Cách mạng tháng 8, P. Vĩnh Lợi, TP. Rạch Giá, T. Kiên Giang	0297. 391 2468	rachsoi.kg@kienlongbank.com
KienlongBank Kinh B	Số 147, Ấp Đồng Thành, X. Thạnh Đông A, H. Tân Hiệp, T. Kiên Giang	0297. 373 0900	kinhb.kg@kienlongbank.com
KienlongBank Hà Tiên	Số 171 Mạc Thiên Tích, P. Bình San, TP. Hà Tiên, T. Kiên Giang	0297. 395 2810	hatien.kg@kienlongbank.com
KienlongBank Tân Hiệp	Số 29 KP. B, TT. Tân Hiệp, H. Tân Hiệp, T. Kiên Giang	0297. 372 7268	tanhiiep.kg@kienlongbank.com
KienlongBank Vĩnh Thuận	Số 942 Vĩnh Phước 2, TT. Vĩnh Thuận, H. Vĩnh Thuận, T. Kiên Giang	0297. 358 0460	vinhthuan.kg@kienlongbank.com
KienlongBank An Biên	Số 135 QL. 63, Kp. 3, TT. Thới 3, H. An Biên, T. Kiên Giang	0297. 351 0858	anbien.kg@kienlongbank.com
KienlongBank Gò Quao	Số 65, đường 3/2, KP. Phước Trung 2, TT. Gò Quao, H. Gò Quao, T. Kiên Giang	0297. 366 0977	goquao.kg@kienlongbank.com
KienlongBank Hòn Đất	Số 32 Tổ 8, KP. Trí Tôn, TT. Hòn Đất, H. Hòn Đất, T. Kiên Giang	0297. 378 6898	hondat.kg@kienlongbank.com
KienlongBank Tân Thành	Số 358 Ấp Tân Tiến, X. Tân Thành, H. Tân Hiệp, T. Kiên Giang	0297. 373 7148	tanthanh.kg@kienlongbank.com
KienlongBank An Minh	Khu phố 3, TT. Thới 11, H. An Minh, T. Kiên Giang	0297. 394 5599	anminh.kg@kienlongbank.com
KIENLONGBANK PHÚ QUỐC	Số 139 đường 30/4, KP. 1, P. Dương Đông, TP. Phú Quốc, T. Kiên Giang	0297. 384 8621	phuquoc@kienlongbank.com
KienlongBank An Thới	Số 109 Nguyễn Văn Cừ, KP. 3, P. An Thới, TP. Phú Quốc, T. Kiên Giang	0297. 399 9993	anthoi.kg@kienlongbank.com

Đơn vị	Địa chỉ	Điện thoại	Email
KIENLONGBANK AN GIANG	Số Lô 21, 22A2 Lý Thái Tổ, K.3, P. Mỹ Long, TP. Long Xuyên, T. An Giang	0296. 394 0945	angiang@kienlongbank.com
KienlongBank Châu Đốc	Số 26 Phan Văn Vãng, Khóm Châu Quới 3, P. Châu Phú B, TP. Châu Đốc, T. An Giang	0296. 356 6338	chaudoc.ag@kienlongbank.com
KienlongBank Tân Châu	Số 30 Nguyễn Văn Linh, P. Long Thành, TX. Tân Châu, T. An Giang	0296. 359 6027	tanchau.ag@kienlongbank.com
KienlongBank Thoại Sơn	Số 311 Nguyễn Huệ, TT. Núi Sập, H. Thoại Sơn, T. An Giang	0296. 625 9149	thoaison.ag@kienlongbank.com
KIENLONGBANK HẬU GIANG	Số 44 đường 1/5, P.1, TP. Vị Thanh, T. Hậu Giang	0293. 358 2277	haugiang@kienlongbank.com
KienlongBank Long Mỹ	Số 44N Cách Mạng Tháng 8, KV. 2, P. Thuận An, TX. Long Mỹ, T. Hậu Giang	0293. 351 1868	longmy.hg@kienlongbank.com
KienlongBank Phụng Hiệp	Số 639 Quốc lộ 1A, Ấp Tân Phú A, TT. Cái Tắc, H. Châu Thành A, T. Hậu Giang	0293. 393 6678	phunghiiep.hg@kienlongbank.com
KienlongBank Ngã Bảy	Số 29 Nguyễn Thị Minh Khai, P. Ngã Bảy, TP. Ngã Bảy, T. Hậu Giang	0293. 396 3678	ngabay.hg@kienlongbank.com
KIENLONGBANK SÓC TRĂNG	Số 193 - 197 Trần Hưng Đạo, P.3, TP. Sóc Trăng, T. Sóc Trăng	0299. 364 5668	soctrang@kienlongbank.com
KienlongBank Vĩnh Châu	Số 45D Nguyễn Huệ, P. 1, TX. Vĩnh Châu, T. Sóc Trăng	0299. 388 8688	vinhchau.st@kienlongbank.com
KienlongBank Thạnh Trị	Số 333 Quốc lộ 1A, TT. Phú Lộc, H. Thạnh Trị, T. Sóc Trăng	0299. 381 8838	thanhtri.st@kienlongbank.com
KienlongBank Trà Quýt	Số 123 ấp Trà Quýt A, TT. Châu Thành, H. Châu Thành, T. Sóc Trăng	0299. 3839 379	traquyt.st@kienlongbank.com
KIENLONGBANK BẠC LIÊU	Số 466 Trần Phú, Khóm 1, P. 7, TP. Bạc Liêu, T. Bạc Liêu	0291. 395 8860	baclieu@kienlongbank.com
KienlongBank Hộ Phòng	Số 164 ấp 02, TT. Hộ Phòng, H. Giá Rai, T. Bạc Liêu	0291. 367 2635	hophong.bl@kienlongbank.com
KienlongBank Hồng Dân	Khu nhà phố 6D, đường Nguyễn Thị Minh Khai, TTMT TT. Ngan Dứa, H. Hồng Dân, T. Bạc Liêu	0291. 356 0866	hongdan.bl@kienlongbank.com
KienlongBank Phước Long	Ấp Nội Ô, TT. Phước Long, H. Phước Long, T. Bạc Liêu	0291. 358 1626	phuoclong.bl@kienlongbank.com
KIENLONGBANK CÀ MAU	Số 26 -28 Phan Ngọc Hiển, P.4, TP. Cà Mau, T. Cà Mau	0290. 359 5999	camau@kienlongbank.com
KienlongBank Đầm Dơi	Số 04 Trần Văn Phú, Khóm 4, TT. Đầm Dơi, H. Đầm Dơi, T. Cà Mau	0290. 394 2999	damdoi.cm@kienlongbank.com
KienlongBank Năm Căn	Số 02 An Dương Vương, Khóm 2, TT. Năm Căn, H. Năm Căn, T. Cà Mau	0290. 387 8668	namcan.cm@kienlongbank.com
KienlongBank Thới Bình	Số 102 đường 3/2, Khóm 8, TT. Thới Bình, H. Thới Bình, T. Cà Mau	0290. 386 1999	thoibinh.cm@kienlongbank.com
VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN MIỀN BẮC	Tầng 6 Sunshine Center, số 16 Phạm Hùng, P. Mỹ Đình, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội	024.7303 7768	vpdd@kienlongbank.com
VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN MIỀN NAM	98-108A Cách Mạng Tháng 8, P. Võ Thị Sáu, Q. 3, TP. HCM	028.3933 3393	vpddhcm@kienlongbank.com



NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

40-42-44 Phạm Hồng Thái, P. Vĩnh Thanh Vân, TP Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

☎ 1900 6929

🌐 www.kienlongbank.com